**Võ Phiến**

E ị!

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[E ị!](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Một chỗ thật tịch mịch](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[Thác đổ sau nhà](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[Bà con chòm xóm](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[Mười giờ](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[Viết sách, nuôi cây](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[Mùa xuân, con én](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[Cái còn lại](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[Xem sách](%22%20%5Cl%20%22bm10)

**Võ Phiến**

E ị!

**E ị!**

Các nhà chuyên môn cho rằng ở các làng mạc vắng vẻ tiếng động chỉ có chừng ba mươi décibels vào ban ngày và trên vài mươi vào ban đêm. Con người có thể chịu đựng thêm một chút ồn ào nữa cũng không sao, miễn là đừng vượt quá ba mươi lăm ban ngày và ba mươi décibels ban đêm. Thế nhưng ngày nay, tại những khu phố gọi là yên tĩnh nhất, vào đêm khuya (nếu không phải là giờ thiết quân luật) tiếng động cũng vượt quá năm mươi décibels. Đó là không kể những ồn ào bất thường trong thời chiến: tiếng quân xa di chuyển từng đoàn, tiếng phi cơ phản lực đi đi về về...
Thần kinh Đỗ chịu đựng kém. Từ hồi về sống ở đô thị chàng đâm ra đố kỵ âm thanh. Tiếng nhạc cũng ít khi dám nghe. Bối âm thường xuyên đã ầm ĩ quá rồi, tăng thêm một tiếng động, tinh thần thêm bị kích thích, bực bội.
Vậy mà rồi một hôm Đỗ tự bắt gặp mình chờ đợi một tiếng kêu lớn. Chờ đợi mơ hồ, nếu không tình cờ để ý có lẽ không biết đến.
Số là đối với mỗi người trong ngày chỉ có một giờ nào đó coi là thích nhất. Các cụ trước kia chọn cái lúc tờ mờ, đêm vừa tàn ngày vừa rụt rè hiện đến; trong cô tịch, các cụ ngồi nhấp trà suy nghĩ.
Đỗ không lấy trầm tư làm thú. Chàng thích cái khoảng thời gian trơ trẽn từ chín rưỡi tới mười giờ. Lúc đó, điểm tâm xong, tách cà-phê nóng đã làm cho người tỉnh táo, những công việc khẩn cấp nhất trong ngày đã tạm giải quyết xong, tâm trí nhẹ nhàng, thảnh thơi. Ngoài trời nắng vừa đủ ấm, sương vừa đủ ráo, ánh sáng tươi mà chưa gắt. Bấy giờ, chàng có thể khoanh tay ngồi trước bàn, ngừng công việc, nghếch mặt nhìn trời xanh ngoài cửa sổ, đầu ốc rỗng tuếch mà vẫn ngấm ngầm hân hoan, không có một dự định gì mà vẫn tràn trề hy vọng. Chừng mười thước tây dưới tầng lầu của chàng xe cộ tiếp tục ồn ào; nhưng chàng tha thứ. Ở sân thượng một tòa nhà nào đó, cùng trong khu phố, có người (chắc chắn là lao công một sở công hay tư) có thói quen xấu là đốt giấy lộn vào buổi sáng, khiến tro tàn tản mác theo gió, lặng lẽ đậu lên mặt bàn, lên mái tóc chàng. Nhưng Đỗ tha thứ.
Bởi vì lúc bấy giờ — chính vào lúc bấy giờ — một tiếng rao cất lên. Hớ hơ ị ị ị (hay Hế ê ị ị ị?... Chàng cố lắng tai nhưng không thể phân biệt). Chỉ có tiếng “ị” sau cùng là rõ ràng. Rõ ràng và kéo dài vô cùng vô tận. Hế vang lên, rồi tiếng ị cứ ngun ngút, nhỏ dần nhỏ dần, như tơ như tóc, không biết lúc nào nó còn đó, lờ mờ, và lúc nào nó đã tan biến vào không gian ngọt lịm. Chỉ chắc chắn cái lúc tiếng rao cất lên, không thể quả quyết khi nó chấm dứt.
Đó là một âm thanh khác thường. Chàng có cảm tưởng nó lạc lõng giữa khung cảnh đô thị. Nó lại cũng không phải của thế kỷ này. Rao thứ gì, chàng không biết. Giọng là giọng một người xẩm, trong trẻo. Nhưng người này bán một món đồ ăn chăng? coi bói chăng? bán chổi lông gà? bàn chải giặt đồ chăng? Đôi ba lần, chàng thử tìm hiểu, nhưng chàng vừa xuống lầu, chạy ra đến ngoài đường, thì người bán hàng đã rẽ mất vào một ngõ hẻm nào trong xóm. Vả lại chuyện đó không ích gì, món hàng không quan hệ, cốt yếu là tiếng rao. Nó cất lên giữa khu phố như tiếng con chiền chiện ngoài đồng nội. Cả hai đều làm cho trời thêm xanh, nắng thêm sáng, mây bạc phiêu phiêu thêm cao.
Chàng vừa liên hệ tiếng rao nọ với đồng nội. Quả có mối liên hệ ấy. Hế... ế..., vâng, ở đâu cũng hế được. Nhưng còn ị ị ị..., cái đuôi thanh âm hun hút ấy không phải của đô thị. Ở đây, một tiếng rao không thể ngân dài, thong thả, bình thản, vừa tiếp diễn vừa tự thưởng thức cho đến cái ngân nga nhỏ nhất của mình như thế. Đây là một tiếng rao đầy tự tín; nó đĩnh đạc, cho rằng khắp thôn ấp, sau những bờ rào, lũy tre yên lành, trong những khu vườn tĩnh mịch, bao giờ cũng có sẵn những lỗ tai theo dõi cái ngân nga dài dòng của nó, rằng nó không tan biến vô ích trong sự ồn ào nóng nảy vô tình. Âm thanh ấy mang nơi mình tất cả cái không khí trung cổ. Giữa nó với khung cảnh thôn xóm làng mạc có một tương quan xương thịt. Nó là một di tích, một cổ tích tồn tại giữa thời đại này trước sự thờ ơ tội lỗi của các nhà khảo cứu. Nó là thứ cổ tích quí báu hơn mọi thứ cổ tích, vì nó không sót lại như một thanh gươm sét dỉ đào được từ lòng đất, như chiếc áo cũ của một nàng công chúa bày trong viện bảo tàng, như một vật hết công dụng, mà nó tồn tại sống động, mặc dù lỗi thời. Nói cho đúng, đây thực ra không phải chỉ là một chứng tích của cuộc sinh hoạt quá khứ; đây chính là một yếu tố nguyên vẹn của sinh hoạt ấy đang tiếp tục sống trong lòng hiện tại.
Tiếng rao hàng ngày nay tranh nhau phát lên thật lớn nhưng không hề kéo dài. Nhất là kéo dài để rồi nhỏ dần, yếu dần. Nó kéo dài làm gì nhỉ? Chỉ cần thét lên thật lớn, thật đột ngột, thế thôi. Người rao hàng điên cuồng nào ngày nay mà lại đem năng lực phát âm của mình phung phí trong những ngân nga vô bổ, bị xóa lấp dễ dàng giữa các tiếng động xô bồ thường xuyên của đô thị? Chỉ có Ế ị ị... là bất chấp mọi đổi thay của hoàn cảnh.
Hế ị ị... cất lên, một hơi gió mát mênh mông thoảng qua bầu trời. Chàng nghe tâm hồn phơi phới nhẹ nhõm. Tưởng tượng đâu đó có một người đàn bà Tàu, mặc thoòng choóng đen, đầu đội chiếc xẩu mầu to tướng, hay chiếc thồng củ mầu mang từ xứ sở quê hương sang đã mấy mươi năm rồi, gánh hàng bằng cây đòn gánh gỗ đen bóng vì mồ hôi của bao nhiêu thế hệ lao động, một người đàn bà của nước Tàu ba bốn nghìn năm lịch sử chùng chình mãi ở thời kỳ kinh tế nông nghiệp, lưu luyến mãi với ruộng vườn thôn ấp, một người đàn bà như thế lững đững ở một góc phố gần đây... Một người Tàu như thế là cả nếp sống yên lành, nhân hậu.
Ế ị giữa buổi mai, và tiếng hò ơ trên sông, tiếng hát ru em kéo dài bất tận trong đêm khuya của người đàn bà Huế, ôi những đeo đẳng tâm tình của thời Nghiêu Thuấn xa xưa. Một bên là những thầm thì tỉ tê trong cô tịch của đêm trường, là những nỉ non tình cảm len lỏi canh khuya, thấm sâu vào lòng người. Một bên là niềm vui an lành vút lên cao thẳm giữa nắng sớm tưng bừng.
Từ lâu rồi, ở đô thị, Đỗ quen với những âm thanh có công dụng rõ rệt, thiết thực... Tiếng huýt còi của cảnh sát công lộ, tiếng rao báo, rao phở, tiếng gọi xe v.v... mỗi mỗi đều vắn tắt. Những trao đổi vắn tắt trong phạm vi những điều thiết dụng ấy làm cho mối tương giao ở đô thị hóa nghèo nàn, lạt lẽo. Chỉ có người đàn bà Tàu nọ là vẫn một niềm tin cẩn ở xung quanh. Ế ị ị ị có kéo dài lạc lõng bơ vơ trong lạnh lùng, thờ ơ của phố phường, có mất đi vô ích vô duyên chăng; nó càng làm cho chàng nao nao tiếc mối giao tình đậm đà đã mất giữa người trong tập thể.
Đó vậy mà một độ Ế ị bỗng im mất. Một hôm chàng bắt gặp sự chờ đợi của mình.
Nó mất từ ngày nào, không biết được đích xác. Thiếu một tiếng rao trong khu phố, không phải như thiếu mất bữa ăn sáng.
Chỉ nhớ mùa mưa, có độ suốt tuần lễ trời cứ xấu hoài, sáng nào cũng có nhiều cơn mưa. Thế rồi một sáng thứ hai trời sáng lên, rực rỡ, chàng sực nghĩ đến Hế ị thì không nghe thấy nữa.
Rồi thì công kia việc nọ ngổn ngang làm chàng quên nó gần như hoàn toàn.
Cho đến một hôm khác, ở một ngã ba đường, chàng trông thấy một chiếc xe GMC vướng đổ một gánh hàng rong, độ ba bốn cái bát bị bể nát và nhiều gia vị mắm muối tung tóe bên đường. Anh tài xế xuống xe, đỡ gánh hàng rong lên, xếp lại các món còn lành lặn. Trong lúc ấy xe cộ bị chận lại bắt đầu dồn ứ, làm nghẹt đường, động cơ nổ, khói tỏa mù. Chủ gánh hàng là một bà già Tàu, nét mặt không chút giận dữ, mắt trông xuống đất, nói từng tràng dài, nói đều đều, vẻ điềm nhiên nghiêm chỉnh, chắc chắn là nói để phân phải trái. Người tài xế dọn vội vã, rồi trèo lên xe, rồ máy đi tuốt. Lúc bấy giờ bà già mới ngừng nói và mới kịp ngạc nhiên.
Anh tài xế không chắc là người xấu, nhưng công việc cấp bách, xe cộ nghẹt đường thúc dục anh, sự thiệt hại của người đàn bà không đáng là bao mà anh ta lại không sẵn tiền trong túi. Đại khái có những lý do như vậy. Nhưng bà già Tàu nọ không chờ đợi sự việc kết thúc kiểu ấy. Trong cách phản ứng nghiêm chỉnh và thong thả của bà ta có sự chậm trễ ít ra một vài thế kỷ.
Có phải Ế ị là món hàng vừa bị đổ đó chăng?
Thỉnh thoảng, trời Sài Gòn gặp một buổi mai thật ngon lành, nắng reo vui trên tường vôi, trên mái ngói; điểm tâm xong, Đỗ ngồi khoanh tay trước bàn tìm một cái cớ cho mối hân hoan hi vọng nơi mình, chàng chợt bắt gặp sự chờ đợi của mình: chàng chờ đợi tiếng rao ngân nga nọ, như là đang vuốt ve một ảo tưởng thanh bình.

12 - 1966

**Võ Phiến**

E ị!

**Một chỗ thật tịch mịch**

Chàng vẫn tin rằng cứ đến giữa khung cảnh ấy mà an tọa, một mình, rồi lặng lẽ suy tưởng, thì chẳng mấy chốc sẽ có chim chóc đến làm tổ trên đầu. Một chiếc tổ chim thật rối trên đỉnh đầu, một vòng hoa tư tưởng đáng ước ao như thế có lúc chàng đã dám nghĩ là không khó. Chỉ cần đến đó, một mình. Chỉ cần có thế, nhưng ấy là điều chàng chưa bao giờ làm. Đâu khó gì? Chỉ vì chàng chưa bao giờ có cái duyên đối với một hành vi như thế.
Khung cảnh nọ cách xóm làng không xa. Nằm trên vùng đồi hơi cao. Xế trưa, thơ thẩn trên đồi, chàng trông xuống thấy dừa với tre trong xóm xanh um, nổi bồng lên cuồn cuộn như từng đám rong lớn trong hồ nước. Xóm làng coi xinh xắn, nhỏ hẳn đi. Nhà cửa thì thưa thớt, nằm khuất trong đám cây xanh. Và sự sinh hoạt của dân làng thì càng khuất xa hơn nữa.
Tha hồ nhìn ngắm, vẫn không thấy động tĩnh gì. Lắng tai hàng giờ, không bắt được tiếng hát tiếng la nào. Họa hoằn, như có tiếng ai kêu ơi ới, nhưng tiếng văng vẳng rồi tắt ngay, mơ hồ, không rõ rệt.
Một đôi khi, mắt chàng bắt gặp một bóng người ngoài đồng, trên một con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo nhỏ xíu. Một dáng người tí teo ngọ nguậy trong nắng xế bao la. Một chiếc nón trắng lấp lánh giữa đồng trống, tận xa tít... Chiếc nón lấp lánh, di động chậm chạp, trong lúc con ó rằn giăng đôi cánh xác xơ giữa nền trời, trong lúc con cuốc phát tiếng kêu đều đều trong nắng rưng rưng... Chàng càng có cảm tưởng xa cách cuộc sống khiêm tốn của xóm làng hơn bao giờ hết...
Chỉ cần dừng lại, an tọa, chẳng mấy chốc...

Nhưng chàng không đến đó để an tọa.
Và càng tiến xa, cảnh càng vắng hơn. Có một vùng đồi chia làm nhiều khoảnh lớn, như những khoảnh vườn rộng với hàng cây bao bọc bốn bề. Trong số ấy có khoảnh vốn là vườn thật, nhưng vườn cũ, vườn hoang. Bởi vì xưa kia trên đồi có một số gia đình sinh sống, về sau bỏ đồi xuống xóm. Trong những khu vườn hoang ấy còn lại hoặc một cây mít, hoặc năm ba cây dừa, có cây cụt ngọn chết khô từ lâu.
Những khoảnh khác là đất trống, bỏ hoang cho cỏ mọc quanh năm. Cho bò, cho dê ăn. Từ đám đất này qua đám khác chỉ có một lối thông rất hẹp, phải vạch cây vạch lá, lách mình len lỏi. Len qua xong, lọt vào khoảnh đất mới, nhìn quanh quất lại bốn bề có cây vây kín, một ngọn gió không vào nổi. Lại càng vắng vẻ thêm lên một bậc. Vài con chim giật mình quay đầu nhìn khách lạ. Có con nhấp nhỏm mãi, không yên tâm. Có con dứt khoát bay vụt đi, làm rung rinh một chùm quả dái ngựa. Bỏ khách lại với cái bóng của mình, in dài trên nền cỏ.
Thử vạch lá, lách mình len qua một khu đất nữa. Lại càng xa nhân gian thêm lên một bậc. Một con cút cụt đuôi cắm đầu lủi trốn vào bụi rậm. Một con gà rừng chậm hiểu, ngẩng nhìn giây lát trước khi hoảng hốt vỗ cánh một cách nặng nề. Gió không len vào nổi: nắng xế càng nồng.
Cứ thế từ đám đất này qua đám đất khác. Chàng không gặp gì khác hơn là những cây dái ngựa, cây bông trang, là lá giang, lá vằn, là thỉnh thoảng một con bò, mấy con dê. Và thường xuyên là cái bóng chàng, in dài trên nền cỏ. Tuy vậy, mỗi lần lách mình qua một khu đất mới, thoạt tiên chàng đều có một ngạc nhiên mới, trước một khung cảnh vắng vẻ mới.
Cái vắng vẻ chồng chất lên nhiều tầng. Sau cùng đến một bãi rộng mênh mông. Cuối bãi cỏ là khu rừng nhỏ, cây cao bóng cả. Mé rừng là một ngôi miếu.
Hẳn nhiên đây là nơi xưa kia con chằng tinh từng mài răng chờ xé thịt Thạch Sanh. Một ngôi miếu cổ, khuất nẻo như thế, hẳn nhiên...

Nhưng một ngôi miếu cổ, khuất nẻo như thế, cũng là nơi mà một thiếu phụ trong truyện của Pearl Buck từng ném chiếc áo vừa cởi ra, trùm lên đầu các tượng thần để che mấy cặp mắt lom lom. Chi không thích những cặp mắt lom lom.
Khi chàng lần đầu trông thấy Chi, chàng bị thu hút ngay. Chàng nhìn không chớp mắt chiếc cổ trắng muốt tuyệt diệu, nhìn mấy sợi tóc xòa xuống má, cặp mắt sâu, đen nhánh, mở to, trông thông minh và nồng nàn lạ lùng. Chi ngồi giữa bạn bè. Chàng không hề biết người con gái ấy tên là gì, từ đâu tới. Mới trông thấy lần đầu, chàng mê mẩn ngay. Chàng chăm chú nhìn: chàng mê cặp chân mày đen đậm, mê đôi mắt sâu, mê những sợi tóc sau gáy và những sợi tóc mai bên má v.v...
Chàng chăm chú, lom lom. Suýt thành lố bịch. Có lẽ chàng đã có vẻ lố bịch cũng nên. Trong phòng, ai nấy có lẽ đã để ý đến chàng. Còn chàng thì khốn khổ, vẫn chưa tìm ra cái gì để mở miệng, chưa biết nói câu gì.
Dĩ nhiên Chi không hề trông thấy chàng, không hề ngó qua một tí nào về phía chàng. Thình lình Chi ngẩng phắt đầu lên, nhìn thẳng vào mắt chàng, cười xòa, kêu: “Nóng quá”, rồi hai tay nắm hai chéo áo dài, ngửa cổ ra, quạt mấy cái.
Chết một nỗi là sau đó chàng càng bối rối, vẫn không tìm được câu nào để nói. Và chàng hóa ra lố bịch hẳn. Chàng loay hoay, khốn đốn. Tuy vậy đồng thời chàng đã biết chắc chắn mình có hy vọng. Bắt đầu có hy vọng ngay từ lúc ấy.
Như vậy không đáng lo lắng sao? Nếu chỉ cần nói “Nóng quá” để tỏ tình thì có thể Chi đã nói câu ấy biết bao nhiêu lần, với biết bao nhiêu người? Thế nhưng chàng nghĩ lui nghĩ tới, nhớ đến con mắt Chi nhìn chàng lúc ấy, miệng nàng cười lúc ấy, giọng nàng nói lúc ấy; và chàng quả quyết: không lầm được.
Quả nhiên, dần dần, hai người quen nhau. Rốt cuộc Chi đến với chàng nơi ngôi miếu cổ.

Hai người tìm đến để nói với nhau những câu chuyện tuyệt vời.
— À này anh...
— Gì?
— Anh biết không...
— Không. Anh chưa biết. Gì thế Chi?
— Bà ngoại đóng đinh bị búa đập trúng ngón tay cái...
— Thật hả? Trời ơi, bao giờ?
— Mới hôm qua. Khiếp, ngón tay bầm tím.
— Tội nghiệp chưa... Nhưng em may áo mới lúc nào thế?
— Dốt! Áo thế này mà mới!
— Anh có trông thấy em mặc áo màu tím này bao giờ đâu.
— Đố anh biết ở đâu ra?
— Anh thua.
— Nhuộm đấy.
— Em nhuộm lấy?
— Anh coi được không?
— Được quá chứ lại. Em khéo thật.
— Thôi ông. Muốn nịnh cũng phải am hiểu mới nịnh được, chứ dốt như anh... Mua được thuốc tốt, nhuộm đâu khó gì.
— Em đem cái này cho anh, phải không?
— Cây ổi trước rào đấy... Có quả to nhất để dành cho anh, dơi nó vừa khoét đêm qua.
— Em tránh qua phía này đi. Có kiến...
— Để yên em coi. Mình không cử động nó không cắn. Anh thấy không, con này bò mãi trên chân em mà không cắn.
— Dại gì. Nó còn muốn bò dần lên cao...
— Thôi ông. Lại bắt đầu nói bậy!
Trên trời cao, nắng gắt, mây trắng sáng lòa. Nhưng xung quanh ngôi miếu cây cao mịt mùng. Bóng cây mát lạnh. Màu của cây xanh lá xanh ánh lên quần áo, thấm mát vào da thịt!
“U cảnh mỗi bạch nhật
Thanh huy chiếu y thường”

Gần như mỗi nhật, thanh huy đều có chiếu y thường một lần. Hai người thủ thỉ, trong lúc con sóc trèo ngược trèo xuôi một nhánh cây thị, trong lúc đàn két hái rớt lộp độp trái cây đâu đó phía sau miếu, trong lúc con ó rằn giăng cánh xác xơ trên trời xanh...
Và đến khi chàng ra về thì trên cỏ bóng chàng đã ngã quá dài. Trong mỗi khoảnh đất hoang, bờ cây bao bọc ngã bóng quá dài. Và những quả dái ngựa thì chúng in một cái bóng cũng dài quá cỡ, thành ra kỳ hình dị tướng. Một quả dái ngựa hơn sải tay! ôi chao, trên đường về đôi khi chàng tưởng thấy bị giễu cợt.
Tuy nhiên không có một cơn gió lay động, không có một tiếng huyên náo. Cảnh vật nghiêm trọng, thâm trầm. Chàng tha hồ sống với cảm xúc của riêng mình, tha hồ gìn giữ cẩn trọng nguyên vẹn cảm xúc riêng.
Chàng giữ gìn cho đến lúc đêm về. Nằm trên chiếc chõng tre đặt ngoài vườn, chàng nhìn trăng cao. Chàng nhìn lá tre trên đầu mình với những giọt nước long lanh tụ ở đuôi lá. Chàng nhìn mây kéo nhau lướt êm đềm bên cạnh mặt trăng. Tai chàng lơ đãng theo dõi tiếng chày giã gạo đều đều trong xóm. Và chàng lặng lẽ ôn lại những lời chàng nói, những lời Chi nói, những cảm xúc của hai người. Chàng như con bò nhàn hạ nhai lại cảm xúc của chính mình. Chàng sống lại, trong đêm, ở một góc vườn, những giờ nồng nàn dưới trưa...
Và tre trúc, và sương đêm, trăng sao v.v...tất cả giữ một xa cách kính cẩn đối với tâm sự của chàng.

Tất cả đều giữ một sự xa cách kính cẩn. Ngay cả cái lúc mà Chi lặng lẽ khóc.
Phải, có lần Chi khóc. Chuyện đó gần như dĩ nhiên. Vì sự gần gũi lâu ngày, thanh huy chiếu y thường nhiều lần, quá nhiều lần. Rồi một hôm, Chi khóc lặng lẽ.
Chàng hỏi: “Em làm sao thế? Chi, anh có làm em khổ không? Hả, Chi, Chi. Em...” Nàng lắc đầu không trả lời, tiếp tục khóc. Còn chàng thì loay hoay. Như một con gà mái loay hoay trong ổ sau khi đẻ xong chiếc trứng, hoàn toàn không hiểu gì về công việc mình vừa làm.
Ngay cả cái lúc ấy, tất cả vẫn xa cách kính cẩn. Két vẫn ăn trái làm rơi lộp bộp sau miếu, con rắn lục vẫn hút một tiếng dài thoang thoảng lửng lơ, con sóc vẫn nhảy nhanh nhẹn từ cành nọ sang cành kia trên cây thị, con kỳ nhông nghểnh đầu rồi lủi đi... Tất cả đều khuyến khích: “Tự nhiên, xin cứ tự nhiên! Xin các người tự nhiên!”
Và Chi thấy an ủi. Và nước mắt nàng khô dần trên mi.

Hạt nước mắt Chi đã khô trên phần tư thế kỷ. Trong chừng ấy thời gian, giặc giã liên miên. Xóm cũ mất đi sáu phần mười nhà cửa. Dân làng mười người tản mác hết tám. Cây cối xâm chiếm hết vùng đồi, bao trùm ngôi cổ miếu...
Còn chàng, bây giờ chàng ngược xuôi trên các con đường nhựa của đô thị, mũi hít mùi xăng nhớt mùi rác rến, mặt mày tóc tai mỗi chiều về phủ dày một lớp bụi. Còn chàng, bây giờ ngày ngày chàng tất tả chạy vào chạy ra sở nọ sở kia, chàng leo lóc cóc các thang lầu, chàng đụng đầu đều đều với những công việc buồn nản.
Mỗi tối, trong tiếng muỗi vo ve bên màn, chàng lắng nghe sự tàn tạ của cuộc đời.
Nhưng cuộc đời không cam phận tàn tạ. Nó không chịu cam phận. Giữa tiếng muỗi vo ve những khi thức giấc nửa đêm, từ trong cùng thẳm của tâm hồn chàng nổi lên tiếng kêu đều đều, tiếng kêu gióng giả, khắc khoải như tiếng cuốc trong nắng đậm xế chiều, tiếng đỗ quyên tiếc nhớ tiền triều. Nó gọi kêu một khung cảnh tịch mịch, thật tịch mịch...

1-1969

**Võ Phiến**

E ị!

**Thác đổ sau nhà**

Đáng lẽ hôm đó tôi không đi với nhà tôi. Một phần vì tôi chưa quen tiệc tùng đông đảo mà đám cưới hôm đó thì nhà trai mời rất đông. Vả lại hồi ấy tôi có mang trên ba tháng, thân hình đã có những nét thay đổi; một người đàn bà dù không hay làm đỏm cũng không thấy có hứng thú chen đến chỗ đông người với một thân hình như thế.
Tuy vậy khi nhà tôi sắp đi thì vợ chồng anh Thuỷ ghé vào. Chị Thuỷ kéo tôi vào nhà trong, nhất định nằn nì đòi tôi cùng đi cho có bạn. Chị bảo nếu không có tôi thì chị cũng không đi dự tiệc, nên muốn cho chắc chắn chị không cho anh Thuỷ đi thẳng mà bắt ghé vào nhà tôi để rủ. Chị xốc hai tay vào nách, lôi tôi đứng dậy, vuốt vuốt trên bụng tôi, rồi nghẻo đầu ngắm nghía, cười ngắc nghẻo, thì thào:
— Trông được gái lắm. Có ai thấy bụng dạ gì đâu nào? Đi với người ta cho rồi.
Tôi bật cười. Vẫn với vẻ đùa đùa, nhanh nhẹn láu táu, chị mở tủ lấy áo ra, lấy lược chải tóc cho tôi, lấy kem lấy phấn dàn ra.
Vì cái tính láu táu đó mà chị Thuỷ cứ dồn dập, bắt ép khẩn khoản xua chị em tới, đòi làm cho kỳ được những điều chị muốn. Kỳ thực chị không biết là mình muốn, mình cần điều đó tới đâu. Cho nên nhiều lần, sau khi xảy ra chuyện đáng tiếc, chị ân hận vì điều mà chị muốn chị em làm xét lại không có gì cần thiết. Tôi vừa trang điểm vừa nghĩ đến chỗ đó. Nghĩ thế mà vẫn cứ phải làm theo sự thúc giục vui vẻ của chị.
Từ đầu cho tới giữa bữa tiệc tôi ngồi khá dễ chịu. Bên phải tôi là chị Thuỷ, bên trái là một bà đã có tuổi, nhã nhặn, nói chuyện có chừng mức và nhỏ nhẹ. Giọng nói bà ta thân mật tự nhiên, vì thế chẳng bao lâu chúng tôi trò chuyện với nhau như trong phòng khách của nhà mình, quên để ý đến cảnh đông đảo xung quanh. Vẻ nhỏ nhẹ kín đáo của chúng tôi khiến cho không ai chú ý đến phía chúng tôi ngồi, và như thế càng làm cho tôi tránh khỏi cái khó chịu mà tôi tưởng tượng lúc ở nhà.
Chợt trong phòng tiệc tự nhiên im lặng, chỉ có tiếng một người nói. Bà khách ngồi bên tôi ngẩng lên nhìn. Tôi cũng ngó theo. Người khách đang nói, chẳng biết tự lúc nào đã rời bỏ ghế của mình, bưng ly rượu đi đi lại lại. Cũng chẳng biết bắt đầu làm sao mà ông ta được mọi người chú ý. Hiện thời thì trừ một số khách đàn bà, còn bao nhiêu đều ngưng chuyện riêng, chăm chú theo dõi ông ta. Thỉnh thoảng mới có người nêu lên một câu hỏi ngắn, cũng là thuộc về câu chuyện ông ta đang nói. Ông ta nói chuyện về săn bắn.
Đó là một người thấp, vào khoảng năm mươi tuổi, có vẻ dày dạn. Nước da đen, đường nét trên khuôn mặt hơi thô. Nhưng cặp mắt thực lanh. Đầu tóc ông ta không chải, khô và quăn, nhưng không bù xù. Ông ta mặc bộ đồ nỉ màu tím sẫm đắt tiền, mà không có chút gì chải chuốt. Cử chỉ nhanh nhẹn, dễ dãi, tự nhiên. Trông qua, người ta có cảm tưởng ngay là một người từng trải, không kiểu cách, quen với cảnh hội hè đám tiệc. Lại là một người thực tế, giản dị, tránh những ước vọng cao xa, với một khinh bỉ khôn ngoan.
Thoạt tiên tôi nhìn thấy ông ta rồi liền cúi xuống tiếp tục gắp món ăn. Nhưng giọng nói của ông ta vẫn vang bên tai. Tôi lắng nghe câu chuyện. Bỗng nhiên tôi hoảng hốt. Một lo sợ chơi vơi không rõ vì sao làm tôi nôn nao. Người đàn ông đó nhắc lại một cái gì hẳn có liên quan đến tôi. Tôi ngẩng đầu lên nhìn lại. Ông ta đã trở về đứng ngay sau chiếc ghế của mình, một tay đặt lên lưng ghế, lắng tai chờ nghe câu hỏi của người khách ở một bàn xa. Vụt một cái ông ta sụn xuống, rùn cổ thụt đầu vào, nhô hai vai lên, và giơ cao hai bàn tay, há miệng trợn mắt, “À!” một tiếng. Mọi người cười. Rồi ông ta chụp mạnh một tay, nắm lấy lưng ghế, tay kia trả chiếc ly xuống bàn, lắc đầu nói:
— Không! Không! Ban đêm không bao giờ trông thấy được voi ở xa đến thế. Bọn thợ săn chúng tôi chừa con voi ra, còn lại tất cả đều dưới quyền chúng tôi. Chúng tôi đội ngọn đèn trên đầu tiến vào trong rừng là có thể trông thấy tất cả muôn thú, trừ con voi. Và con người, vâng, và con người nữa. Là vì mắt voi và mắt người không phản chiếu ánh đèn. Thế cho nên nhiều khi mình đã đến gần bên một con voi mà vẫn tưởng là tảng đá. Ngoại trừ con voi, bọn thợ săn chúng tôi làm chủ núi rừng. Quét một ngọn đèn bắn trong đêm thì trong vòng đường kính năm mươi thước chúng tôi có thể thấy từ cặp mắt con cọp, con heo rừng, cho đến những chấm sáng li ti của mắt con nhện, mắt những con nhái, con cào cào, châu chấu, đến những cặp cánh lóng la lóng lánh của sâu bọ lăn tăn. Sáng nhất là mắt cọp và mắt nai. Mắt cọp sáng ngời, có tia sao. Còn những mắt heo rừng, thỏ, chồn... thì đỏ lờ lờ như màu mã não. Có lần chúng tôi...
Tôi cúi xuống bàn, tâm trí hoàn toàn rối loạn. Nhất định là người đàn ông đang nói đó và giọng nói của ông ta có một liên quan gì với tôi hết sức hệ trọng. Khổ nhất là người ta không có phương pháp gì có thể tự ý gợi lại một ký ức khi nó chưa chịu hiện đến. Tôi biết chắc lúc đó thần sắc tôi biến đổi khác thường. Bà khách bên cạnh nhìn tôi, giấu vẻ lo ngại, nghiêng người tới với một vẻ săn sóc, tìm một câu nói:
- Ông ấy thạo quá.
Tôi cười và đáp như máy: “Vâng, thạo quá.”
Chị Thuỷ quay sang phía chúng tôi, nói thêm:
— Ông quận Toàn đấy mà. Chị không biết sao? Quận Toàn mà nói chuyện săn bắn không thạo thì ai thạo? Hồi thầy tôi còn làm phán sự tòa sứ ở tỉnh, cách đây hai mươi năm, chúa nhật nào ông ta cũng có thú rừng bắn được đem biếu...
Tôi cười vu vơ, không đáp, lắng tai nghe tiếng ông quận Toàn tiếp tục nói. Ông ta mỗi lúc mỗi xưng “bọn thợ săn chúng tôi” mặc dù trong tiệc chỉ có mình ông là thợ săn. Xưng đến “bọn thợ săn chúng tôi” ông ta ưỡn người ra, hãnh diện. Ngoài khi nói về chuyện săn bắn, thì ông ta bặt thiệp, nhũn nhặn, thân mật. Ông ta thân với chủ nhà và tự coi như người nhà. Thỉnh thoảng ông ta ngừng nói chuyện, rót thêm rượu vào ly một người khách, mời một món ăn. Khi đó ông ta hạ giọng xuống, có khi ông ghé vào tai pha trò một câu nhỏ, một tay thân mật đặt lên vai người khách, săn đón, vồn vã. Rồi lại ngẩng lên, lớn tiếng tiếp tục chuyện săn thú, như chiếc phi cơ lại cất cánh hiên ngang lên trời, bỏ lại những nhà cửa xe cộ dưới đất.
Ông ta giơ một bàn tay với những ngón to và ngắn ngủn lên ngang đầu, ra dấu cho mọi người im lặng chú ý, rồi lên tiếng:
— Này nhé, làm thế nào phân biệt được mắt con thú với sao trên trời? À, cái đó mới ngộ! Nếu không phân biệt được thì có người đang đi trong rừng trông thấy hai vì sao lọt qua kẽ lá sáng bên nhau như hai con mắt thú, thế là cứ nhắm mà bắn bừa thôi. Ha! Muốn phân biệt thì thế này: bọn thợ săn chúng tôi bao giờ sau khi chiếu đèn về một phía nào mà gặp những chấm sáng cũng cẩn thận quất đèn về hướng khác, rồi liếc mắt ngó xiên lại chỗ cũ. Nếu những chấm sáng vừa rồi tắt đi thì đích là mắt thú, còn nếu vẫn cứ sáng thì đó là sao rồi. Sao trời hoặc là lửa, vâng, lửa...
Ông quận Toàn giơ bàn tay lên, vung vung, ra dấu cảnh cáo:
— Cái này mới nguy hiểm đây. Ở trên núi vẫn có những đóm lửa bất ngờ như thế. Chúng tôi thường gặp. Hoặc là thợ rừng ngủ lại, hoặc là người đi lỡ đường, hoặc là những người cầm bò trên núi, họ đốt lửa lên cho ấm rồi nằm ngủ xung quanh. Về khuya, lửa tắt, còn lại những đốm lẻ tẻ giữa đống tro. Khi ấy mà lầm là mắt thú rừng, cứ bấm cò súng một cái là thế nào, hà, hà! thế nào cũng một vài nhân mạng nhé.
Trong phòng nổi lên những tiếng ồn ào. Ông quận Toàn ngừng nói. Tôi không dám nhìn lên mặt ông ta nữa. Tôi đã gần nhớ ra câu chuyện, gần hiểu sự liên hệ giữa ông ta với tôi là như thế nào rồi. Vô tình tôi tìm khuôn mặt nhà tôi ở góc phòng đối diện. Rồi tôi cúi đầu. Khó chịu nhất là lúc này bà khách bên cạnh tôi lại bắt đầu nói chuyện. Thực là khổ, trong lúc tôi cần yên tĩnh một chút, mà phải vờ lắng tai nghe, dạ dạ vâng vâng. Tôi không biết bà khách bên cạnh nói những gì, và có để ý đến thái độ của tôi không. Đột nhiên tôi giật mình vì bà ta cười lên một tiếng ngắn. Tôi sợ hãi ngước nhìn, nhưng thấy nét mặt bà vui vẻ thực tình. Và bà đã bỏ câu chuyện của mình để theo dõi câu chuyện ông quận Toàn. Ông quận nói:
— Có một lần thế này, thật là chết người! Chuyện xảy ra cách không bao lâu, vâng cũng chẳng lâu gì. Nguyên là trước chiến tranh tôi đã làm việc ở đây gần mười năm cho nên tôi thông thạo hết núi rừng. Bởi vậy lần này, hồi mới được đổi trở về đây tôi có thể đi bắn một mình trên đèo Vạn. Độ mười một giờ đêm, tôi vừa leo lên một cái động tranh thì ngọn đèn của tôi chiếu vào một đám mắt sáng lố nhố. Thật nhiều mắt. Tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng. Tôi chưa từng gặp một đàn nai nào đông đến thế. Tôi quất đèn sang một bên, liếc lại nhìn: quả là mắt, không phải lửa. Tôi đặt súng lên vai, định bụng lẩy luôn hai phát đạn một lượt. Hai phát đạn vào cái đám mắt đó thế nào cũng được hai con nai. Tôi bóp cò. Đạn thúi! Úi chao! Tôi đi săn hăm bốn năm rồi, trường hợp đó chưa khi nào xảy ra: cả hai viên đạn đều hỏng cả hai...
Ông quận Toàn bấu chặt lấy lưng ghế, chồm người tới, trố mắt tròn xoe nhìn mọi người, kinh ngạc. Rồi ông ta lắc lắc cái đầu, lặp lại:
— Hỏng cả hai viện đạn, thật là kỳ cục. Tôi vừa tức giận vừa lo sợ, hạ súng xuống thay đạn. Không biết lật bật thế nào tôi đánh rơi một viên đạn xuống tảng đá dưới chân, nó lăn nhảy lóc cóc mãi một lúc lâu xuống tận dưới khe xa mới dừng lại. Tôi bực mình, sợ đàn nai hoảng hốt chạy mất. Nhưng quái lạ, chúng vẫn cứ đứng yên, giương mắt lố nhố. Tôi lại chợt nghe phất thoang thoảng một mùi khai khai, hôi hôi quen thuộc. Tôi sinh nghi. Đã đặt súng lên vai, tự nhiên tôi hạ xuống và rón rén bước lần tới. Nếu là đèn pin đội trên đầu thì cách xa hai chục thước đã có thể trông thấy hình thù con vật, nhưng hôm đó tôi dùng đèn đá cho nên phải tiến gần độ mười hai thước tây. Ngọn đèn của tôi chiếu thấy một đàn bò trên năm chục con, đứng có nằm có, giữa một cái rông cất sơ sài bằng cây tươi vừa đốn trong núi. Sát bên cạnh rông nhốt bò là cái chòi của người giữ bò! Ui chao, trời đất ơi! Tôi bủn rủn tay chân...
Ông quận Toàn xuỗi cả hai tay, nghẻo đầu thất vọng một lúc. Rồi ông ta vùng tỉnh táo, chồm tới:
— Trong đời bọn thợ săn chúng tôi đôi khi vẫn có gặp một a-văng-tuya như thế. Thật là chết người. Hú vía! Nếu hai viên đạn không hỏng, hay nếu tự nhiên tôi không nghi ngại, bước tới, thì đêm đó có thể đã xảy ra một vụ án mạng rồi. Nhân mạng thực sự chứ không phải là đền bò thôi đâu nhé. Nếu tôi nổ, viên đạn lọt vào trong chòi người giữ bò... Trời ơi! Khi tôi chạy xồ tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả, tôi hét lên như điên...
Ông quận Toàn đang nói hăng. Rất có thể ông ta sẽ nói tiếp. Tôi thấy bừng bừng trong người, và chóng mặt, như ngồi trên một chiếc xe đang phóng nhanh xuống dốc.
Nhưng tự nhiên quận Toàn ngừng lại. Những lúc ta cố tìm hiểu ý nghĩa biểu thị trên một nét mặt, thì lại chính là những lúc ta không đoán được gì cả: các chi tiết đơn giản nhất cũng hóa ra khó hiểu, thật là đáng giận. Lúc đó vẻ mặt ông quận Toàn tự dưng tắt mất cái hăng hái, ông cúi xuống đĩa đồ ăn. Việc ông khép thình lình câu chuyện có vẻ như là kín đáo dành riêng đoạn sau giữ lại cho mình. Trên môi ông phảng phất bóng dáng một nụ cười ranh mãnh. Nhưng tôi cũng không tin hẳn như thế. Là vì cái vẻ chăm chú thận trọng khi ông bôi cho đều “xốt” vào con tôm và sự khoan khoái biểu lộ rõ rệt trên nét mặt lúc ông ta vừa nhai nhồm nhoàm vừa quay sang bình phẩm món ăn với người bên cạnh khiến tôi lại nghĩ rằng ông ta là một người thô sơ, không bận tâm đến đoạn sau của câu chuyện. Và cái thoáng cười vừa rồi lại không chừng có ý nghĩa giễu cợt.
Ông quận Toàn bỗng ngẩng cao đầu, ngả lưng ra, ưỡn người khoan khoái. nhìn một loạt khắp phòng tiệc. Như tuồng kể xong câu chuyện săn bắn là rồi một nhiệm vụ, bây giờ ông ta có quyền thảnh thơi và bày tỏ sự thảnh thơi với mọi người. Nhưng cử chỉ tầm thường đó làm tôi khiếp vía. “Nếu ông ta trông thấy tôi?”... Tưởng như ông ta đang quất ngọn đèn săn trong rừng và “bọn thợ săn của ông ta” đang làm chủ núi rừng, còn tôi thì chỉ là một con nai nhỏ, trốn sao cho khỏi cái thứ ánh sáng có thể soi thấu từng con mắt chuột, mắt nhái li ti đó. Thực vậy, tôi có cảm tưởng cái hột xoàn tí hon gắn trên đôi hoa tai của tôi, cái mặt nhẫn đeo nơi tay tôi cũng quá sáng, có thể khiến ông ta chú ý đến tôi... Cặp mắt ông ta lướt qua như một chiếc oanh tạc cơ lướt ngang đầu. Tôi gầm đầu xuống, lặng người đi một lát...
Bên tai tôi chị Thuỷ lại nhanh nhẩu:
— Ông quận Toàn này bắn thì thôi khỏi nói. Hồi tôi còn nhỏ có một hôm ông ấy đi với thầy tôi về quê. Từ lúc chiều đến chạng vạng tối, ông ấy cho gánh về nhà tôi bảy con công. Bảy con công bự, khiếp chưa? Chị biết, công nó khôn lắm nhé, ta khó lần mò đến gần mà khỏi bị nó thấy. Ông ta không thèm rình mò gì cả, chỉ hỏi thăm thợ rừng xem chúng nó thường ngủ chỗ nào. Thường thường chúng nó lựa một cây trụi lá vì chúng sợ chồn. Cây trụi lá càng dễ nhắm dễ bắn. Ông ta cứ việc đến sớm, tìm chỗ nấp cẩn thận bên gốc cây. Chiều, công nó về từng con từng con. Con nào về đậu vừa yên ông ta liền nổ súng ngay, nó rớt đánh đùng một cái như quả dừa rụng. Mặc kệ, ông ta cứ ngồi yên trong bụi, không ra. Ra ngay lúc đó là hỏng nhé. Cứ ngồi yên một tí là có con công khác về ngay. Nghe tiếng nổ chúng nó về xem thử, cứ thế ông lần lượt giết hết đàn công. Nghĩa là đừng bắn trượt con nào. Trượt một con là hỏng, vì những con sau biết ngay có tai nạn.
Chị Thuỷ đã nói tới cái câu có vẻ kết thúc:
— Quận Toàn, thôi khỏi nói, ông ta săn bắn kinh nghiệm và khôn ghê lắm...
Nhưng bất ngờ chị chuyển qua ý khác:
— Trời! Ông ta mê bắn cách lạ. Cái đêm Nhật đảo chánh năm 45, suốt đêm ông ta bắn trên núi không hay một chút xíu xiu. Hồi đó ông ta làm việc ở tòa sứ ngoài Nghệ An. Gà gáy, ông ta xách súng về nhà, đi ngay vô phòng ngủ, cũng vẫn chưa hay biết gì. Tới giờ làm việc, ông ta sắp sửa mặc đồ đạc vào thì tòa sứ cho người tới mời, ông ta cằn nhằn tưởng có chuyện gì gấp. Chừng đến tòa sứ nghe nói mới ngã ngửa ra tưng hửng. Thôi thì lúc đó sứ tây nó lo phần nó, công chức người mình nó cho nghỉ việc, chờ Nhật tới định đoạt. Thế là trong mấy ngày chờ đợi ông quận Toàn lại xách súng đi bắn, thản nhiên như không! Khi Nhật tới, gọi công chức lại tiếp tục công việc thì ông ta đã bắn thêm được ba con nai chà. Ông thân tôi mỗi lần nói đến tật mê bắn của quận Toàn đều nhớ chuyện đó.
Quận Toàn lúc ấy đang ngồi lơ đãng xỉa răng. Đối với mọi người ông ta đã lặn mất vào đám đông thực khách, không còn là một nhân vật đáng chú ý nữa. Có lẽ chính ngay ông ta cũng không còn nghĩ đến câu chuyện vừa qua. Trông cái môi ông nhếch lên, lưỡi ông quơ soát lại hàm răng, và ông chíp chíp nho nhỏ trong miệng, tôi đoán có lẽ cái vị của món bồ câu ăn với xà-lách còn một chút lưu luyến nơi ông. Nhưng chắc ông đã bắt đầu nghĩ đến ly cà-phê sắp thưởng thức rồi.
Càng theo dõi quan sát ông quận Toàn tôi càng tin rằng con người đó nhất định không thể bận rộn vì những ý tưởng phức tạp hơn. Tôi càng nhìn càng thấy các ngón tay ngắn ngủn với làn da thô dày và đùn lại sù sì ở các đốt cũng như vẻ mặt của ông ta đáng lẽ là của một người nông dân tâm lý thô sơ, chất phác, siêng làm và thực tế. Chừng ấy nét tính tình ở một người có học thức có tiền của lại làm ra một mẫu người cầu an ích kỷ, không thèm bận tâm đến một lý tưởng xa vời nào, một người siêng tìm và biết thưởng thức những giải trí dễ dãi, những thú vui vật chất.
Bà khách ngồi bên tả chia cho tôi một que tăm. Tôi ngả người dựa lưng ghế, xỉa răng, và tự nhiên có cảm tưởng thư thái dễ chịu, dần dần thoát khỏi sự hồi hộp lo sợ thắc mắc. Chị Thuỷ đang mở chiếc ví đặt trên đùi ra, soi gương chặm những chấm mồ hôi trên mặt. Phòng tiệc lộn xộn ồn ào, đàn ông vừa hút thuốc vừa nói chuyện từng nhóm riêng với nhau. Rồi người ta bắt đầu xô ghế đứng dậy. Thôi thế là xong.
Khi quận Toàn bước ra cửa, tôi ngó theo ông ta bằng một khóe mắt. Một tay ông ta níu lấy cánh tay một ông bạn, tay khác ông vung lên làm những cử chỉ ngắn mà mạnh mẽ, mặt ông nghẻo nhìn vào ông bạn, vừa đi vừa nói.
Tôi cảm thấy nhẹ nhàng an tâm: chuyện ông đang nói chắc chắn không phải là chuyện “hắn ta”, cho đến phút cuối cùng trông ông ta không có vẻ muốn đả động gì đến “hắn ta” nữa. Nhưng đồng thời cũng chính cái vô tình đó làm cho tôi vùng sống lại y nguyên tâm trạng của mấy năm trước. Tôi vừa xót xa tủi thân, vừa hối hận khinh bỉ. Cái tầm thường và thái độ vô tình thô bỉ của ông ta như lăng mạ chà đạp tôi.
Thế mà vừa rồi đối với khách khứa trong phòng tiệc, ông ta đã nói về “hắn ta” bằng một câu có thể khiến mọi người nghĩ rằng đó là một kẻ đần độn vô tư lự: “khi tôi chạy tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả!”
Tôi phải nói rõ hơn về “hắn ta”.

Tôi lấy chồng sớm, từ năm mới mười sáu tuổi. Người chồng đầu tiên của tôi lớn hơn tôi đến bảy tuổi, và chính là thầy dạy tôi học. Sự chênh lệch đó làm cho Thọ bận tâm rất nhiều. Tuy tôi đã tìm mọi cơ hội để tỏ rằng tôi hoàn toàn sung sướng với anh, nhưng tôi biết càng ngày Thọ càng bị ám ảnh bởi cái ý tưởng cho là sự quyết định của tôi hồi còn nhỏ có thể bồng bột, tình yêu của tôi không bền chắc, nhất là vì bản tính nghiêm buồn hay suy tư làm cho về mặt tinh thần anh có vẻ già dặn hơn tôi nhiều quá, và vì chúng tôi lại không có con cái.
Gia đình của Thọ là một gia đình nhà nho, Thọ lại là đảng viên cộng sản. Từ ngày về nhà chồng tôi càng tự cảm thấy bé bỏng, không đáng kể, giữa cái sinh hoạt tinh thần luôn luôn thao thức trong gia đình ấy. Cha chồng tôi nghiêm khắc, đường hoàng, khiến bọn con cháu chúng tôi ở trong nhà ít khi dám gần người. Tuy vậy dần dà tôi lại biết rằng tính người hay sợ hãi: tất cả những người Âu từ tên lính lê-dương đến tên tây đoan đều làm cho người khiếp sợ, tất cả những tai họa rắc rối xảy đến cho gia đình đều khiến người bối rối lo hãi, người sợ những con ngựa có chứng và không dám đến gần những con bò hung dữ... Nhiều khi sự hoảng hốt của người trước một đe dọa quá tầm thường làm cho đàn bà trong nhà phải nấp sau cửa bụm miệng cười rúc rích. Khi chiếc phi cơ oanh tạc đầu tiên đến bay quanh vùng chúng tôi thì cả nhà đang ngồi ăn cơm vùng bỏ chạy tán loạn. Mọi người đã nằm nấp ngoài vườn xong mà mãi không thấy cha chồng tôi đâu cả, anh Thọ đánh liều trở vào nhà. Vào đến nơi, thấy người đã mặc xong áo dài và đội khăn đóng chỉnh tề, ngồi ngay ngắn trước bàn, hai tay đặt lên mặt bàn, run lẩy bẩy, hai mắt nhắm tít. Anh Thọ gọi, người mở mắt ra nói:
— Người quân tử dù đến chết cũng khăn áo chỉnh tề.
Rồi người lại nhắm mắt ngồi chờ chết, hai bàn tay run trên mép bàn. Lần ấy chiếc phi cơ không bắn một viên đạn nào và không thả trái bom nào. Từ đó người mới chạy trốn bom.
Sau này, trước thái độ độc ác phũ phàng của những cán bộ cộng sản đối với tầng lớp địa chủ thân hào, người cũng ngạc nhiên và sợ hãi như thế. Khi được biết anh Thọ vào đảng Cộng sản người không dám có ý kiến phản đối, nhưng trong gia đình ai nấy đều thấy rõ sự cách biệt, có thể nói là sự xung đột ngấm ngầm giữa hai cha con. Xung đột ấy chỉ thỉnh thoảng mới biểu lộ qua sự trung gian của anh Kha, bạn thân của Thọ từ ngày còn ở nhà trường.
Kha ở cùng làng với chúng tôi. Những khi anh đến chơi mà không gặp Thọ ở nhà thì anh với cha chồng tôi cùng nhau công kích cộng sản. Khi gặp Thọ thì Kha và Thọ tranh cãi nhau, còn cha chồng tôi lặng lẽ tiếp tục những công việc của người, dù ở bên cạnh cũng làm như tuyệt nhiên không nghe thấy lời nói của hai người thanh niên.
Cha chồng tôi, và có lẽ cả Kha, trong những lúc tranh luận, đều yên trí rằng Thọ là một kẻ cuồng tín. Thực ra lúc nào Thọ cũng bênh vực lập trường tư tưởng của mình một cách cương quyết và kiêu hãnh. Nhưng chính vì thế tôi càng thương Thọ về những bứt rứt luôn luôn âm ỉ trong tâm trí anh.
Tôi còn nhớ một đêm tháng sáu, trời nóng nực, cha chồng tôi cắm cúi xắt một cuốn thuốc dài ngoài hiên, Thọ và anh Kha trò chuyện trong nhà. Tôi đang ngồi lột vỏ đậu phụng trước thềm, chợt để ý đến thái độ của cha chồng tôi, thấy người luôn luôn ngừng tay giả vờ sửa cuốn thuốc, để theo dõi câu chuyện phía trong nhà.
Bất giác tôi chú ý đến giọng nói ồ ồ xẳng xớm và cộc lốc của Kha:
— ... Hừ! Riêng gì cái chuyện đối với bà cụ? Tôi biết các cậu mỗi ngày mỗi tu luyện để trút bỏ hết tình cảm, hết nhân tính.
Chồng tôi bình tĩnh nhưng gay gắt:
— Vậy thì tình cảm vớ vẩn là nhân tính? Thương mù quáng... một ông bác, một bà cô, một đứa em phản động, một người bà con phản động, là nhân tính? Còn thương yêu những người nghèo khổ bị áp bức, cứu gỡ họ ra khỏi sự bóc lột mà động chạm đến bà con mình là mất nhân tính?
Trong bóng tối hình như cha chồng tôi thoáng nhìn về phía tôi. Tự dưng tôi hưởng ứng thái độ của người. Chồng tôi vừa kể ra, để đối lập với kẻ vô sản, những ông bác, bà cô, đứa em... Đáng lẽ anh phải kể đến bà ngoại. Và có thể kể cả cha mẹ và vợ con nữa. Sự né tránh của anh không làm cho chúng tôi sung sướng, mà chỉ nhắc rằng anh vẫn nhớ đến sự hiện diện của chúng tôi ngoài hiên, làm cho chúng tôi càng khó chịu. Chúng tôi biết rằng nếu phải chọn lựa giữa “người cha, người vợ phản động” với hạnh phúc của kẻ vô sản, thì chồng tôi cũng không có thái độ khác hơn là đối với ông bác, bà cô, đứa em. Trước đó năm hôm, bà ngoại của Thọ mất trong một gia đình địa chủ bị bao vây. Thọ nhất định không về dự đám tang. Mãi hơn một giờ sáng ngày hôm đó mẹ chồng tôi về kêu cửa, thất thểu bước vào, mình mặc áo cụt, đầu tóc lòa xòa không quấn khăn tang. Bà run lập cập: chúng tôi đốt lửa lên để sưởi, hơ vuốt những ngón tay cứ co quắp lại. Người vừa ấm, mẹ chồng tôi nhìn chúng tôi khóc như mưa như gió. Rồi cha chồng tôi về, kể rằng dân làng không ai được phép chôn bà ngoại Thọ; ba chị em của mẹ chồng tôi phải vừa đào huyệt vừa khiêng quan tài mẹ, chôn cất đắp mộ suốt ngày!
Kha lên tiếng liền để trả lời Thọ:
- Các cậu đang thương người nghèo khổ đấy à? Hừm! Thật không? Cậu có chắc thế không?
Bỗng Kha dừng đột ngột, như bị hóc. Lát sau, anh thong thả, bình tĩnh hơn:
- Thí dụ... Ta lấy một cái thí dụ: Gặp một người đói khổ nào đó, đối diện một người nghèo nào đó cụ thể, một ông A bà B nghèo, cậu với tôi không chắc ai động lòng thương hơn ai. Bình sinh hai đứa không hay nhường cơm xẻ áo cho kẻ nghèo khổ nào. Cậu với tôi như nhau, coi như ngang nhau thôi. Nhưng lòng thù hận, thù kẻ giàu, thì lúc này cậu vượt tôi... vượt... không thể nói. Tại sao vậy? Trước không có thế, đột nhiên cậu đổi khác hẳn. Cậu không nghĩ là lúc này đang cần đến sự thù hận, chính sách thấy cần sử dụng đến sự thù hận, thì tình cảm ấy được gây ra. Không phải vậy sao? Đó không phải là tình cảm hồn nhiên. Cái đó là được tạo ra, kích thích, là tình cảm ngụy tạo...
Có tiếng Thọ hét lên:
- Kha!
Kha nín phắc. Cha chồng tôi ngưng con dao xắt thuốc, ngẩng đầu nghe ngóng. Sự im lặng thình lình của ba người đàn ông như một tai biến bất ngờ. Tôi nghẹt thở trong không khí bất an nặng nề. Tôi liếc nhìn về phía trong nhà: Kha ngồi yên, mặt hếch lên, cặp gương cận thị của anh sáng lòa.
Cuối cùng, lại nghe tiếng Kha:
- Bất công giữa giàu nghèo hẳn nhiên là cái xấu. Xã hội bất công là xấu. Xấu thì đánh đổ, để tạo dựng cái tốt. Đánh đổ cách nào? Thành phần bị áp bức có thể nổi dậy chống chế độ, phá ngục, lật ngai vàng, giết hôn quân bạo chúa v.v... Thế. Nhưng bậc chủ xướng cách mạng đâu cần xua dân chúng sục sạo săn đuổi khắp nước, lùng bắt cho kỳ được từng kẻ ác người xấu mà giết cho sạch mới cải thiện được xã hội?
Ở ta, cách mạng đã thành công, đã nắm quyền trong tay. Tha hồ dựng lên chế độ tốt. Trong khung cảnh xã hội tốt, trong khuôn khổ chính sách tiến bộ, ai nấy sinh sống đúng đường lối, đúng lẽ công bình thôi. Nhà nước cần gì dạy bảo thúc giục người này căm thù người kia nữa, cần gì phải xúi ai giết ai nữa? Làm kinh hoàng cả nước... Làm cho...
Kha khục khặc, loay hoay. Thọ lên tiếng, nghiêm khắc:
- Cậu ăn nói! Cậu coi chừng cái ăn nói...
Kha lặng thinh. Lát sau, anh ấy có vẻ ôn tồn:
- Để tôi nói... Tôi phải nói cái này với cậu. Trong xã hội cũ, xã hội tồi tệ, bậy bạ, xã hội bóc lột..., trong xã hội ấy tuy vậy giàu có không tất nhiên phải ác. Không phải trong giới giàu cứ từng người một bắt ra người nào cũng ác cả. Xã hội xấu đã xấu hàng mấy trăm năm, xấu từ đời nọ sang đời kia. Lớp sau tiếp tục cách làm ăn sinh sống của lớp trước, duy trì cái quan hệ sản xuất có sẵn từ trước. Làm sao khác được. Nhưng trông vào cá nhân, xét từng người, thì cậu biết đấy... cậu biết mà... có những bà cụ hàng ngày tụng kinh niệm Phật, cố làm điều lành, nhưng tô tức họ thu, lãi suất nợ nần ai sao họ vậy, ông bà cha mẹ làm sao họ làm vậy... Điều ác ở họ không có chủ tâm, không có ý thức... Trong họ hàng thân thuộc, thiếu gì trường hợp... cậu thấy trực tiếp mà... Đem cái lỗi của một chế độ đã qua trút lên đầu họ, lên từng người... Để đày đọa họ...
Cha chồng tôi đứng lên, bước ra sân, gỡ cái tàn thuốc dính trên môi ném xuống đất. Câu chuyện đã tiến sát đến mẹ chồng, đến bà ngoại chồng tôi. Ông cụ không chịu đựng được, lánh đi. Có lẽ thế. Trong nhà tiếng nói cũng dừng lại. Hình như người bên trong có để ý, có biết thái độ của ông cụ. Sự khó khăn, ngần ngại kéo dài một lúc lâu.
Rồi cũng vẫn Kha, anh Kha bướng bỉnh, trở lại câu chuyện:
- Đã nắm chính quyền, tại sao còn gây ra hận thù điên đảo? Phải có lý do nào đó. Chắc thế. Tại sao lúc này cần đến cơn giận lồng lộn của quần chúng? Tôi không muốn suy đoán. Không phải việc tôi. Nhưng mặt khác, phải thấy rằng chuyện không cần thiết lại là chuyện ác độc... Thọ, cậu nghĩ coi: Có đồng chí lãnh đạo cao cấp nào ở trong hoàn cảnh cậu không? Có đồng chí nào ở trung ương lúc này đang gầm gừ thù cha oán mẹ, uất giận họ hàng ành ạch không? Ở một cấp nào đó thì khỏi, mà xuống dưới cấp nào đó phải điều chỉnh tình cảm... Cùng đeo đuổi một lý tưởng chung, đồng chí với đồng chí, tầng lớp cậu bị sử dụng một cách nhẫn tâm quá... Không tránh khỏi suy nghĩ, cậu à...
Kha không hùng hổ, khậm khặc nữa. Anh ấy bỗng nhiên như... như thân mật! Anh ấy chùng chình. Thọ, không nghe nói gì.
Thình lình, Kha bật hỏi:
- À, cậu có cái ba-lô nào lớn không?
Thọ chưa kịp trả lời, Kha thêm:
- Một cái ba-lô da chắc chắn, và lớn.
- Có. Có việc gì vậy?
— Tí nữa quên! Định đi tìm mượn cho thằng Hải cái ba-lô mà mải nói chuyện, tí nữa quên mất. Mai nó đi. Đi Đông Mên. Khuya rồi, mình về cho nó còn kịp sắp đặt. Cậu vào lấy cho mượn đi.
Thọ gọi tôi vào, bảo:
— Em soạn cái ba-lô, đưa cho chú Hải.
Tôi vừa đi vừa ngoảnh lại hỏi Kha:
— Mai chú ấy đã đi rồi à? Thế mà mấy hôm nay không nghe chú ấy nói gì cả.
Kha bảo:
— Nó cũng vừa mới biết quyết định. Nhận được quyết định là lo đi ngay đây.
Chồng tôi ngồi yên lặng, vẻ suy nghĩ. Kha đứng dậy, vừa bước ra hè vừa nói lớn:
— Thưa bác, mai Hải nó đi Đông Mên đấy. Gấp quá, không kịp đi thăm chào ai cả.
Cha chồng tôi vội vã vào nhà:
— Hải chú ấy đi qua tận bên Mên à?
— Dạ. Đi “các hướng chiến lược”.
— Bao giờ về?
— Không chừng... Ít ra cũng nửa năm.
Cha chồng tôi mở cái tráp gỗ, lấy ra một thẻ thuốc “thần công” lớn bằng hai ngón tay trao cho Kha để đưa lại cho Hải. Đó là thứ thuốc trắng trông giống như phèn chua, nhấm vào chát chát và tê lạnh ở đầu lưỡi, trị bá chứng như kiểu dầu vạn ứng của Nhị Thiên Đường, đặc biệt là chữa thổ tả rất công hiệu. Thứ thuốc đó nhà chồng tôi tự chế lấy, theo toa bí truyền từ ba bốn đời, bảo là do một ông cố đạo truyền lại.
Khi tôi đem chiếc ba-lô ra thì chồng tôi và anh Kha đã kéo nhau ra hè trước. Thọ đang tiếp tục điều nói dở dang. Tôi nghe giọng Thọ ôn tồn:
- ... như thế không phải là có sự phỉnh gạt. Cùng đeo đuổi một lý tưởng, không phải ai cũng làm như ai. Mỗi cương vị có một nhiệm vụ khác nhau. Ở cương vị này, làm việc này, phải có thái độ này, phải sống cái tình cảm này; ở cương vị kia, làm việc kia, thì phải có thái độ kia mới thích hợp. Trong vai trò điều khiển, cần một thái độ; trong vai trò chấp hành, cần thái độ khác. Mọi người thấm nhuần lý tưởng chung, nhưng hoạt động trong phạm vi của mình, ai có vai trò nấy. Quan niệm máy móc, tự đặt mình vào vị trí kẻ khác... Không được đâu. Một tế bào của lá phổi không hoạt động giống như một tế bào của bộ não; nhưng cả hai đều sống đúng cái chân lý sinh hoạt của một con người. Mình phải có cái quan niệm kỷ luật...
- Đấy. Ở cấp này, vị trí hoạt động này, không cần đến tình cảm này thì khỏi tự gây ra; ở vị trí kia, cần đến lòng hận thù, hướng ngay vào người thân thiết của mình, thì... thì... Đấy, là tạo ra cả, không tự nhiên gì cả... Giả tạo... Dối cả...
Tôi xô cánh cửa bước ra, Kha quay lại, nhận cái ba-lô rồi chào cha chồng tôi, ra về. Thọ bước theo ra đến đầu sân.
Đêm ấy, khuya lắm tôi vẫn không ngủ được. Thọ nằm bên cạnh thường lòn một cánh tay dưới cổ tôi, choàng sang ấp lấy vai và cánh tay phía bên kia của tôi. Vì vậy mỗi một cử động, một cựa mình trăn trở của tôi Thọ đều biết. Tôi cố nằm yên lặng, trong người bứt rứt. Có một lúc Thọ đưa bàn tay vuốt nhẹ nhàng lên trán tôi, vuốt ngược những sợi tóc xõa xuống trán tôi như âu yếm một đứa trẻ. Một lúc khác anh lại với đỡ bàn tay tôi lên, bóp nhè nhẹ, và lơ đãng sờ nắn hết ngón tay này đến ngón tay khác, nắn đi nắn lại từng ngón, như thế rất lâu.
Tôi đoán biết Thọ đang nghĩ gì. Nếu anh thấy tôi còn thức, có lẽ anh sẽ lại băn khoăn thắc mắc: anh sẽ tự hỏi có phải là tôi mất ngủ vì cái tin Hải lên đường? Thọ ghen! Tôi hiểu rõ sự ghen tuông của Thọ từ lâu, nhưng vì lúc nào anh cũng im lìm lặng lẽ giấu kín cho nên tôi không sao có dịp thanh minh. Và chính chỗ đó làm tôi khổ sở. Cũng như đêm ấy, không phải cái tin Hải đi Đông Mên làm tôi mất ngủ, nhưng chính là sự thao thức thăm dò lặng lẽ của Thọ làm cho tôi áy náy gìn giữ từng hơi thở, bứt rứt khó chịu và vì thế không ngủ được.
Thọ ghen, nhưng anh lại cố gắng chối từ sự ghen tuông đó. Anh tự bảo mình không có quyền dung thứ một tình cảm ích kỷ. Anh khuyến khích tôi mạnh dạn tham gia công tác, tiếp xúc với cán bộ. Sự ghen tuông không những Thọ giấu tôi mà kỳ thực anh còn cố tâm trấn áp nơi anh, cố tiêu diệt đi. Tôi biết Thọ đau khổ, nhưng tôi chỉ có thể làm một chứng nhân, một kẻ bàng quan không can thiệp được.
Thọ cứ bị ám ảnh vì sự chênh lệch giữa chúng tôi, cứ tự có cảm tưởng là già hơn tôi quá nhiều, cứ tự cho là lụ khụ, thuộc về lớp người khác tôi. Người anh gầy gò, và anh lấy làm xấu hổ về sự gầy gò ấy. Anh khổ sở, vụng về mỗi khi phô bày thân thể trước tôi. Mà những cố gắng của tôi để phá chữa cái mặc cảm của anh lại cũng quá vụng về, cho nên kết quả càng thêm tệ hại. Tôi nhiều lần bắt gặp ánh mắt khổ sở, tuyệt vọng của anh mỗi khi trông thấy tôi tiếp chuyện những thanh niên hồn nhiên và cường tráng, những bạn học cũ của tôi. Ánh mắt của Thọ làm tôi bối rối hối hận, không biết làm sao để cải chính sự lầm lẫn đau đớn nơi anh. Có lần tôi tình cờ cầm giữ cổ tay của Thọ hơi lâu và chợt để ý đến sự ngần ngại của anh, tự nhiên tôi thương anh quá, tôi siết chặt cổ tay gầy guộc ấy, ấp vào ngực. Như được đà đẩy tới, tôi dạn dĩ quàng tay ôm vai anh kéo xuống, tôi hôn lên cái gáy gầy của anh. Tôi không kịp suy nghĩ và tìm kiếm trong lúc bất thần đột ngột, tự nhiên những chi tiết thân thể đó vụt hiện đến trí tôi và tôi hấp tấp quơ lấy vuốt ve hôn hít. Tôi không ngờ rằng lâu nay mình đã để ý đến hai chỗ ấy: cái cổ tay và nhất là cái gáy gầy lõm xuống một đường trông rất tội nghiệp. Lúc ấy tôi thấy thực tình yêu Thọ quá, yêu cả những chỗ gầy gò tội nghiệp của anh. Tôi đê mê ôm lấy Thọ nói rất lâu, cấm anh không được suy nghĩ thắc mắc vu vơ về tình yêu của tôi. Thọ ngạc nhiên, thoạt tiên có vẻ hơi lúng túng ngỡ ngàng, nhưng dần dần anh sung sướng cảm động. Anh ôm đầu tôi áp vào ngực, ngồi thật lâu, không nói gì.
Nhưng ngày hôm sau tự nhiên anh lại thẹn như là đã lầm lỡ hành động trong mê sảng. Anh lại càng ngờ vực lòng thành thực của tôi. Anh bối rối xấu hổ mỗi khi biết tôi nhìn đến tay và cổ của anh. Anh cho rằng sự chú ý của tôi trong ngày vừa qua xác nhận cái xấu xí của những chỗ đó, anh hổ thẹn biết rằng tôi đã chú ý đến những chỗ đó, và chỉ thấy thái độ của tôi vừa rồi là một thái độ thương hại. Thọ làm cho tôi hối hận, cảm thấy mình có tội, mà không có cách phân trần. Thọ không hề nhắc gì đến việc hôm ấy nữa; tôi cũng không bao giờ dám nhắc lại chuyện đó.
Thọ âm thầm ghen tuông, đau khổ, mà cứ nhất định trấn áp tình cảm mình. Nếu tôi tỏ ra nhận thấy sự ghen tuông của anh, anh cũng xấu hổ như tôi trông thấy những chỗ gầy gò già nua.
Tôi sống bên cạnh Thọ, đêm đêm nằm sát bên Thọ, tôi yêu Thọ, tôi theo dõi và thấy rõ những cố gắng đau đớn, những dày vò, bứt rứt bên trong của người đảng viên đầy thiện chí và chân thành cố hết sức để tự thắng mình ấy. Tôi càng khổ sở vì thấy mình bất lực, không có cách gì giúp đỡ Thọ. Thọ vừa ghen với Hải vừa tán thành mọi cơ hội tiếp xúc giữa tôi và Hải, cũng như anh vẫn thương yêu bà ngoại vô cùng mà giữ được một thái độ thật tàn nhẫn đối với bà suốt ba tháng, từ ngày bà thọ bệnh cho đến khi qua đời. Chị em, anh em của Thọ, cả cha chồng tôi, cả Hải, cả Kha đều không thấu hết những chịu đựng gay cấn âm thầm trong lòng Thọ, họ tỏ thái độ khó chịu đối với anh; nhưng tôi, tôi biết cả, tôi biết mà tôi không có cách gì can thiệp.
Đêm đã khuya lắm rồi, bên cạnh tôi Thọ vẫn chưa ngủ. Tôi thương anh quá. Nhiều người khác nói ba hoa, tam thiên xích đế, mắt sáng quắc lên, rồi một lát sau lại có thể nhắm mắt ngủ ngon lành, hoặc lơ đãng nhìn nước sông trôi, nhìn cái bè tre chèo đi giữa dòng hay chiếc lá bàng rơi. Còn Thọ thì thường thường sau khi câu chuyện dứt rồi, rất lâu, tôi quay nhìn anh, anh vẫn ngồi lặng lẽ mà đôi mắt thao thức soi thấu một đời sống nội tâm sâu kín thăm thẳm đầy những băn khoăn suy tưởng không cùng. Những cặp mắt kia như ánh đèn điện sáng trưng rồi vụt tắt. Còn ánh mắt của chồng tôi như chiếc đèn con chong suốt đêm, âm thầm cháy mãi, trong chỗ yên lặng thâm u. Chồng tôi kiên trì và trung thực, chịu làm một phần tử ngoan ngoãn sống trong kỷ luật tinh thần của đoàn thể, khuôn ép tư tưởng và tình cảm theo lý thuyết, anh nhất định sống đúng vai trò một tế bào trong kỷ luật sinh hoạt của cơ thể xã hội. Duy có điều cái tế bào đặc biệt này tuy vẫn ở trong vị trí kỷ luật của nó mà cứ long lanh những suy tưởng bí ẩn. Trời ơi! đôi mắt long lanh thao thức ấy, nét mặt mệt mỏi nhọc nhằn ấy, vóc người gầy yếu ấy! tôi thương hại cho tình trạng của chồng tôi vô cùng!
Đã khuya lắm. Lúc chồng tôi vừa vào giường nằm thỉnh thoảng tôi nghe một vài chiếc lá gáo khô bị gió thổi chạy sẹt sẹt ngoài hè, sau nhà. Nhưng bây giờ bên ngoài đã đứng gió. Không còn tiếng lá cây chạy. Cũng không còn tiếng la gọi của những người đánh cá trên sông nữa. Ở xa, đã có tiếng gà rừng gáy e é. Đêm đó là một đêm trăng sáng, tôi hé mắt nhìn lên mái nhà, nhìn một đôi giọt ánh sáng lọt qua kẽ tranh hở, tôi ao ước bước ra sau vườn, thở ra một cái thực mạnh, đứng một lúc nhìn ra bốn phía núi rừng, sông nước mênh mông cho thư thái trong người. Nhưng tôi ngần ngại không dám để Thọ biết là tôi vẫn thức.
Ở nhà ngoài, thỉnh thoảng cha chồng tôi lại dậy, mở cửa bước ra, hoặc để đi tiểu tiện hoặc bỏ rơm thêm cho bò. Tôi biết Thọ cũng theo dõi thái độ của cha, nhưng anh không hề lên tiếng. Từ ngày xảy ra chuyện bao vây nhà bà ngoại tôi, hai cha con vẫn sống trong một tình trạng như thế. Câu chuyện vừa rồi giữa Thọ và Kha chắc chắn lại làm xao động những bực tức của cha chồng tôi. Người tránh Thọ như tránh không động chạm đến một thế lực uy quyền, nhưng Thọ cũng không dám nói động đến người. Người biết rằng rồi có thể có ngày cái uy quyền đó sẽ lạnh lùng chà đạp người. Nhưng người yên lặng chờ đợi. Và Thọ tự nhiên cũng sinh ké né rụt rè trước sự nghiêm nghị của cha. Anh không bao giờ dám lý luận trình bày giải thích gì với cha, tất cả sự bướng bỉnh, tất cả nghị lực của anh chỉ là cương quyết xử sự theo con đường của mình thôi.
Những đêm như thế, sống giữa sự thao thức căng thẳng của gia đình nhà chồng, giữa sự thao thức của chồng, của cha chồng, tôi cũng bồi hồi trăn trở, tôi vừa xót xa thương Thọ, vừa thấy mình bất lực bé bỏng không nghĩa lý... Tôi vừa muốn áp mặt vào vai Thọ, ôm lấy an ủi, vừa thấy mình không thể làm gì ích lợi...
Cuối cùng tôi thiếp đi trong tiếng nước đổ ồ ồ ở ngọn thác sau nhà, trong trí mơ màng cái cảm tưởng không đời nào thoát khỏi bầu không khí nặng nề đầy bứt rứt khó khăn để thở ra được một hơi dài khoan khoái cho trong người thảnh thơi thư thái...

Sáng hôm sau Hải lên đường đi Đông Mên thì chín ngày sau đó Kha bị đưa đi trại tập trung lần đầu.
Cha chồng tôi càng lo sợ. Người đã thấy lực lượng uy hiếp tiến đến lù lù trước số phận mình. Xưa nay đối với mọi tai biến trong đời người không bao giờ có cái gan dạ chống đối, mà chỉ có thể sửa soạn “khăn áo chỉnh tề” để chịu đựng thôi. Vậy thì lần này trong gia đình chúng tôi đã có cái không khí “khăn áo chỉnh tề”. Mọi người trong bà con đối với Thọ, với chúng tôi, có một thái độ nghi kỵ, cách biệt, e dè. Tôi làm đủ mọi cách cũng không sao xóa được sự cách biệt giữa hai chúng tôi với tất cả gia đình nhà chồng. Mùa đông năm ấy tôi bán tất cả nữ trang đưa tiền cho cha chồng nộp thuế. Tôi kể lại cho Thọ biết; Thọ không nói gì. Khi tôi đưa bạc cho cha chồng, người chỉ ngần ngừ nhìn tôi một chút để dò xét, nhưng không muốn hỏi việc tôi làm có được ý kiến gì của Thọ không.
Tuy vậy tôi chỉ cứu người được năm tháng. Tháng ba năm sau người lại không thể nộp đủ mức thuế, cả nhà không ai còn của tư riêng gì nữa. Người phải vào tù.
Thọ càng chìm sâu vào những khổ tâm âm thầm của mình thì anh càng tự thấy xa cách tôi. Anh cứ luôn luôn có cảm tưởng rằng tôi còn trẻ thơ quá, không thể theo kịp anh, và anh cho rằng không nên để tôi tham dự vào những điều rắc rối đó. Anh thương cha và lý luận để chối bỏ lòng thương ấy, muốn binh vực nhưng lý luận để thù ghét..., tất cả những chuyện đó, anh không muốn tôi biết đến. Nhưng như vậy thì tuồng như anh đi cô độc một mình, anh lo sợ tình trạng cô độc ấy, thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi bằng một cái nhìn vừa thương hại vừa có nghĩa thăm dò sức chịu đựng của tôi.
Cứ thế cho đến ngày đình chiến, cha chồng tôi được thả về, và Thọ sắp đặt bỏ gia đình đi Bắc. Nhưng ngay cả khi hai chúng tôi sắp sửa xa nhau, chúng tôi cũng không được yên tĩnh trong sự đau khổ của mình. Kẻ quấy rầy cuối cùng là Hải. Hải ở Mên về và lần này cũng phải chuẩn bị để đi xa lâu dài. Ngày vĩnh biệt gần đến, tự nhiên sự quyến luyến của hắn đối với xóm làng, đối với người với cảnh ở đây bộc lộ một cách cuống quýt. Đã lâu, từ hồi còn đi học với hắn, tôi đã biết hắn yêu tôi, nhưng tôi không cho là quan trọng, là vì khi tôi lấy Thọ thì tôi cho rằng hắn sẽ ngừng lại, và dần sần sẽ quên tôi. Sự thực thì từ đó hắn không hề tỏ một tình ý gì với tôi nữa. Nhưng bỗng nhiên sau khi được lệnh rời bỏ đất này, hắn đến thăm để từ biệt gia đình tôi, lúc nói với tôi hắn xúc động bối rối một cách quá rõ rệt, khiến ai nấy ngạc nhiên, và tôi cũng luống cuống. Rồi sự vụng về này lôi kéo sự vụng về khác, hắn đâm liều lĩnh. Những ngày tiếp theo đó, hôm nào hắn cũng đến nhà tôi. Hắn như một kẻ điên rồ, tuyệt vọng, khao khát. Hắn chỉ đến nhà mà thôi, chứ không dám tỏ lời gì. Nhưng chỉ có chừng đó cũng đủ làm cho Thọ thấy cay đắng trong những ngày cuối cùng sống với tôi.
Hải chỉ hơn tôi một tuổi. Hắn trẻ, đẹp và khỏe mạnh. Hắn cũng là đảng viên, hắn tin tưởng dễ dàng không có nhiều thắc mắc như Thọ. Hắn ham công tác, hớn hở, vô tư. Thọ có cái mặc cảm tự ti về tuổi tác và về những băn khoăn mà anh cho là khuyết điểm của thế hệ mình, nên anh tin rằng Hải là mẫu người con trai thích hợp với tôi. Anh yên lặng tin thế và nhận rằng mình có lỗi.
Còn tôi, tôi không có cách gì biện bạch với Thọ. Tôi không thể nào bày tỏ để Thọ biết rằng tôi chưa bao giờ để ý đến chuyện tuổi tác giữa hai người, còn về hình dáng của Hải thì lâu nay tôi chỉ để ý đến cặp chân của hắn, do đó tôi không hề yêu hắn. Tôi không thể bày tỏ với Thọ rằng tôi không có cảm tình với Hải vì cặp chân mập mạp của hắn trông mềm quá.
Sau khi lấy Thọ ít lâu, một hôm tôi gặp một gói giấy lớn chồng tôi cất dưới đáy rương, gồm những tờ thư lưu biệt mà học sinh bày tỏ cảm tình với chồng tôi cuối mỗi niên khóa. Trong đó có nhiều tờ của nữ sinh. Tôi tò mò mở ra đọc. Ngoài những lời khen ngợi về đức tính giản dị, thân mật, những cảm tình tế nhị của chồng tôi, tôi để ý đến một điểm đặc biệt ghi trên nhiều lá thư của nhiều nam nữ học sinh khác nhau, nhận xét về dáng đi của chồng tôi. Có người viết vắn tắt: “Em nhớ mãi dáng đi của thầy mỗi khi thầy bước vào lớp học.” Có học sinh nói rõ hơn: “Dáng đi thanh nhã và nghiêm trang của thầy...” Những câu như thế không phải là những câu mô tả có giá trị. Nhưng khi nhiều người học sinh cùng đặc biệt chú ý và cùng nói về dáng đi của một ông thầy thì chẳng phải là điều không lạ lùng. Tôi bắt đầu để tâm quan sát và phân tích cái dáng đi đặc biệt của chồng tôi. Quả thực chỉ trông thấy dáng bộ chồng tôi bước đến gần, người ta có ngay cảm tưởng tiếp xúc với một người tự nhiên, thân mật, một người thẳng thắn, có thể tin cậy. Bước chân của Thọ không láu táu nhanh nhẹn quá, cũng không có cái vẻ chắc nịch nặng nề quá, không vung vẩy huênh hoang, khệnh khạng tự tín, mà cũng không rón rén rụt rè. Nhã và nghiêm, đúng thế. Tôi nhận rằng chắc chắn dáng đi đó cũng dự phần vào việc gây những cảm tình đầu tiên giữa Thọ và tôi. Tôi bắt đầu để ý quan sát bước chân của những người khác chung quanh.
Tôi chú ý đến Hải. Hải có đôi chân vạm vỡ, nhưng có điều buồn cười là cử động của hai chân hắn không biểu lộ sức mạnh mà lại diễn tả một thái độ lưỡng lự, phân vân, không quyết định: Khi đứng lúc nào hắn cũng tựa cả người trên một chân, còn chân kia hoặc quấn tréo xung quanh chân nọ như con rắn, hoặc quơ qua lại dịu dàng, trông mềm nhuốc. Tư thế của hắn thiếu sự rắn rỏi. Nhìn hai chân hắn, có khi tôi nghĩ đến cặp râu của những con kiến đang chạy chợt dừng lại phân vân, cặp râu quơ quơ thăm dò. Khi đứng nói chuyện với tôi, hắn xúc động, hai chân lại càng nhấp nhỏm, cựa quậy, quơ quất. Những áy náy, bồn chồn e ngại của hắn biểu lộ ở cả sự cử động của hai chân. Nếu hắn là một người gầy yếu bạc nhược thì có lẽ không thấy chướng mắt lắm, nhưng đàng này hắn lại mập khỏe sung sức, cho nên sự rụt rè diễn tả ngay bằng một bộ phận thân thể cường tráng của hắn trông lố bịch. Bắt gặp cái nhược điểm ấy tự dưng tôi coi thường, không tin rằng hắn có thể quả quyết đeo đuổi tôi. Quả nhiên trong bao nhiêu lâu tình yêu của hắn cứ như là một cái gì không chịu thành hình, một cái gì lấp ló thấp thoáng, vô hại. Tôi không ngờ đến một phương diện tai hại khác của sự phân vân lưỡng lự: Hải không tiến tới, nhưng hắn cũng không hề rút lui, hắn không chịu có một thái độ dứt khoát nào cả. Nếu là một người rắn rỏi hơn, thì sau khi tôi có chồng họ đã nhận định lại hoàn cảnh và quyết định một thái độ hợp lý. Nhưng hắn thì cứ như thế thôi; trước kia hắn không dự tính hành động gì thì bây giờ hắn cũng không quyết định gì.
Rồi thình lình được biết cái việc phải rời bỏ quê hương, hắn hoảng hốt quấn quít những gì thân yêu. Hắn quấn quít xung quanh tôi như người ta quyến luyến một người bạn đời đã chung sống nhiều năm thân thiết, mà cũng có thể nói như đứa trẻ thơ bịn rịn một người chị, một người mẹ. Trong bao năm hình ảnh tôi ám ảnh tâm trí hắn mà không có địa vị rõ rệt, cho nên bây giờ trong sự hốt loạn hắn bị đẩy liều đến cạnh tôi, hắn bíu lấy tôi mà không tự biết mình muốn gì.
Trông hắn khắc khoải, ngớ ngẩn, thực là tội nghiệp. Nhưng ở trong hoàn cảnh tôi, rốt cuộc tôi đâm bối rối và hết sức bực mình. Ban đầu hắn đến nhà chúng tôi mỗi ngày vài lần. Dần dần đến luôn ba bốn lượt, rồi ở mãi đến tối đến khuya mới về. Hắn không tán tỉnh gì tôi cả, cũng không nói bóng gió xa gần gì đến tình cảm của hắn đối với tôi; nhưng dù hắn đứng chỗ nào, ngồi chỗ nào, chuyện trò với ai, làm cái gì, người ta đều thấy rõ tất cả tâm trí của hắn đều hướng về tôi. Hắn thất lạc bơ phờ. Có khi hắn điên rồ đến nỗi trông thấy tôi và Thọ ở một chỗ vắng hắn cũng thản nhiên bước đến. Lúc bắt gặp cái nhìn bất bình của tôi hắn giật mình sợ hãi, vội vàng lảng đi.
Thái độ khờ khạo của hắn làm cho Thọ đau khổ vô cùng. Mặc dù Thọ làm đủ mọi cách để tỏ rằng anh xem tôi là bình đẳng, là hoàn toàn tự do, anh không bao giờ coi vợ là tư hữu, nhưng tôi biết rõ chồng tôi đang ghen uất. Thọ không ngờ rằng mình còn giữ nguyên tất cả tính độc tài của người Á Đông đối với đàn bà. Có điều trong khi cha chồng tôi là một nhà nho nghiêm khắc, quở mắng trừng phạt người đàn bà lúc người giận dữ, thì chồng tôi chỉ để lóe ra kín đáo trong chốc lát một tia căm giận rồi liền che giấu ngay. Ánh mắt dịu xuống. Rồi âm thầm bên trong, lý luận được huy động để bao vây mối căm uất phừng phừng ấy lại, cho nó âm ỉ nung nấu. Lý luận đã được huy động mãi, huy động luôn luôn: Thọ muốn rằng mình phải giận cái này, thương cái kia, thản nhiên trước việc nọ cho thực hợp lý. Vì thế Thọ luôn luôn suy tư khắc khổ, lo chống cự, điều khiển tình cảm mình. Nhưng tôi biết Thọ vẫn ghen! Thọ vẫn ghen và mỗi ngày Thọ lại càng mỗi âm thầm cay đắng vì thấy xa cách tôi, một sự xa cách tưởng tượng do lòng tự ti của Thọ.
Tôi rất đau đớn vì cho đến những ngày cuối cùng sống với nhau tôi cũng không có dịp làm cho Thọ hiểu lòng mình. Khi Hải lên đường ra đi thì Thọ chỉ còn ở lại thêm được một ngày nữa thôi.
Chỉ còn có một ngày! Tôi hoàn toàn thất vọng. Suốt cả buổi sáng vẫn còn cái không khí khó chịu giữa hai chúng tôi. Chúng tôi chưa có thể thành thực, tự nhiên với nhau. Mỗi người kiếm một công việc vặt vãnh, nhưng vẫn luôn rình từng cử chỉ của nhau, rình chờ một cơ hội.
Rồi bắt đầu buổi chiều. Hai giờ, ba giờ chiều. Chỉ còn bốn giờ đồng hồ nữa, vì đến bảy giờ tối thì Thọ sẽ dự một tiệc trà hoan tống, rồi lên đường luôn. Tôi bồn chồn lo sợ. Thì giờ như mỗi lúc mỗi tóm dồn hẹp lại. Tôi có cảm tưởng buổi sáng còn mở ra rộng rãi cho chúng tôi dòm ngược ngó xuôi vùng vẫy tự do. Bây giờ, buổi chiều như cái lưới được kéo nhanh lên, phần còn lại dưới nước tóm hẹp lần lại, chúng tôi là những con cá hết đường cựa quậy day trở! Từng phút, thời gian cứ trôi tới một chiều.
Lúc ấy tôi và Thọ ngồi trên khoảnh đất trống sau nhà, nhìn ra sông. Xung quanh vắng vẻ. Vài người câu thụt, đứng giữa sông dầm mình dưới nước gần đến háng, lúi húi nhìn xuống, ụp cái nón lá che hết mặt mày, không trông thấy chúng tôi. Chúng tôi chỉ còn có bốn giờ nữa thì cách biệt nhau không biết đến bao giờ. Chúng tôi lặng lẽ ngồi bên nhau, chẳng ai hề để ý đến chúng tôi cả. Nước sông chảy ồ ồ liên miên làm tôi sốt ruột. Xung quanh chúng tôi thật vắng vẻù. Chỉ có những cây bạc đầu, cây bông bay trắng xóa khắp bãi. Vắng vẻ thờ ơ quá. Thời gian cứ tiến tới, tiến tới. Không có gì cứu thoát được chúng tôi lúc này. Không có ai buồn chú ý đến chúng tôi, không có cách gì gỡ thoát. Chúng tôi sắp xa nhau, nhất định xa nhau... Tôi nấc lên một tiếng, nước mắt trào ra. Tôi ngồi yên để cho nước mắt trào ra.
Thọ không nhìn tôi, nhưng anh vội vã nói, như gặp cơ hội:
— Hạnh! Anh ước anh cũng khóc được như em.
Tôi duỗi mạnh chân ra, giận dỗi:
— Anh không hiểu em, anh không chịu hiểu em gì cả!
Tôi khóc ấm ức, nghẹn đầy ngực. Thọ quay lại, nhìn tôi, đưa một bàn tay nắm nhẹ nhàng như sờ lên một cánh tay tôi, rồi cứ để yên thế. Cử chỉ ngần ngại đó lại nhắc đến thái độ của Thọ trong bao năm sống với tôi, làm tôi càng thêm giận anh. Anh cứ e dè, mực thước, ngần ngại đến nỗi làm cho sự chung chạ thành ra lạnh lạt. Không bao giờ anh dám suồng sã hưởng những phút say đắm nồng nàn cuồng nhiệt. Tôi càng nói càng ngạc nhiên thấy mình không dứt được:
— Em biết từ trước đến giờ anh luôn luôn coi em như đứa trẻ, anh gạt em ra không cho em dự vào những lo lắng, suy tưởng của anh. Anh tưởng cứ dịu dàng với em là đãi em như bình đẳng rồi? Thiệt ra anh có coi em là cái gì bên cạnh anh đâu. Anh chẳng cho em xứng đáng chia xẻ tâm sự với anh! Sống bên cạnh em anh luôn luôn một mình im ỉm lặng lẽ tính toán từng hành động từng cử chỉ, anh tính toán đến từng cách phát lộ cảm tình với người này người kia. Với em nữa. Anh im lìm suy tính từng chút để cho sự thương ghét của anh, cho đến cả cách thương cách ghét của anh cũng hợp với lý luận, nguyên tắc...
Thọ chăm chú nghe tôi, nhìn tôi nói. Vẻ ngạc nhiên thật thà của anh làm tôi bối rối. Tôi ngừng lại, ngượng vì thấy mình đi quá xa. Chưa có lần nào tôi nói với Thọ bằng cái giọng lý sự dài dòng như vậy. Tôi lại giận rằng những lời vừa rồi không hẳn là những điều tôi muốn nói với Thọ. Vì thực ra không phải tôi muốn trách Thọ đã coi tôi như trẻ con. Tôi chỉ giận sự tàn nhẫn của Thọ. Những nguyên tắc lý luận của anh chỉ biết có lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội muốn chúng tôi chia rẽ người Nam kẻ Bắc. Bởi vì sự ly cách, lòng khao khát thương nhớ của chúng tôi làm ra một tình trạng khắc khoải có lợi cho kế hoạch tranh đấu của tập thể. Cố ý gây ra sự nhớ thương đau đớn khắc khoải của chúng tôi để lợi dụng nó như một phương tiện, người ta tính toán như thế, Thọ thấy, Thọ biết vậy, mà anh cứ yên lặng nhận chịu! Thọ cho rằng giữa chúng tôi không có bổn phận gì đối với nhau cả sao? Ai nấy chỉ có bổn phận đối với tập thể thôi sao? Trong khi lý luận nhắm lợi ích xã hội, Thọ cũng đồng lõa với người ta, tính cả cái chuyện dùng đến sự nhớ thương của chúng tôi!
Tôi không nói được hết lời. Thọ thả cánh tay tôi ra, ngồi yên lặng. Một lát anh ngả lưng ra nằm bên cạnh tôi, khoanh hai tay ra sau đầu làm gối. Anh nói như vừa để cho mình nghe, vừa để tôi nghe:
— Con người ta ao ước xung quanh mình cái gì cũng có trật tự, muốn cho tư tưởng ghép thành hệ thống, muốn cho muôn vật xếp được vào từng loại, muốn cho cuộc sống có tổ chức tiến tới quy luật, có hướng có đích. Bấy lâu cuộc sống phát triển một cách tự động, xã hội lộn xộn bừa bãi, giậm chân một chỗ hàng thế kỷ không tiến được. Người ta mong muốn tránh sự lộn xộn, tự động, muốn một tổ chức hợp lý, muốn dắt dẫn xã hội đi nhanh về một hướng. Sự mơ ước say mê nào cũng tàn nhẫn. Nhưng lần này phải tàn nhẫn với tất cả mọi người, tất cả loài người, để đuổi theo một ước mơ... Nhiều khi người ta cũng thấy việc đó quá sức mình, người ta muốn xuôi tay cho xong... Em thấy không, anh khổ quá, khổ quá sức! Hạnh, em phải hiểu anh. Thầy, mẹ, bạn bè, mọi người không hiểu anh, gớm ghét anh. Nhưng em, em phải hiểu cho anh... Bắt đầu là sự chán nản trước một tình trạng hỗn độn bừa bãi vô trật tự tuyệt vọng, xã hội cũ không để cho lớp người của anh một chút tin tưởng gì. Thầy mẹ chúng ta khác, em thấy không? Thầy có chỗ tin tưởng của thầy, chỉ có lớp anh mới khốn khổ bơ vơ, anh có thể sống vậy được sao, anh phải đi tìm một tin tưởng. Bây giờ anh đã là một cái trục nhỏ trong bộ máy lớn đang chuyển hết tốc độ để thực hiện một ước mơ...
Thọ nói mãi nói mãi sau lưng tôi. Tôi biết nếu lúc đó tôi quay lại thì anh sẽ dừng ngay. Anh sẽ thấy ngượng ngùng bối rối cũng như tôi đã ngượng ngùng khi biết Thọ chăm chú nghe. Chúng tôi không bao giờ lý luận với nhau như thế, tôi vẫn sống như đứa em nhỏ, như đứa học trò nhỏ bên cạnh Thọ.
Tôi lau nước mắt, nhìn bàn chân gầy khẳng khiu của Thọ duỗi bên cạnh chân tôi. Gót chân anh túm lại, nhỏ một cách tội nghiệp. Những ngón chân xương xương vụng về chổng lên trời, lơ ngơ, thản nhiên, không ăn nhập gì với giọng nói thiết tha của Thọ. Tôi nhìn chúng và ngạc nhiên nghĩ rằng một sự thân mật giản dị như vậy chỉ trong giây lát rồi sẽ mất, không sao trở lại được. Bàn chân gầy ngơ ngác thản nhiên đó làm cho tôi lại đột nhiên kinh ngạc sững sờ và đau đớn về sự chia biệt gấp rút, vô lý của chúng tôi. Chốc nữa đây, Thọ sẽ rút bàn chân ấy đi và vĩnh viễn, vĩnh viễn hai thân thể của chúng tôi chẳng bao giờ còn được ở bên cạnh nhau nữa!
Tôi se sẽ nhích tới, áp nhẹ bàn chân tôi lên bàn chân Thọ. Thọ không chú ý. Nhưng bàn chân tôi áp nặng lần xuống. Và Thọ ngừng nói.
Trên trời lúc đó rền rền tiếng một chiếc phi cơ bay rất cao. Nắng xế hanh hanh, trời cao và rộng mênh mông. Chiếc phi cơ bay chậm chạp qua những đám mây trắng trôi biếng nhác. Chung quanh vắng vẻ. Chỉ có hai chúng tôi bên bờ sông. Mùi lá cây hăng hăng xông lên ngây ngất.
Bỗng có tiếng kêu la ồn ào ở sau lưng. Thọ chồm dậy. Hai người đàn ông đang đuổi theo bắt một con bò chạy thẳng về phía chúng tôi. Thọ đứng dậy đón chặn con bò, vừa chạy vừa lượm những hòn đất ném theo để rượt dồn nó lên phía trên đồi. Tiếng chân con bò chạy độp độp mỗi lúc một xa, và bóng Thọ đã khuất. Tôi bước lần xuống mé sông, chờ Thọ quay trở lại.
Bãi sông rộng đến nửa cây số. Giữa sông nổi lên một cồn cát lớn. Nước chảy dồn thành một dòng hẹp, giữa dòng lô nhô những tảng đá đen thui trơn nhẵn. Nước sủi bọt trắng, đổ ồ ồ miên man. Tôi ngồi lên một cành cây gừa lớn sà sà trên mặt nước. Hồi lâu mải miết nhìn xuống dòng nước nhào lộn, bọt nước quay cuồng, nghe tiếng nước đổ miên man, tôi như tê mê.
Tôi ngẩng đầu nhìn lên tàn cây gừa: lá cành im phắc. Đôi ba chiếc lá khô vướng trên sợi tơ nhện giăng ngang, phe phất nhẹ nhàng. Sự tương phản làm tôi ngỡ ngàng. Những xôn xao ồn ào sau lưng như bị chối mất, như xa lạ hẳn, thuộc về một cái gì đã hoàn toàn qua rồi, hết rồi, những xôn xao bận bịu như qua hết rồi. Tôi lắng nghe tiếng một trái vông đồng khô nổ văng ra khô khan như một hòn than vỡ trong lò. Cùng lúc, tôi tưởng nghe thấy cả cái vắng vẻ cô liêu của đời tôi. Thọ đi mất, những thắc mắc ghen tuông của anh, bạn bè của anh, và cả Hải, cả lớp người ấy, cả những liên quan đến họ, đến bao nhiêu lo nghĩ băn khoăn của tôi, bấy nhiêu đều mất hết. Xung quanh tôi im phắc, trống trải, ngỡ ngàng.
Xa xa, khắp bốn phía đều là núi rừng. Ruộng nấc thang rải từng tầng từng tầng lên đến tận chân núi. Một màu xanh mờ mờ như khói lạt trùm lởn vởn trên khắp các dãy núi. Tiếng con cuốc kêu như tiếng buổi xế chiều mênh mông tự phát ra gõ từng hồi vào không gian. Sự vắng vẻ tưởng có thể sờ thấy được.

Ban đầu chúng tôi gần gũi Kha như là tìm về những kỷ niệm tốt đẹp nhất của dĩ vãng. Thọ đi rồi, hết cái không khí căng thẳng bứt rứt trong gia đình, chúng tôi thấy nhẹ nhàng nhưng trơ trọi. Không có người thanh niên đó trong nhà, thì cha chồng tôi, các chị em chồng và tôi, tất cả như xa lìa cuộc sống xã hội, như dứt hết mọi liên quan với những hoạt động của xã hội xung quanh. Vì thế mỗi lần Kha đến nói chuyện, ít nhất chúng tôi cũng cảm thấy là chưa phải đã nguội lạnh, đã chết hẳn một dĩ vãng, cảm thấy như là còn một chút gì thuộc về những ngày sống với Thọ được hồi sinh lại. Chút gì đó hoàn toàn thuộc về tình cảm. Cha chồng tôi do đó vẫn tiếp tục thích nói chuyện thời thế với Kha, nhưng không phải vì cần bộc lộ uất ức như trước, mà là vì vô tình muốn gợi lại một hình dáng dẫu sao cũng vẫn là thân yêu đối với người.
Còn Kha thì từ ngày em đi và vợ chết, Kha cũng thích gần chúng tôi vì một nguyên nhân tương tự. Kha là một người hiền lành, còn hiền lành và giản dị hơn Thọ nhiều. Nếu không có gì xảy ra có lẽ Kha đã yên thân, chọn một đời sống hết sức bình thường, không tha thiết đến gì nữa ngoài vợ và con. Hồi còn sống chị Kha thường phàn nàn với chị em rằng anh Kha không biết yêu vợ như những người khác. Có khi chị tuyên bố như thế trước mặt anh Kha. Kha cười không phản đối. Anh không biết anh có yêu vợ bằng người khác không. Nhưng có điều anh thích cà rà bên vợ suốt ngày như một đứa trẻ cà rà bên mẹ. Anh đem sách đến bên vợ vừa đọc vừa xem vợ cắt râu củ kiệu hay gọt mứt đu đủ. Anh xuống bếp ngồi, chờ đón từng gắp thịt, từng que lụi do chị Kha trao cho để nướng. Anh với thằng bé Quỳnh chia nhau lấy ớt, bóc tỏi, giã tiêu, giúp vợ dọn cơm. Gần nhau như thế không phải để anh nói những câu chuyện tâm tình gì, cũng không phải để anh ngắm nghía vợ. Anh chỉ thích có vợ bên cạnh và cảm biết sự hiện diện ấy là đủ. Anh không thích nói chuyện, thứ nhất là nói những câu tình cảm, càng không thích nhìn ngắm vợ. Nhưng khi làm việc chỗ nào anh thích bên cạnh có tiếng khua động, tiếng kéo, tiếng dao, tiếng chổi, tiếng ho, tiếng nói của vợ. Vắng những tiếng ấy anh chờ đợi, ngóng tìm.
Chị Kha quen với sự gần gũi đó, đến đỗi xem như là tự nhiên, không khó chịu cũng không thấy thích thú, nhất là không thấy việc đó có một ý nghĩa gì. Thỉnh thoảng Kha đang ngồi một bên, chợt giật mình nghe vợ hỏi: “Anh đưa cho cái bật lửa để thắp đèn.”, hoặc “Anh đưa cái khăn lau mũi cho thằng Quỳnh Em.”, hoặc “Đưa cho năm đồng! Đưa đây ve dầu khuynh diệp xoa tí xem, ngạt mũi quá!” Anh Kha ngơ ngác tìm quanh quất, rồi nhìn vợ lưỡng lự ra ý hỏi, thì chị Kha đã nóng nảy đưa tay ra đón, và giục: “Trong túi áo ấy.” Không phải là trong túi áo của chị mà là ngay trong túi áo của anh Kha, cái đó mới kỳ cục. Anh cho tay vào túi áo của mình, quả nhiên lấy ra được cái bật lửa, hoặc cái khăn lau mũi của thằng Quỳnh Em, hoặc năm đồng, hoặc ve dầu khuynh diệp. Những thứ ấy anh không hề bỏ vào túi mà có thể lấy ra, y như một trò ảo thuật. Trò ảo thuật đó có thể giảng giải như sau: trong những lúc chị ê a hát ru con, hay hí hoáy thái thịt, hay lau mũi cho con, những lúc đó thường có anh Kha bên cạnh, tiện tay chị nhét những bật lửa, khăn lau vào túi áo chồng. Cái áo đàn bà không muốn có túi, nếu áo đàn bà có túi thì nó lại không muốn chứa cái gì cả, để cho khoảng trước bụng khỏi phình cao lên. Vì thế bạ cái gì chị Kha cũng có thể cho vào túi chồng, vào những lúc bất ngờ nhất. Túi áo của anh tự nhiên hóa thành cái ngăn kéo, cái hộc tủ, cái túi dết bất đắc dĩ. Một hôm, trong hội nghị, anh Kha đùa giỡn với anh em, có người cho tay vào túi áo anh, đụng nhằm một cái gương con và mấy chiếc kẹp tóc.
Những việc như thế không có ý nghĩa gì cả. Chị Kha cứ tuyên bố là anh Kha không biết yêu đương, và anh không cãi được. Hai người chỉ thấy ngạc nhiên khi anh Kha bị tập trung vào lao xá. Lúc đó chị Kha thấy khuyết hẳn đi một phần thân thể của mình, như thân mình bị cắt xén cho nhỏ lại. Trước kia chị có nhiều tay nhiều chân hơn, chị có nhiều túi hơn, bên tả bên hữu chị vẫn còn những hoạt động của chị. Bây giờ cử động của chị như cụt lủn. Chị đưa tay ra không có bàn tay đón. Tiếng chị nói năng, khua động tan biến đi, bay lạc đi lảng nhách giữa sự vô tình. Chị ngơ ngác không biết mất đi cái gì. Người đàn bà trẻ không chịu đặt tên cho những cái như thế là tình yêu.
Còn anh Kha mới thực là thiểu não. Anh đếm từng ngày trong tù. Suốt ngày anh cụ rụ lù khù, trông bẩn thỉu, ngờ nghệch. Anh không biết sống thế nào cách sống mới của mình, cách sống không có vợ bên cạnh. Không ai ngờ được rằng thiếu đi hơi hướng, bóng dáng của một người đàn bà, thiếu đi những tiếng nói cười khua động của một người đàn bà ở bên cạnh, cuộc sống lại... mất ý nghĩa đến như thế. Anh Kha ngẩng mặt, quay cặp mắt đeo kính cận thị của anh khắp bốn phía nhà lao, anh không trông thấy cái gì có thể thay thế được sự hiện diện của chị Kha, anh không hiểu nổi những hoạt động xung quanh, không hiểu nổi cuộc sống xung quanh, anh không thể nào thích ứng được với cuộc sống đó, anh ngơ ngác khổ sở khốn đốn. Lúc nào anh cũng thấy lạnh, một cái lạnh thực, cụ thể, cảm biết rõ ràng bằng da thịt. Cho nên anh luôn luôn quấn cái khăn lông to tướng quanh cổ. Người ta áp dẫn anh đi cuốc rẫy, chặt củi hay đốn gỗ, bất cứ ở chỗ xó rừng góc núi nào, anh Kha cũng không rời cái khăn lông mỗi ngày một nhớp nhúa ấy. Đang im lìm một chỗ, chợt anh nghe ai la nói lớn hay nghe tiếng động khác thường, cái đầu của anh liền quẫy mạnh một cái trên đống khăn to tướng ấy như một con trăn giật mình vùng cất dậy trên đống lá khô. Anh bất giác ngẩng cặp mắt kính lóng lánh ngơ ngác tìm kiếm. Không tìm thấy chị Kha, anh thất vọng cúi xuống, im lìm.
Vào tù, anh mất cái thú sống. Anh không chú ý đến thời cuộc nữa, không bao giờ có thể lại hăng hái bàn cãi bất cứ về vấn đề gì như lúc anh tới đàm luận với Thọ hay với cha chồng tôi. Anh không biết phật ý, bất mãn về điều gì cả. Anh như một đóm lửa tắt ngấm, hoàn toàn anh không chú ý đến gì nữa.
Như thế bốn năm tháng trời, rồi anh được trả tự do. Anh chạy về nhà, chị Kha đón gỡ cái khăn lông đồ sộ khỏi cổ anh, đem đi giặt sạch tử tế. Anh lại quấn quýt bên chị, và dần dà trở lại bên nhà chúng tôi nói chuyện về thời thế, về những điều chướng tai gai mắt trong xã hội.
Rồi anh Kha lại bị tập trung nữa. Bất cứ lúc nào hễ có tin địch sắp mở một chiến dịch, có tin giặc đổ bộ đâu đó gần vùng chúng tôi là Kha lại bị tập trung, có lần bốn năm tháng, có lần một đôi tháng. Tính ra không năm nào Kha khỏi quấn cái khăn lông đi vào tù ít ra một chuyến. Đến lần thứ năm anh Kha ở lao xá về thì không có chị ra đón gỡ cái khăn lông quấn quanh cổ nữa. Chị đã mất rồi.
Từ đó Kha chỉ còn giữ được một thói quen trong đời sống của anh là thỉnh thoảng sang bên nhà chúng tôi để thổ lộ những bất mãn về thời cuộc. Đến khi Hải bỏ nhà đi nữa, Kha càng thấy quạnh quẽ và càng thường sang bên chúng tôi. Vô ý thức, chúng tôi cứ mỗi ngày mỗi sát đến bên nhau, tìm cách che giấu khỏa lấp một sự trống trải trong tâm hồn, gián tiếp nhắc nhở nhau một khoảng dĩ vãng khó khăn đau khổ nhưng khi vượt khỏi nó rồi chúng tôi lại không biết hướng cuộc đời về đâu.
Như thế cho đến khi Kha đi làm quận trưởng. Kha bừng tỉnh, tìm ra lẽ sống của anh. Những bất mãn hậm hực bấy lâu vô ích bây giờ thúc giục anh hăng hái say mê công việc. Bấy lâu chỉ có những câu đàm đạo, những lời nói, bây giờ là hành động. Kha tìm thấy trong công việc chống lại những hoạt động cộng sản một thú vị mê say.
Kha chủ trương một chính sách độc tài. Anh sẵn sàng trình bày về chính sách độc tài với bất cứ người nào muốn nghe hoặc không muốn nghe. Có lẽ cha chồng tôi là người trước tiên được nghe anh mở đầu.
— Con người ta càng ngày càng ít muốn tự do.
Cha chồng tôi có cái bụng khá lớn, ngồi trên phản thường lấy tay nắm một bàn chân bên này bỏ lên bắp vế bên kia và trong khi nói chuyện cứ giữ riệt lấy bàn chân ấy, bẻ các ngón chân, xoa vuốt mãi như mân mê một thứ đồ chơi. Người bảo anh Kha:
— Nói thế là một cách nói khó hiểu đấy.
Kha vội vàng cãi:
— Giai đoạn này cần mạnh. Lúc này các dân tộc cần cảm thấy mình thực là khỏe mạnh, sung sức, mới yên tâm mà sống, mà xây dựng tương lai. Trước tiên là phải có khí giới mạnh. Nhưng thế chưa đủ. Phải có một chế độ mạnh nữa mới được...
Anh Kha ngừng lại, giương cặp mắt nhiều tròng trắng trợn tròn xoe sau chiếc kính cận thị nhìn cha chồng tôi một cách dữ tợn đến nỗi người phải lẩm bẩm lặp lại: “Một chế độ mạnh, chế độ mạnh”, như là thối lui, nhượng bộ. Kha liền tấn công dồn tới:
— Phải có một chế độ thực mạnh. Nghĩa là hành động hữu hiệu và nhanh chóng, thực là nhanh chóng. Khả năng lớn lao của những thứ vũ khí mới đòi các chính phủ phải quyết định và hành động thực chớp nhoáng và kín nhẹm. Chần chờ, bàn cãi dài dòng, thế nào cũng chậm, cũng muộn, tức là yếu, là chết rồi đó. Một số ít người cần có quyết định nhanh để đối phó kịp thời. Vì cái chế độ độc tài nhất trên quả đất đã tỏ ra cương quyết nhất, hữu hiệu nhất, cho nên người ta tranh nhau tiến tới độc tài. Nước Nga không thành công về chuyện xúi buộc người ta làm cộng sản, nhưng thành công về cách bày vẽ cách làm chính trị độc tài. Đó là cái vinh dự của nước Nga...
Cha chồng tôi ngửa người ra, cười không thành tiếng, một tay chống ra sau, một tay giơ lên vẫy vẫy như ra dấu cho anh Kha tốp lại, chậm lại, chờ người cười xong đã. Kha thích chí, cười ha hả:
- Bác coi: độc tài đâu phải là sự ngẫu nhiên ở vài ba nước? Lúc này nó thành ra một phong trào, một xu hướng hẳn hoi. Nước Pháp, thành lũy của tự do cá nhân, của tư tưởng dân chủ, rồi cũng phải chấp nhận một chính thể dồn thêm quyền hành cho một cá nhân De Gaulle. Ở Trung Đông, ở Đông Nam Á... đảo chánh xảy ra liên tiếp. Thường là do quân nhân cầm đầu cả. Chế độ đại nghị khó tồn tại! Các ông thủ tướng cứ bị quốc hội lật đổ liên tiếp thì còn làm gì được nữa. Quyền hành pháp phải trao vào một chức vị bền vững, không để quốc hội vật lên vật xuống quành quạch. Ít ra là tổng thống chế... Thời kỳ bây giờ người ta không có thì giờ bàn cãi lâu. Nhờ tiến bộ khoa học, chúng ta sử dụng được những lực lượng vĩ đại quá, chớp nhoáng quá, nhịp sống của chúng ta tăng nhanh lên, sự quyết định của chúng ta cũng phải nhanh chóng cương quyết cho kịp khả năng của những phương tiện ta dùng. Lúc này phải quyết liệt, bác à.
Cha chồng tôi xem ra chưa có vẻ gì tán thành lý luận đó. Nhưng người không hề phản đối, chỉ cười cười, tiếp tục bẻ các ngón chân. Kha rút một điếu thuốc đưa lên môi, rồi lấy bật lửa ra, nhưng bật lửa của anh lại vẫn không có tim. Từ ngày chị Kha qua đời rất ít khi anh Kha được thỏa mãn về cái bật lửa của mình. Thời kỳ này rất có thể là một thời kỳ độc tài, nhưng vẫn chưa là thời kỳ mà tim bông gòn tẩm dầu lửa có thể tự nhiên mọc nhú lên như mộng lúa hay như đọt cỏ non trong bật lửa được. Cha chồng tôi vừa đưa cho anh Kha một bao diêm vừa nói: “Ruộng bên anh đã cày vỡ xong chưa?”, thản nhiên đưa câu chuyện về hướng khác.
Tôi không biết ở chức vị của Kha, làm việc trong phạm vi quyền hạn một quận trưởng như Kha, thì một người chủ trương chính sách mạnh và một người không chủ trương chính sách mạnh có hàønh động gì khác nhau chăng. Riêng đối với cha chồng tôi quả là nó đã làm cho người khiếp sợ. Thái độ mê say nồng nhiệt nào cũng khiến người sợ hãi dè dặt. Khi Kha chỉ trình bày chính sách của anh thì người ngồi nghe và cười. Nhưng dần dần đến khi anh hậm hực công kích tới thứ luật pháp hiện hành mà anh chê là nhu nhược trước hoạt động gián điệp của cộng sản, khi anh công kích lề lối làm việc kềnh càng vô hiệu của chính quyền quốc gia hiện tại, chê sự kiểm soát bất lực đối với nạn tham nhũng v,v... và đòi một chính sách trừng trị mạnh bạo kịch liệt, khi ấy thì cha chồng tôi không mỉm cười mân mê các ngón chân nữa. Khi ấy hoặc người đờ ra nhìn chăm một con ó rằn bay giữa lừng trời, hoặc người ngó chăm chỉ vào tô canh trên bàn ăn, hoặc người chú ý vấn đi vấn lại mãi một điếu thuốc. Cha chồng tôi làm như không hề có người trước mặt anh Kha, người không nghe, không thấy gì cả, người tự nhiên biến mất hẳn đi.
Tôi thấy mỗi ngày Kha càng say mê công việc, càng hăng hái với những lý luận, chính sách, những hậm hực của anh, thì cha chồng tôi càng tìm cách rút lui, lảng tránh anh. Nhiều người khác trong gia đình cũng có ý ấy. Tuồng như khi sự say mê đắm đuối xâm nhập vào tâm hồn một kẻ nào cũng thường lôi cuốn kẻ ấy xa rời thân thuộc mình. Tội nghiệp là Kha không trông thấy điều đó. Anh vẫn trung thành với cái thói quen tìm đến chúng tôi, bộc lộ tư tưởng dễ dàng với chúng tôi.
Về sau, nhiều lần đến nhà không gặp cha chồng tôi, anh nói chuyện với chị em chúng tôi, và từ câu chuyện một bó rau bó cải anh rất có thể dẫn đến nhiều chính sách mạnh. Đôi khi tôi mỉm cười thương hại bảo anh:
— Ai cũng biết anh có nhiều chính sách. Anh chỉ thiếu một người kết lại cái nút tay áo đang sổ ra thôi.
Anh Kha co tay lên, đón gỡ một nột nút lủng lẳng ở tay áo, cười toe toét nhờ chúng tôi kết lại. Tôi thầm nghĩ dầu có vất vả sản sinh ra bao nhiêu chính sách, Kha cũng vẫn còn giữ được bản tính hồn nhiên, sống những tình cảm quen thuộc. Anh không phải luôn luôn đăm chiêu thắc mắc, tự biến mình thành một con người khác như Thọ. Người ta làm được mọi chuyện quái gở, nhưng tốt nhất nên buồn vui thương ghét như lối cũ xưa nay, vẫn giận cái gì xưa nay người đời thường giận, cảm phục cái gì xưa nay thường được cảm phục. Làm ra con người mới là một chuyện khó khăn và kỳ cục. Con người tự bày ra những tình cảm mới cho mình và đặt tên huyên thiên cho nó thì thực là ngông nghênh.
Kha tiếp tục đến với chúng tôi do một thói quen. Gia đình chúng tôi cũng có thói quen chờ Kha đến để bàn cãi về những chuyện không đâu ngoài công việc làm ăn. Cha chồng tôi mặc dù nhút nhát, đôi khi e sợ những câu chuyện của Kha, nhưng hồi mùa xuân năm ngoái, nhận thấy vắng Kha ngót một tháng cũng băn khoăn suy nghĩ. Mọi người đều áy náy tự hỏi phải chăng Kha đã nhận biết thỉnh thoảng cha chồng tôi tỏ ra lạnh lạt với anh.
Một hôm, đi chợ về nửa đường, tôi gặp Kha vừa từ phía sau miếu Long Mỹ bước ra, sau lưng đeo khẩu súng và tay xách ba con gầm ghì. Tôi nói:
— Đã lâu anh không đến chơi, thầy tôi nhắc luôn.
Kha hỏi “Thế à?” cụt ngủn, rồi bước đi theo tôi. Tiếng giày của anh giậm trên sỏi vang lên một tiếng kêu khó chịu, đều đều, chậm chạp, mà nổi lên to quá, sống sượng quá, đuổi mãi theo bên cạnh tôi dọc ven rừng vào buổi chiều yên tịnh. Tôi lưỡng lự, không biết nói sang chuyện gì khác, bỗng Kha lên tiếng hỏi:
— Đố chị biết cây gì?
Tôi nhìn theo hướng tay Kha chỉ, bật cười:
— Anh không nhớ sau góc vườn của chúng tôi cũng có một cây chòi mòi sao?
— À, lạ nhỉ. Có ai trồng chòi mòi làm gì trong vườn?
— Có lẽ không ai trồng cả. Chắc là một cây chòi mòi hoang, khi dọn đất làm vườn cất nhà người ta chừa nó lại.
— Mỗi cây chòi mòi có một sự tích. Ngày còn nhỏ chúng tôi thường leo hái trái chòi mòi ở mé ao. Có lần nó ngã xuống ngất đi mà tôi không dám kêu, chỉ ngồi xuống ôm nó...
— Ai?
— Thằng Hải. Lớn lên mỗi đứa một cuộc đời, không thể can thiệp được gì vào cuộc đời của nhau.
Tôi nghĩ đến Thọ. Đau quặn trong lòng: Một trăm năm nữa, thế hệ này qua đời rồi thì dòng lịch sử nhẵn hết lằn vết. Sự qua phân đất nước chỉ còn là một vấn đề chính trị, một danh từ không có tiếng vang tình cảm, một sự kiện để công dân trong nước suy xét chứ không gợi được mối cảm động của mỗi người nữa. Đối với thế hệ này sự kiện lịch sử ấy lại có tính cách riêng tây đối với mỗi gia đình, như là một đám tang, một cái khăn tay kỷ niệm, một ngấn nước mắt đọng trên mi...
— Hải nó không đi ra Bắc.
Tiếng Kha nói chậm rãi như tiếng giày đều đều trên sỏi. Tôi không hỏi, vì biết rằng trước sau Kha cũng sẽ nói tiếp. Nhưng anh im lặng đi một đoạn đường khá dài, khiến tôi nóng ruột quay lại nhìn. Anh nói:
— Người ta đưa nó vào một tỉnh ở Hậu Giang Nam phần, để nó đổi tên đổi họ tiếp tục hoạt động... Nó bị bắt rồi.
— Mới bắt hả?
— Không biết rõ. Tôi được tin chừng một tháng nay.
—Bây giờ ở đâu?
—Ở Côn Lôn... Đoán thế.
Tôi có một ý nghĩ chua chát:
— Ngày trước, khi anh vào tù mỗi năm hai lượt, không ai nghe chú Hải bộc lộ một chút băn khoăn nào.
— Họ cố gắng biến thành những con người hoàn toàn khác chúng ta. Họ luôn luôn hướng về tương lai. Nhai một miếng thịt, gặt một bó lúa, đánh vảy một con cá..., ở mỗi việc họ đều đánh hơi thấy một ý nghĩa, một báo hiệu tốt đẹp về tương lai. Họ bương bả chạy tới, không quan tâm gì đến những cái mà họ đang giày xéo dưới bàn chân hấp tấp, họ không kịp ngó đến người xung quanh...
Kha dừng lại nửa chừng, tôi tiếp theo:
- Còn mình thì một nhánh cây gãy, một dáng đi, một đêm cùng thao thức với họ cũng cứ vướng vít trong tâm trí mãi. Trước biến cố hiện nay mình bị thiệt thòi nhiều quá: lúc họ còn ở thì là nạn nhân của chính sách họ; lúc họ đi rồi cũng vẫn còn là nạn nhân của họ về một phương diện tình cảm. Cho dù anh có chủ trương thế nào số phận của chú Hải cũng ám ảnh tâm trí anh mãi.
Kha không nói gì, bước đều đều sau lưng tôi. Bóng ba con chim gầm ghì Kha xách trên tay cứ chạy lui chạy tới dưới chân tôi khiến tôi nhớ rằng trăng đã mọc vượt lên khỏi đám cây ở khu rừng phía sau chúng tôi.
Tôi hỏi:
— Thầy tôi đã biết chưa?
Kha giật mình:
— Biết gì?
— Biết tin Hải còn ở lại và bị bắt.
— Chưa.
— Có phải vì cái tin đó mà một tháng nay anh không đến chơi bên nhà?
Kha không trả lời trực tiếp, chỉ nói:
— Nay tôi sang thăm bác.
Rồi anh cười:
— Và nhân có mấy con chim bắn được cũng định gửi chị, xin dự luôn bữa cơm tối với bác. Bên tôi hôm nào không có khách thì dù có món nhậu nhẹt bữa ăn cũng buồn, vì không biết nói chuyện với ai.
Tôi hỏi nửa đùa nửa thật:
— Chị mất hơn ba năm rồi, anh định ở vậy mãi sao?
Kha lại cười:
— Không biết. Nhưng chị trẻ hơn tôi nhiều, chị đáng được hỏi trước mới phải.
Tôi quay lại nhìn. Kha đang cười hồn nhiên, chợt trông thấy mặt tôi, anh ngừng lại, nhìn ngỡ ngàng, như lần đầu tiên anh chợt bắt gặp hình dáng cụ thể của sự cô quạnh quanh mình. Cái nhìn lạ lùng của anh làm tôi bối rối. Tôi cúi đầu xuống, bước nhanh hơn. Gió thổi hai bên má, tôi tưởng như nghe ánh trăng thấm lạnh vào da thịt. Và tôi cảm thấy mặt trăng chăm chú nhìn mãi sau gáy mình. Tôi đưa tay vớt mấy sợi tóc gạt ra phía sau, rồi lại lấy làm tiếc đã làm cử chỉ thừa thãi ấy. Tôi vừa im lặng bước đi vừa hối tiếc không phá tan được sự im lặng khác thường đó.
Tối hôm ấy, tôi nằm trong buồng lại nghe cha chồng tôi thao thức rất khuya. Câu chuyện của Kha nói về Hải làm cho người nhớ đến Thọ, và nghĩ lan man lo hãi về những rối rắm phức tạp đang diễn ra quanh mình, trong một xã hội tuy bề trên đã lặng yên mà bên dưới đó đây vẫn còn những chỗ âm thầm xôn xao mãi không thôi. Người sợ hãi giật mình khi nghe xảy ra một bất trắc thêm vào nhịp sống vốn đã rất thất thường khó hiểu, rất đáng ngại.
Còn tôi, tôi bàng hoàng trước một vấn đề mới đặt ra. Tôi biết rằng Kha có nhiều nết tốt, nhưng cảm thấy chúng tôi chưa có thể gần nhau hơn nữa. Kha cũng như tôi, mỗi người đều đang còn bị những ám ảnh lớn choáng cả tâm trí. Chúng tôi là hai kẻ có hai cái dĩ vãng quá kềnh càng, như những lữ khách nhiều hành lý, nếu muốn ở chung một phòng sẽ không tìm ra chỗ mà sắp xếp đồ đạc. Nếu Kha gặp một người con gái ngây thơ, may ra người đó chóng giúp được Kha thoát khỏi những ray rứt khổ sở của anh. Tôi cũng tự bảo nếu cần thì mình chỉ nên chọn sống bên một cuộc đời đơn giản hơn cuộc đời của Kha.
Tiếng thác đổ ồ ồ liên miên sau nhà như thôi thúc xô đẩy tới một quyết định. Tôi tự thấy mình đang bị đưa dồn tới một hoàn cảnh mới. Tôi bồn chồn, nôn nao.
Từ ngày về nằm ở gian buồng này, đêm đêm tôi nằm bên cạnh một cố gắng thường xuyên thao thức, tôi nghe tiếng cựa mình ở nhà ngoài tiếng trăn trở ở buồng trong, tôi nép mình lặng lẽ sống bên cạnh những quằn quại đau đớn mà âm thầm của một gia đình giữa sự giằng co của hai dòng tư tưởng. Cho tới bây giờ sự chuyển mình lớn lao của một thời đại vẫn còn gây ra bầu không khí căng thẳng trong vô số gia đình, trong khắp xã hội.
Đêm nay tôi bắt đầu nghĩ đến việc rời khỏi gian buồng này. Câu hỏi và cái nhìn của Kha đánh thức trong tôi cảm giác đơn chiếc. Mắt của tôi và của Kha gặp nhau như hai mặt gương phản chiếu lẫn nhau, trả lại cho nhau hình bóng một cảnh lẻ loi. Tôi nhớ lại khuôn mặt đen thui của Kha vừa rồi in lên nền trời xanh mênh mông, giữa ánh sáng lung linh của trăng đêm mười bốn, khuôn mặt đen thui lắc lư theo nhịp bước chân đều đều vang trên con đường sỏi. Và cặp mắt sau chiếc kính cận thị tròn thao láo, lóng lánh như một niềm thao thức! Thật không phải là một hình ảnh có ý nghĩa khuyến khích đối với người con gái đã sợ hãi những tâm trạng rối rắm phức tạp, chỉ ao ước tìm gặp một hạnh phúc yên lành, xa mọi xao động băn khoăn.
Từ lúc tôi về nhà chồng đến nay, lúc tôi nghĩ đến chuyện phải rời đi, những đêm vắng vẻ thao thức nghĩ ngợi tôi lại để ý đến thác nước ồ ồ bên nhà. Suốt năm sáu năm trời tiếng thác ồ ồ đó luôn luôn đuổi theo tôi, lúc nào cũng sẵn sàng hiện đến như một nhân chứng vào những giờ bối rối khó khăn nhất. Tiếng ồ ồ dồn dồn liên tiếp lại đuổi theo tôi như một sự thôi thúc xôn xao vô cớ.
Đêm nay lại vẫn tiếng thác đổ ồ ồ. Và ngoài trời lại vẫn ánh trăng sáng mông lung gọi dậy những rạo rực khó tả.

Đêm tôi gặp quận Toàn là một đêm cuối tháng sáu. Ở vùng quê chồng tôi cứ mỗi năm làm xong mùa tháng ba, gieo vãi xong xuôi rồi, vì muốn tiết kiệm rơm, ai nấy “cầm” bò trên núi cho đến tháng tám tháng chín, lúc trời bắt đầu mưa mới lùa về. Cố nhiên việc cất rông dựng chòi giữ bò trên núi hàng mấy tháng trời là công việc của đàn ông. Nhưng người giữ bò cho gia đình tôi bỗng bị một cái nhọt lớn mọc bên cổ, sưng lên to tướng, làm cho anh ta phát sốt li bì mê man, người ta khiêng anh ta từ trên núi về. Tôi phải thay thế anh ta bốn hôm.
Tôi không oán trách gì quận Toàn về hành vi của ông ta đêm đó. Tôi không chờ đem một tấm thân trinh tiết về ở với Kha. Vả lại quận Toàn không có chủ tâm. Việc ông ta gặp tôi chẳng qua là một sự ngẫu nhiên hoàn toàn. Người khác ở vào hoàn cảnh đó vị tất đã hành động khác ông ta. Nhưng cái gì làm cho tôi đau nhói trong lòng, vừa xót xa, vừa khinh bỉ, cái gì xô gấp tôi tới quyết định chọn lựa anh Kha, ấy là thái độ hành động của ông ta.
Lúc ông ta chạy đến bên chòi trông thấy tôi đang nằm ngủ, ông ta hét lên, quăng súng xuống đất, chụp hai vai tôi lắc lắc, lôi tôi dậy. Ông ta la tíu tít: “Úi chao! Trời đất ơi là ngủ! Úi chao!...” Ông ta thành thực mừng rỡ ríu rít. Trông ông lúc đó không thể có ý gì khác hơn. Tôi mỉm cười, hưởng ứng sự vui mừng của ông ta.
Tôi thổi lửa, nhóm lại bếp, chất củi thêm cho ngọn lửa bốc cao đánh tan khí đá lạnh. Ông ta ngồi xuống bên bếp lửa, thuật lại cho tôi nghe ông ta đã trông thấy mắt bò thế nào, lắp đạn và ngắm nghía thế nào, rồi đánh rơi đạn và suy đi tính lại thế nào. Tôi cảm ơn ông, lấy làm sung sướng rằng tính mệnh tôi vừa rồi được định đoạt do một người thợ săn chín chắn, dày kinh nghiệm.
Khi câu chuyện thoát nạn của tôi kể xong rồi, nỗi hân hoan của ông ta hạ xuống nhanh như một ngọn lửa nhen bằng lá khô chưa kịp bén vào cây củi. Ông ta nhìn quanh quất bốn phía, bắt đầu chú ý đến rông bò và cái lều cùng sự bài trí chỗ tôi ở. Ông ta hỏi tôi về tục cầm bò. Tôi với lấy ấm nước vần bên bếp lửa, rót mời ông ta một chén nước và giảng cho ông ta về phong tục của nhà nông ở vùng quê tôi.
Khi ông ta không phải nói nữa mà im lặng ngồi nghe thì ông có thì giờ chú ý đến nhiều chuyện. Trong đó có tôi. Ông ta không phải là một người tinh tế. Trông dáng bộ và cặp mắt ông, tôi biết ngay là ông bắt đầu chú ý đến tôi lúc nào. Tôi nói chuyện bớt tự nhiên và rời rạc, nhưng thỉnh thoảng ông ta lại hỏi một câu, nên câu chuyện không dứt được. Chắc chắn là những dự tính không tốt của ông ta phát sinh giữa lúc ấy, trong cái tình trạng dằng dai đó.
Ông ta đưa tay, những ngón tay đen điu, dồn nhiều da sù sì, và cụt thun lủn, cầm vài que củi sắp lại. Tôi không thấy ông ta tính chuyện đứng dậy tiếp tục cuộc săn bắn. Lửa tàn lần. Tôi đang không biết nói thế nào thì ông lên tiếng mời tôi đi ngủ; ông ta xin phép ngồi thêm một lát bên bếp lửa. Tôi có cảm tưởng chắc chắn là mình không đuổi ông ta đi được; tôi nhìn lại vẻ người thô lỗ ấy, biết rằng ông ta đang nhận định tình thế một cách rất thực tế. Chỉ có ông ta và tôi ở giữa núi rừng mênh mông...
Khi gà rừng lên tiếng gáy e é, tôi trở mình xoay nhìn ông ta nằm bên cạnh. Ông đang bình thản, ngửa mặt, khép mắt, lấy hai ngón tay giữa đè lên mí mắt, xoa nhẹ nhẹ. Ông ta chăm chỉ với công việc của mình, không để ý gì đến tôi. Mí mắt ông ta tuồng như hơi sưng, có vẻ dày hum húp, nặng nề, ông ta xoa mà như mơn trớn vuốt ve tưng tiu, cử chỉ dềnh dàng thận trọng.
Tôi đưa một bàn tay lên vuốt qua hai má lạnh ngắt, vô ý để củi chỏ đụng nhằm vai ông ta. Ông ta giựt mình, né sang một bên, hỏi:
- Hả? Em cũng thức dậy rồi đó hả?
Ông vội vàng nhích tránh thêm một chút nữa, rồi tiếp tục xoa vuốt, ấn cả hai lòng bàn tay xuống, xoa khắp mặt, mắt lim dim khoan khoái. Tôi nhớ lại hồi khuya, lúc ông ta vừa buông tôi ra, nằm ngửa bên cạnh tôi, ông ta cũng im lặng, nhích tránh ra xa tôi, nét mặt ông ta trân lại, sắt lại, trầm ngâm. Không phải ông ta theo đuổi một tư tưởng gì, mà chính là ông cần yên tĩnh để lắng xuống nghe cảm giác khoái lạc thấm lần thấm lần vào cơ thể. Trông như một con trăn nuốt rất chậm, rất cẩn thận, vừa nuốt vừa đề phòng con mồi, như một người hít xong khói thuốc phiện nằm lơ mơ tê mê. Lúc đó sự hiện diện của tôi, những cử động của tôi bên cạnh chỉ làm cho ông ta khó chịu.
Lần này, sau khi xoa vừa đủ ấm hai má, ông ta ngừng lại, nhã nhặn quay về phía tôi, gợi chuyện. Ông ta hỏi qua về thân thế và sự sinh hoạt của tôi. Tôi trả lời vắn tắt, cụt ngủn. Ông ta không để ý, và tôi nghĩ giá có để ý ông cũng tha thứ một cách dễ dãi. Ông ta vui vẻ kể chuyện về mình. Thoạt tiên cũng vài ba chuyện ly kỳ nguy hiểm mà “bọn thợ săn chúng tôi” thường gặp. Rồi thì những chuyện lý thú khác trên đời. Ông ta lại nói về cái đêm đảo chính năm bốn lăm, ông đang làm việc ở tòa sứ Nghệ An, xách súng đi bắn suốt đêm mãi đến sáng mới về. Được viên công sứ cho gọi đến báo tin là giang san đã đổi chủ, ông mừng rỡ đi bắn thêm vài ngày nữa. Chín năm giặc giã trên khắp đất nước cũng được ông nói đến. Ông ta coi đó là một điều phiền hà rất bực dọc khó chịu, vì: “Thời kỳ đó ‘bọn thợ săn chúng tôi’ làm gì dám trèo lên đến núi mà bắn? Heo rừng, với nai, với thỏ, có hay tìm đến dây thép gai mà ăn đâu? Quanh quẩn lúng túng mãi trong thành phố, chán lạ!”
Ông ta lắc đầu, cười hề hề. Tôi cảm thấy một cách biệt vô cùng tận giữa ông ta và tôi. Tôi vừa ngồi dậy, ngửa đầu ra sau gỡ mái tóc rối, vừa liếc trông theo những cử chỉ của ông ta, trong lòng lấy làm hối hận hết sức về những lạc thú mà tôi đã cho ông ta hưởng và đã cùng hưởng với ông ta trong đêm qua. Giữa tôi với con người đó không thể có một lý do gì đưa đến sự chung đụng thân mật như thế được.
Khi ông ta dứt tiếng cười hề hề thì cử chỉ của ông ta lại khiến tôi nghĩ đến những người vừa ăn xong một bữa thật ngon lành thỏa thuê rồi ngồi nhìn lơ đãng, dềnh dàng, xỉa răng rất lâu, những người không có việc gì quan trọng hơn, để hết tinh thần lắng theo dõi các khoái cảm thấm chầm chậm vào thật sâu. Họ có thì giờ để nghe tiêu hóa các khoái cảm. Sự im lặng của ông ta cũng làm cho ông ta cách biệt tôi, và có một ý nghĩa tàn nhẫn làm tôi tủi nhục.
Tôi nhớ lại thái độ hành động của ông ta trong đêm vừa rồi, tự nhiên căm tức. Khi tôi khép hai đùi lại, dùng dằng, ông ta không hấp tấp vội vàng. Ông đặt một bàn tay lên bắp đùi trần của tôi làm tôi rùng mình; ông ngừng lại một chút, rồi vỗ nhè nhẹ vào phía trong bắp vế, nói nho nhỏ: “Em! Em!” Giọng ông ta nửa như than phiền trách móc, nửa như dỗ dành nài nỉ. Ông ta lại đặt yên bàn tay, ngừng lại, và chờ đợi. Tôi dạo ấy mới hăm hai hăm ba tuổi... Vắng đàn ông lâu ngày... Đêm khuya vắng vẻ... Chậc!
Ông ta bình tĩnh và hành động chắc chắn. Ông ta đã hiểu tôi một cách giản dị quá, thực tế quá. Và hiểu đúng tâm lý đến nỗi ngẫm nghĩ lại tôi không khỏi vừa xấu hổ, vừa tức giận.
Trời mỗi lúc một sáng rõ và càng làm tiêu tán hết những lý do khiến hai chúng tôi có thể ngồi bên cạnh nhau. Tôi đứng lên, định đi ra suối lấy nước. Ông ta liền đứng lên theo từ biệt.
Tôi bỏ thùng nước, ngồi xuống, nhìn theo nòng súng và chóp mũ của ông quận Toàn khuất dần vào cây lá dưới sườn núi. Khi tôi còn lại một mình, bốn phía hoàn toàn không bóng người nào nữa, chỉ có đàn bò bên cạnh, nước mắt tôi lại trào ra.
Đối với những “a-văng-tuya” ghê gớm của “bọn thợ săn” ông ta, thì quả cả tôi và tất cả cái tâm sự rắc rối của tôi thực là vô vị, không có gì đáng kể. Ông ta có thể vui vẻ kể cho tôi nghe cái đêm đảo chính lý thú của ông ta, chứ còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong năm sáu năm của tôi cho ông nghe được. Thái độ hưởng lạc vô tư, thản nhiên của ông ta, thái độ hững hờ đó như một cách lăng mạ nặng nề tàn nhẫn.
Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã hội xao động dữ dội này vẫn còn có những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phũ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đày đi xa cảnh thái bình an lạc và lạc mất đường về. Tôi nghĩ đến cuộc đời lao đao của Kha như một an ủi. Tôi ngồi nghĩ về Kha.
Qua màn nước mắt, tôi ngồi nhìn xuống màu khói xanh mù mù bàng bạc khắp sườn núi, nhìn vài con chim sẻ mổ lung tung vào mái chòi, rỉa một đôi hạt thóc khô còn dính trên đuôi rạ, tôi ngồi nghĩ đến cuộc đời lao đao của chúng tôi, của Kha và của tôi. Vâng, tôi nghĩ về Kha, và Kha là nhà tôi hiện giờ.

Qui Nhơn, 1957

**Võ Phiến**

E ị!

**Bà con chòm xóm**

Một buổi chiều cuối năm, nằm tưởng nhớ lan man về làng quê, tôi mấy lần tự bắt gặp mình nghĩ tới chị Bốn Chìa Vôi. Hình ảnh chị xua đi lại trở về. “Ơ hay!” tôi ngạc nhiên về mình. “Vẫn chị Bốn! Thì chị Bốn. Xem chị có gì nào!”
Trong nhân cách chị có nhiều đặc điểm, nhưng đối với người làng điều thường được nêu lên như một tiêu biểu là chị không sợ thằn lằn rắn nước. Con người, đa số, vẫn đố kỵ loài bò sát; chị Bốn không đố kỵ. Chị biết khai thác đặc điểm của mình, khiến mọi người chú ý. Một nhóm bạn bè đang ngồi tán dóc, chị chạy tới mời ăn me. Đàn bà con gái nào lại không thích me? Mỗi người giành lấy một quả xong, chị Bốn rút từ trong bọc ra một gói nhỏ. Trời, sao mà chu đáo thế: lại có cả muối ớt nữa kìa. Vài bàn tay nóng nảy giật nhanh gói giấy, mở ra: con thằn lằn luống cuống nhảy hoảng vào lòng một chị nào đó. Cả bọn la như cắt cổ.
Chị Bốn Chìa Vôi có thể bắt nhốt vào túi áo một con rắn nước, lấy kim băng cài lại cẩn thận. Để rồi chỉ mở túi khi đã ngồi sát kề vài người bạn. Rắn vọt ra, kẻ nhanh nhất cũng không tránh kịp.
Người ta sợ những con vật hiền lành vô hại, sợ một cách vô lý. Chị Bốn không vô lý, thế là chị bị coi như nham nhở, lì lợm. Giá là “hôm nay”, chị được cho là rất chì. Chì thì không có gì tệ. Nhưng ở địa phương, hồi đó, người ta đánh giá thấp thái độ ấy. Có người bảo: Con đó ma vật không chết, thiên lôi đánh không chết v.v... Toàn thị là những nhận xét có tính cách thóa mạ. Trong chỗ địa phương, giàu có chẳng được mấy kẻ, hầu hết là dân nghèo với nhau. Từ lối xưng hô cho đến cách nhận xét nhau nghe có vẻ sỗ sàng mà thân mật. Xóm giềng với chị Bốn Chìa Vôi là anh Ba Càng Cua, chú Năm Cán Vá, anh hai Mỏ Gảy, cậu Ấm Sứt v.v... ai nấy đều thông cảm sự giễu cợt của bà con chòm xóm, không oán trách gì. Trường hợp đáng để ý là một người tên Hai Cư. Anh ta cũng lớn lên trong cảnh nhà nghèo khổ, không có tham vọng. Bỗng có người tuổi tác tốt bụng mách cho biết nội tổ của anh ta từng có quan tước, nếu chịu mất hai đồng bạc cho làng, anh có thể làm đơn xin tập ấm để được miễn sai. Anh nghe theo, anh được chỉ vẽ, giúp đỡ, cuối cùng được thành một ấm tôn. Anh mở tiệc khao làng và họ hàng thân thuộc. Ngay trong tiệc vui ấy anh đã nghe loáng thoáng cái tiếng “ấm sứt”. Anh lặng người đi một lát. Rồi anh bâng khuâng, trầm ngâm, như một người bắt đầu chịu trở nên chín chắn, từ bỏ những ngông nghênh rồ dại nhất thời để trở về với những cái thiết thực. Rốt cuộc, anh nhếch miệng cười nhẫn nại, chấp nhận. Tiếng “ấm sứt” phổ biến nhanh chóng. Dân làng mừng rỡ, không ganh tị tí nào đối với chút quyền lợi anh được hưởng, nhưng còn sự danh giá thì họ đã bảo toạc ngay cho anh biết là không có đâu.
Chị Bốn ngày nhỏ tên là Bình. Nhưng càng lớn chị càng toe toét, nói bậy nói bạ, bừa bãi lung tung; cho nên bị coi không xứng là miệng Bình, dù là bình vôi. Do đó, bèn đặt tên là Chìa Vôi.
Kể ra đặt như thế cũng bừa bãi, chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thuật lại bấy nhiêu điều là để chứng tỏ ở đây người ta sống gần gũi, cởi mở. Cho đến cái tên của nhau ai nấy cũng tha hồ bôi bác lên đấy tùy thích, cái tên riêng của cá nhân không còn thuộc về cá nhân mà là kết quả những ý kiến tập thể. Sự can thiệp ngang nhiên, không e dè nể nang gì cả. Thoạt đầu, có người bất bình chút ít, rồi đâu lại vào đó.
Chị Bốn nham nhở đến nỗi mang tên là Bốn Chìa Vôi, lại còn bị rủa là thiên lôi đập ba búa không chết. Không sợ loài bò sát, đó chỉ là tính tiêu biểu, thật ra chị còn lắm điều ngổ ngáo khác. Chẳng hạn nói tục. Các nhà nghiên cứu chuyện tiếu lâm đồng ý rằng đề tài trào lộng chính của dân quê ngày xưa là cái tục. Có những vị còn đi xa hơn, cho rằng như thế không phải vì dân lao động nghèo khổ ham thích cái tục hơn hạng nho sĩ trí thức; họ nói tục chính vì óc tranh đấu bài phong tức là vì một lý tưởng cao đẹp. Hạng giàu có nho sĩ sống trong lễ giáo giả dối, tránh chuyện tục tĩu; kẻ vô sản đầy tinh thần cách mạng bèn xổ tục ra, có ý tỏ sự chống đối, khinh khi, khiêu khích, có ý muốn quăng những cái tục ấy vào mặt bọn giàu sang trí thức.
Tôi không có dịp trông thấy chị Bốn Chìa Vôi quăng cái tục vào từng lớp thống trị. Chỉ thấy chị thường nói trong lúc chuyện trò, làm lụng. Giữa đồng nước lênh láng tiết tháng mười, chị vừa cấy mạ vừa kể chuyện. Xung quanh chị, đàn bà con gái thỉnh thoảng nhao nhao, kêu oai oái, kêu lóe chóe, kêu ầm lên, như không chịu nổi. Thế nhưng họ chịu được tất. Hơn nữa, ai nấy đều hau háu đối với chuyện của chị Bốn Chìa Vôi. Họ tranh nhau nghe, họ kêu, rồi họ cười ngắc nghẻo, họ oằn người, gập người lại mà cười.
Nhìn cảnh tượng những người lao động nói cười ầm ĩ như thế giữa công việc, giữa trời nước bao la, dễ có cảm tưởng họ sung sướng vui vẻ, họ đang dự vào một sinh hoạt lành mạnh, làm sảng khoái tinh thần. Thú thực, chưa có lần nào trước cảnh ấy tôi có ý nghĩ chị Bốn Chìa Vôi đang đầu độc trí óc bạn bè. Có lẽ những câu chuyện tiếu lâm đã thành hình trong dân gian theo kiểu ấy. Có điều các khảo cứu không hay chú ý tới nỗi khổ tâm, hy sinh, của người sáng tác. Tôi được biết có lần chị Bốn Chìa Vôi bị chồng đánh một trận tơi bời, vì trong lúc cao hứng, hăng say, chị đã mang cả chuyện riêng trong buồng the ra làm trò cười.
Xưa, tôi cũng lây cái thành kiến của người làng mà coi nhẹ chị Bốn, mặc dù đối với tôi chị Bốn Chìa Vôi bao giờ cũng tốt. Ngày nay, tưởng nhớ đến chị trong niềm hối hận chân thành, tôi chỉ muốn đem tất cả sự hiểu biết lõm bõm của mình mà tìm ra một ý nghĩa cách mạng trong thái độ của chị. Bèn nghĩ rằng cái tục là cái cấm kỵ (tabou) trong cuộc sống xã hội loài người với nhau, bò sát là một cấm kỵ khác; thiên hạ tránh né những cấm kỵ ấy, chị Bốn ngang nhiên bất chấp, ấy không phải là chống đối, phản kháng, là hành vi “nổi loạn” sao? Những kẻ văn nhược nho nhã chúa sợ rắn, sợ thạch sùng, sợ các tiếng tục tĩu, những kẻ ấy đớn hèn đã đành. Còn trong hạng lao động khả kính, đầu làng cuối xóm thiếu chi người, tại sao ý thức nổi loạn lại cứ nhất định nhóm lên từ đầu óc một người nghèo rớt mùng tơi, nhà dột cột xiêu, từ một chị đàn bà lôi thôi lếch thếch, vú bõ lòng thòng? Đó chẳng phải là điểm vinh dự riêng cho chị Bốn sao?

Cái tốt đặc biệt của chị Bốn tôi không quên được là chị thường cho chim. Chị là người đàn bà độc nhất trong vùng có thể bắt được chim. Bởi vì chim chóc không phải như con cua, con ốc, con chí, con rận. Phải lanh lẹ, phải giỏi leo trèo mới bắt được chim. Đàn bà không sở trường về cái ấy.
Lần đầu tiên chị Bốn cho chim, chị cho tôi một lượt hai con se sẻ. Tôi quýnh lên. Tôi nằn nì hỏi chị làm thế nào bắt được. Chị cười tít mắt, bảo đang đi giữa đường, tự dưng thấy hai con sẻ đuổi nhau bay tới, sà xuống đất, vùi nhau cắn lộn, chị đưa tay ra chộp như chơi. Tôi ngẩn ngơ ganh tiếc: Một cơ hội như thế tại sao lại không xảy đến cho tôi? Nắm chim trong tay đã đành là thích thú, nhưng so với cái lúc chộp được một lúc hai con chim đang cắn lộn thì thú ấy chẳng thấm vào đâu. Vậy mà cái dịp may dị thường chẳng thuộc về tôi đang lồng lên ao ước, lại thuộc về chị Bốn là kẻ dửng dưng không biết gì khoái thích!
Lần khác, chị cho tôi bốn con sáo ngà vừa bể bộng xểnh. Tôi lại tra vặn làm sao bắt được. Chị cuời rũ rượi kể rằng đang làm cỏ chợt thấy con sáo mẹ tha mồi về một bộng cây mù u bên bờ ruộng và sáo con trong bộng thò đầu ra, chị chạy đến bắt trọn, thế thôi. Tôi dẫy nẩy lên, bắt chị phải cam đoan lần sau thì chị không được vội vàng như thế nữa: cứ để yên và chạy về mách tôi.
Nhưng lần sau và những lần sau nữa cũng không phải là cơ hội để tôi tự tay tóm được con chim tự do. Mỗi lần chị Bốn được chim vào một trường hợp khác nhau. Hoặc một con sáo ham ăn giun xán tới những luống cày vỡ, bị người ta dùng roi cày quất chết tức, chị Bốn xin con sáo chết, đem bỏ ở chỗ đất ướt một lát, nó sống lại. Hoặc một con cò bị kẹt giữa lùm tre dày sau một đêm mưa gió. Hoặc một con cò khác bị mắc vào bẩy giò mà chị Bốn tình cờ bắt gặp trước khi người đánh bẩy trông thấy.
Tôi kết luận rằng chị Bốn Chìa Vôi quả không có tài nghệ gì. Chị chỉ có sự may mắn. Giá tôi mà gặp con cò mắc kẹt trong bụi tre thì tôi cũng lôi ra được như chị, lại giá có người dùng roi quất lăn kềnh một con sáo bên chân thì nhất định tôi cũng nhặt lên được. Tôi quả quyết như thế. Và từ ganh, tôi ức với chị Bốn Chìa Vôi. Tại sao lần nào cũng vẫn lại chị có mặt ở những chỗ ấy mà không phải là tôi?
Tôi còn nhỏ, chưa biết phục thiện. Thực ra, không phải không có lý do mà chị Bốn Chìa Vôi gặp chim. Xem hình dáng chị thì biết. Áo của chị kết năm hột nút thì đã rụng mất ba; hở cả bụng cả ngực. Đầu chị rối bời, tóc thì hoe vàng, đuôi tóc xơ xác. Suốt ngày từ sáng tinh sương cho đến tối mịt, lúc nào chị cũng tất tả ngược xuôi, dầm mưa giãi nắng. Chị kiếm củi, mò cua, bắt ốc, lúc ở bờ ao mép suối, lúc ở ven rừng ven đồi... Tình hình trong vùng có gì đáng chú ý chị chú ý tới trước tiên, có gì đáng trông thấy chị trông thấy trước tiên. Năm Cán Vá hò hẹn với bà thím dâu ở suối chăng? Đám mì của ông Tư bị kẻ chăn bò đào trộm củ đem lên gò nướng chăng? Tre năm nay trỗ bông nhiều? Chuột đồng gặp gió tây vừa chết lác đác ở các cửa hang? Cây trâm sau đình làng trái sắp chín tới? Không có gì chị Bốn Chìa Vôi không biết. Như thế, không những chị thường gặp chim chóc, chị còn bắt gặp gà rừng đang ấp và hốt trọn cả ổ trứng, chị gặp rắn đực rắn cái quấn nhau để về xóm thuật lại cho mọi người nghe, chị gặp dơi ngủ trong đọt chuối, gặp chồn cắn nhau v.v...
Ngày xưa, tôi không rõ lý do khiến chị Bốn gặp chim, nhưng tôi yên trí là biết rõ lý do khiến chị cho chim. Vì sao chị chọn tôi, mà không chọn đứa trẻ nào khác? Thật minh bạch: vì tôi dễ thương nhất chứ còn gì nữa.
Sau này, dần dần tôi tưởng hiểu được chị Bốn Chìa Vôi hơn. Sự việc không giản dị đến thế.
Chị Bốn vẫn xưng với mọi người là bà con họ hàng với chúng tôi. Trong khi ấy gia đình chúng tôi không phi bác cũng không xác nhận. Sự thực chị Bốn cùng mang họ Đặng. Nhưng ngôi thứ của chị trong thân tộc như thế nào không rõ, gặp chị chúng tôi cứ tùy tuổi tác mà xưng hô: kẻ gọi chị, gọi cô, người kêu mày, kêu con v.v... Ngày giỗ, ngày Tết, chị đến nhà chúng tôi, lăng xăng giúp đỡ.
Bình nhật, mỗi lần chị tới nhà là gặp việc gì làm việc ấy luôn tay. Trông thấy bà tôi ngồi buồn, chị đề nghị xổ tóc bắt chí. Trong khi tìm chí, chị vui miệng hẹn hôm sau sẽ đem đến cho nắm bồ kết. Đưa tới một nắm bồ kết, một mớ rau đắng, chị mang về chén mắm, trái cà, trái dưa muối v.v...
Đối với các cô tôi, chị cũng không đáng ghét. Mỗi lúc nhìn trước ngó sau quanh quất không thấy bóng bà tôi, chị Bốn liền kể một chuyện tục. Các cô tôi phản đối, đấm thùm thụp lên lưng chị. Nhưng khi bà nghe tiếng, hiện đến hỏi, thì ai nấy đều toa rập chối đây đẩy, vừa bảo là không có gì vừa cười rúc rích với nhau.
Hễ cứ lâu ngày không thấy chị Bốn Chìa Vôi đến, tôi lên tiếng hỏi. Bà tôi kêu: “Cái thằng! Không thấy nhắc đến sách vở bao giờ. Lại đi nhắc con ấy.” Các cô tôi cười. Tuy nhiên, tôi thấy rõ không có sự phản kháng nào rõ rệt.
Một năm trời làm đói. Tháng mười mất mùa, tháng ba lại mất mùa nữa. Cả làng thiếu ăn, trẻ con ốm tong teo. Bấy giờ, ngày nào chị Bốn cũng lảng vảng đến nhà tôi một lần. Về sau, cùng đường xoay trở, chị đến ở hẳn với chúng tôi. Rồi chị đem theo thằng con nhỏ nhất. Sau rốt, mang luôn đến con chị kề của đứa bé. Chị bảo với mọi người: có bà có con nhất định phải nhờ bà nhờ con một phen. Ngầm ý nói dù có bị đuổi cũng không chịu đi.
Mùa tháng mười năm sau, bắt đầu gặt hái được là chị đem con về, tất tả kiếm ăn, không kéo dài cảnh nhờ vả thêm một ngày.

Ngày nay các cô tôi thường nhắc lại vụ đói năm ấy để oán trách chị Bốn Chìa Vôi. Phải, có nhiều người trong chúng tôi oán trách chị.
Số là từ khi làng mất an ninh, dân làng kéo ra quận ra tỉnh lánh nạn một số lớn. Gia đình tôi về tỉnh lỵ; chị Bốn thì không thể tưởng tượng có thể sinh sống ở chỗ thành phố, nên chị ở lại làng. Trong khi ra đi lén lút vội vàng, chúng tôi không đem theo cả gia sản mà cũng không thể bán được cho ai. Những thứ gì còn lại, chị Bốn hứa sẽ trông nom giúp. Thế rồi, ít lâu có người bỏ làng ra tỉnh kể rằng hai con bò của chúng tôi bị “Giải phóng” tịch thu chia cho đồng bào, mà một con thuộc về phần chị Bốn. Sau đó, lại có người khác kể rằng ruộng đất của chúng tôi “Giải phóng” cũng chia cho đồng bào canh tác, riêng phần chị Bốn hưởng được hai đám. Dĩ nhiên chị Bốn là đồng bào, nhưng tại sao cái gì của chúng tôi chị cũng thụ hưởng được nhiều hơn mọi người. Có điều ám muội gì trong đó? Lần khác, có tin chị Bốn bán dừa của chúng tôi. Lại lần khác nữa, chị đem cỗ thọ đường bằng ván mít của bà tôi hiến cho bộ đội “Giải phóng”. Bà tôi kêu trời. Các cô tôi mỗi người góp một chi tiết, nhắc lại những sự giúp đỡ của chúng tôi đối với chị Bốn trước kia, và trách mắng thậm tệ “quân ăn cháo đái bát”.
Chúng tôi với chị Bốn thành ra người của hai thế giới. Không ai biện bạch với ai được lời nào. Không có đối thoại. Sự thực, chị Bốn Chìa Vôi đã nghĩ ngợi ra sao, đã hành động với dụng ý gì, chúng tôi không rõ. Chỉ nghe lời người khác thuật lại, nay một việc mai một việc, chắc chắn là vừa thuật vừa thêm mắm thêm muối cho đậm đà câu chuyện, thế rồi chúng tôi kết tội chị Bốn bội bạc, vong ân, chúng tôi lồng lên phẫn uất.
Trong tâm trạng ấy, chúng tôi kiểm điểm lại tính nết của chị, và toàn thấy những nét trí trá, tinh quái. Cái người con gái biết mua chuộc kẻ này bằng con chim, kẻ kia bằng câu chuyện tục kể lén v.v..., người ấy thực đã quỉ quyệt, thao túng chúng tôi không chừa một ai. Càng nghĩ các cô tôi càng tức giận, vì đã thua cái tinh khôn của một kẻ tuổi tác chỉ đáng đàn em, lại không có học hành gì.
Cứ thế cho đến hôm tôi trông thấy người ta khiêng chị Bốn Chìa Vôi vào bệnh viện, người rách bươm tơi tả.

Sau khi chúng tôi bỏ làng đi độ ba tháng thì làng cũng không thuộc về chính phủ nữa. Thôn trưởng bị bắt lên núi. Rồi quận cũng tìm ra người khác để đặt làm thôn trưởng, nhưng từ khi nhậm chức, chú Tư Huệ Héo — tức em ruột anh Ba Càng Cua — liền bỏ nhà xuống quận lưu vong. Ở làng, phe “Giải phóng” lập ban tự quản.
Như thế, cả hai phía cùng nhau cai trị dân làng. Một phía thuộc về chú Tư Huệ Héo, một phía thuộc về chú Ba Thiên, tức cháu gọi Hai Mỏ Gảy bằng cậu.
Ba Thiên tịch thu ruộng và bò của chú Tư. Một ngày tháng bảy, vào canh tư, trời còn tối, một trung đội nghĩa quân từ dưới quận kéo lên vây xóm. Bố trí chưa xong thì một phát súng nổ quá sớm làm cho bọn cộng sản nhào ra chạy. Có hai tên trúng đạn, một bị gãy chân, một bể ngực chết. Tuy vậy cả hai đều thuộc hạng không quan trọng, còn Ba Thiên đã kịp trốn thoát.
Mờ sáng, nghĩa quân vào làng, người ta thấy Tư Huệ Héo đi theo, tập trung dân chúng, điểm mặt từng người, phổ biến chính sách. Xong rồi, chú Tư tới nhà Ba Thiên lùa tất cả bò mình lẫn bò Ba Thiên về quận. Đến lượt chú Ba bị tịch thu trở lại: Lùa bò, gánh lúa, còn nhà thì đốt bỏ.
Sau vụ ấy, Ba Thiên bắn tin xuống quận cho Tư Huệ Héo hay là có ngày “Giải phóng” sẽ tới tận quận hỏi tội y. Còn Tư Huệ Héo thì lén lút phàn nàn với một vài người thân tín rằng hôm đó có một anh nghĩa quân non gan, ngại đụng độ lớn, nên giả vờ lỡ tay làm nổ phát súng để đuổi địch chạy thoát, nếu không Ba Thiên đã bị bắt rồi. “Nhưng giữa nó với tôi còn có ngày gặp nhau mà. Nó đừng nóng nảy vô lối: rồi trước sau tôi cũng chẻ ba thẻ tre đem manh chiếu rách rước nó xuống quận một lần cho bà con coi chơi”.
Tin nhắn đi nhắn lại qua trung gian những người đàn bà đi chợ quận. Cũng qua thứ trung gian ấy, chú Tư đòi bẻ cổ hết những ai cày ruộng của chú do bên kia cấp phát. Ba Thiên họp đồng bào, đánh tan hoang mang, bảo đảm rằng chính sách sẽ được thi hành tới cùng.
Chị Bốn Chìa Vôi có được chia ruộng của chú Tư. Mặc dù có sự bảo đảm, nhân một hôm đi chợ, chị vẫn lẻn gặp chú Tư để điều đình xin coi như chị cày thuê với một giá tương đối rẻ. Sự việc tiến hành trong vòng bí mật. Tiền thuê ruộng sẽ giao tới tay chú Tư làm ba lần. Tư Huệ Héo lấy làm hài lòng; trong lúc cao hứng còn khoe rằng hôm đưa nghĩa quân lên vây xóm chú đã nắm vững tình hình, biết rõ con đường hầm rút lui của từng tên trong bọn Ba Thiên. “Chậm năm phút nữa thì nó chạy đằng trời”. Chú Tư nhếch miệng cười. Chú có đặc điểm là dẫu cười, cái cười cũng khổ sở, méo xệu. Vì vậy mà tên Huệ được đổi ra Huệ Héo.
Hai hôm sau, con Sáu Ty bỗng dưng chận chị Bốn Chìa Vôi lại, hỏi ấm ớ:
— Mợ đi thương lượng với nó rồi hả?
Chị Bốn khựng người lại:
— Mầy nói cái gì vậy Sáu? Tao không hiểu.
Sáu Ty cười khẽ:
— Mợ khó hiểu thì có.
Rồi giọng nó đay nghiến:
— Của nhân dân chia cho, mợ không cày thì trả lại, người khác cày. Tại sao mợ lại đi phục hồi chủ quyền cho nó?
Chị Bốn vẫn chống chế, mà van lơn:
— Sáu! Mày nghi ngờ gì mợ đấy? Có gì mày cứ nói toạc ra, rồi khuyên bảo cậu mợ. Mày hiểu chính sách, chớ cậu mợ đâu có hiểu, Sáu!
— Mợ đã tìm thằng Tư Huệ Héo điều đình riêng.
Chị Bốn giãy nảy lên lên thề thốt:
— Ai nói với mày vậy? Nó vu cáo mợ, mày không cãi cho mợ mày được một câu sao Sáu. Tao thề có Trời có Phật...
Con Sáu Ty ngoay ngoảy bỏ đi:
— Nay mai rồi mợ sẽ cãi lấy.
Chị Bốn tuyệt vọng, gọi vói theo:
— Sáu. Ngày mốt giỗ bác Hai, mày nhớ đó chớ, đừng để cậu mợ mời lần nữa nhé.
Sáu Ty là cháu của chị Bốn Chìa Vôi. Mẹ nó chết sớm. Ngày nó còn bé, chị Bốn thỉnh thoảng tới nhà, lôi nó ra tắm rửa, kỳ cọ, giặt giũ quần áo cho nó. Bây giờ Sáu Ty làm cán bộ, trở lại khắt khe với chị. Ở cái tuổi của chị, lớn lên trong hoàn cảnh của chị, chị không tự cắt nghĩa nổi sự hằn học của con Sáu Ty. Chị không tranh giành quyền lợi của cải của nó, tại sao nó có thể ghét chị đến thế? Lý do chính trị là cái gì, chị không hiểu.
Những lần bị Sáu Ty chèn ép, làm khó làm dễ thái quá, chị đi phân trần với người này người kia: Mới ngày nào chị vừa kỳ ghét trong nách trong háng của nó vừa la mắng nó, cốc lên đầu nó, chị coi nó như con như cái. Một đứa con nít như thế! Chị than trời trách đất.
Chị gặp Sáu Ty hôm trước, thì hôm sau ban tự quản thôn gọi chị tới cho biết là phần ruộng tịch thu của Tư Huệ Héo chia cho chị bị rút lại cấp cho ông Tam Khoang.
Sự đen đủi này tiếp theo sự đen đủi khác. Thằng con trai của chị mới mười bảy tuổi tự dưng nhảy đại vô “lực lượng”. Ở địa phương chị, người ta vẫn gọi tắt như thế cái lực lượng võ trang của mặt trận Giải phóng. “Vô lực lượng thì có súng để mang. Vô lực lượng, ta đòi làm thịt đứa này, đòi hạ đứa nọ, nửa đêm bất thần về làng, thiên hạ cuống cả lên; không vô lực lượng thì cũng phải đi lính quốc gia, mà lính quốc gia ở ngoài sáng, lực lượng ở trong tối dễ bắn ra v.v...” Không biết ai đã dụ dỗ, rủ rê nó mà thằng nhỏ bỏ nhà theo lực lượng. Chị Bốn Chìa Vôi hết nghi người này lại ngờ kẻ khác; chị oán chị trách.
Ba Càng Cua có hai đứa con trai, một đứa vô nghĩa quân, đóng tại quận, một đứa học trung học, đi Quang Trung, gắn lon trung sĩ. Ba Càng Cua vẫn ở lại làng. Nhưng sau khi thằng con chị Bốn Chìa Vôi vô lực lượng ít lâu, bỗng một hôm, vào mùa gieo, trời chưa sáng, đường còn lờ mờ ánh trăng, Ba Càng Cua đánh bò gồng gánh ra đồng. Người ta yên chí là đi gieo. Cứ thế, qua khỏi các chỗ canh gác, gia đình Ba Càng Cua đi thẳng xuống quận lánh cư. Đến trưa, ập vào xét nhà Ba Càng Cua thấy thứ gì thứ nấy đã dọn sạch. Thì ra trong cái gánh mà người ta tưởng là gánh lúa giống để gieo ấy anh ta trói nhốt năm con gà, với mắm muối, thuốc, lư đồng v.v...
Xuống quận được dăm ba hôm, Ba Càng Cua bắt đầu phát biểu cảm tưởng lai rai. “Con Sáu Ty ngày nào nó cũng lọt vào nhà người ta vài bận. Nhà có bao lúa nào nó dòm lủng bao, có niêu cơm nó dòm lủng niêu. Con đó còn sống ngày nào, xóm làng còn điêu đứng ngày ấy. Con Bốn Chìa Vôi, con mẹ trời đánh sinh ra thằng con trai nghịch hết nói được. Nó mà nhảy núi chuyến này, nguy hiểm lắm. Tôi cho thằng đó nguy hiểm nhất.” Bấy giờ người ta mới nhớ ra trước kia giữa nó với thằng con trai của Ba Càng Cua có nhiều chuyện hiềm khích rắc rối.
Chẳng bao lâu sau đó, cậu nghĩa quân này bị phục kích, trúng đạn hỏng mất con mắt bên trái, gò má lủng lốm đốm.
Mấy lần chị Bốn Chìa Vôi đi chợ quận bị mụ vợ Ba Càng Cua đón đường, may mà đón hụt. Anh Ba Càng Cua lồng lên như gà mắc đẻ. Anh quả quyết đến lúc phải tảo thanh gấp cái làng ấy, nếu không cả quận này không yên. Anh chủ trương mở hành quân cấp tốc về làng. Ý kiến ấy, anh tìm Tư Huệ Héo để trình bày, rồi gặp người nào — nhất là lính — anh cũng nói. Anh hy vọng ý kiến tới tai ông quận. Nhưng anh nói mãi, ý kiến chẳng đi tới đâu. Bỗng một hôm, một chiếc máy bay lướt nhanh qua làng, có kẻ nào đó dùng súng trường “bia” một phát. Chiếc oanh tạc cơ quành lại, bắn, bỏ bom loạn xạ. Mười ngôi nhà cháy, hai người chết. Trong hai kẻ xấu số, một là chồng chị Bốn Chìa Vôi, bị cắt đúng nửa thân người. Đêm ấy chôn cất xong xuôi, mờ sáng hôm sau, cả làng đón một cuộc hành quân. Lần này Ba Thiên cũng lại suýt bị tóm, nhưng vẫn chưa bị tóm. Đạn đuổi sau lưng y. Cán bộ thôn hao hết thêm ba mạng. Ban tự quản gần tan rã. Thế nhưng Sáu Ty thì thoát, và Ba Thiên cũng chỉ suýt bị bắt.
Rồi Hai Mỏ Gảy lánh cư. Rồi Năm Cán Vá cũng bỏ làng ra đi. Nhưng chị Bốn Chìa Vôi thì ở lại, để thỉnh thoảng còn hy vọng gặp thằng con trong lực lượng. Chị cần dỗ dành để nó rời bỏ lực lượng, ít ra nó đừng có “bia” vu vơ vào một chiếc phi cơ bay lẻ, vào một anh địa phương quân lơ thơ về thăm vợ v.v..., đừng có gây rắc rối làm cho cả làng bị tai họa lây. Chị Bốn Chìa Vôi ở lại làng, chịu khổ chịu sở mà ở lại. Nhưng mãi không gặp được đứa con. Chị ở lại chỉ để có dịp chôn xác con Sáu Ty.
Sau đó, một đại đội quân quốc gia về đóng tại làng. Ba Thiên bỏ nhà nhảy núi. Cậu em vợ của chú Ba cũng nhảy theo. Trước khi đi, nó năn nỉ rủ đứa con gái đầu lòng của chị Bốn Chìa Vôi. Đứa con gái khóc tỉ tê. Chị Bốn biết được, chị quát mắng; cậu kia van nài, xin cho nó cưới. Cứ cho nó cưới, rồi thì vợ nó ở lại làng cũng được. Chị Bốn không cho.
Anh em Ba Thiên đi rồi, bốn tháng sau đứa con gái chị Bốn phải lòng một anh hạ sĩ quốc gia. Chờ mãn tang anh Bốn, chị cho cưới. Đám tiệc gần tàn, lúc ấy vào khoảng tám giờ rưỡi tối. Có người đứng ngoài rào nói vọng vào nhà: “Khách khứa hai họ còn cả trong ấy chứ? Xin có quà mừng nhá.” Tiếp theo, một trái lựu đạn rơi xuống, nổ ngay trên thềm nhà, bốc văng mái trước, phá nát hết cửa lớn cửa nhỏ. Đứa con gái thoát nạn, không bị thương tích gì. Nhưng anh hạ sĩ chết ngay tại chỗ, còn chị Bốn Chìa Vôi thì đứt đi nửa ống chân, khắp người lỗ chỗ đều có mảnh lựu đạn ghim.

Mở mắt, bắt gặp tôi tình cờ lảng vảng trong bệnh viện tỉnh lỵ, chị Bốn Chìa Vôi mừng rỡ, kêu lên: “May ơi là may! lại gặp bà con. Ông Trời có con mắt, không nỡ hại người hiền lương lòng ngay dạ thẳng.”
Chị nức nở. Chị cảm động. Chị đội ơn Trời Phật đã xui khiến người ta đưa chị đi bệnh viện kịp thời, xui khiến chị gặp lại tôi. “Thế nầy là tui không bơ vơ, tui có chỗ nương tựa rồi. Tui sống rồi. Nó hại tui, nhưng Trời Phật thương tui, bà con thương tui v.v...”
Tôi thuật lại câu chuyện, cả nhà không biết nói sao. Chỉ có chút thắc mắc là chị Bốn nỡ đem cỗ thọ đường của bà tôi bán đi. Chỗ thắc mắc ấy, tới khi các vết thương gần lành, hàng ngày ra vào gặp nhau trò chuyện, rồi chị Bốn cũng dò hiểu tâm lý chúng tôi. Và chị chắp hai tay trước ngực van vái: “Xin Trời Phật chứng giám, tui có lòng nào, xin cho bom đạn phân thây tui ra.” Xong chị buông tay xuống trợn tròn mắt, kể đầu đuôi tự sự: Đêm nọ, vào quá một giờ sáng, cán bộ gọi cửa, đồng bào thức giấc trông thấy “giải phóng” kéo về thật đông. Nhà nào có thọ đường của ông già bà cả đều bị trưng thu trưng dụng. Quyết định xong, thi hành liền. Bao nhiêu cỗ thọ đường trong làng bị họ khênh ra hết. Khênh ra ngoài bóng tối, lao xao một lát, rồi biến đi đâu mất. Như thế tức là vừa có đụng độ gần đâu đây, bên lực lượng bị thiệt hại nặng về nhân mạng. Sáng ra ban tự quản cấp cho mỗi thọ đường có chủ thứ tốt năm trăm, thứ xấu ba trăm. Chị Bốn ChìaVôi nêu lên vấn đề cỗ thọ đường của bà tôi. Sáu Ty hỏi: “Ai là chủ đây?” Chị đáp: “Có tui. Tui nhận thay.” Sáu Ty: “Ủa, lại mợ.” Thế rồi nó bác bỏ, nhất định nó bác bỏ, không cho chị nhận xu nào. Chị Bốn lại chắp hai tay trước ngực: “Có Trời Phật chứng giám, con đòi chúng nó năm trăm đồng có phải để con tiêu đâu. Định tâm giữ đó rồi nộp lại bà. Bà đã gởi gắm thứ nọ thứ kia cho con, con không giữ nổi để chúng nó lấy cả đi mà không bồi thường đồng nào, con còn mặt mũi nào gặp lại bà.” Chị đau đớn, gần khóc. Ruộng của chúng tôi, bò của chúng tôi, chị đòi cày, ấy cũng là để giữ lấy nộp lại bà. Không thì mặt mũi nào.
Nhưng con sáu Ty, khiếp, nó nghiệt ngã không tưởng tượng được. Nó xoi mói, vạch kẽ từng ly từng tí. Mỗi lần chị đi nộp lúa đảm phụ, nó chê lúa lép, đem ra giê lại; lúc đưa vào cân, thiếu mấy trăm gam nó cũng đuổi về không nhận. “Con hết lời với nó: ‘Sáu, mày nghĩ lại, hồi nào mợ hốt cứt hốt đái cho mày, mợ rửa háng rửa khu cho mày. Mày nhận cho mợ đi, thiếu bao nhiêu rồi mợ sẽ đem thêm tới nộp đủ.’ Nhưng mặt nó cứ như sắt nguội. Thưa bà, lòng dạ nó không như lòng dạ mình đâu. Mình thì dễ xiêu, chứ nó...” Nó, con Sáu Ty, nó là thứ người kỳ lạ lắm kia. Chị Bốn Chìa Vôi chồm tới, níu vai cô tôi, kéo lại thì thầm một lát. Cô tôi xô chị ra: “Mụ nói cái quỉ gì đấy? Có thật không?” — “Trời Phật chứng giám, nó không còn ở đời nữa, tui đặt điều thêm thắt cho nó làm gì. Vừa với thằng Ba Thiên vừa với thằng Bướm. Ít nhất hai thằng...” Chị níu vai cô tôi, thì thầm vào tai. Một lát, cô tôi xô chị ra, đỏ mặt: “Mụ nói yêu nói quỉ”. Chị Bốn nhiệt liệt: “Có Trời Phật... Con mà nói dối! Rõ ràng khi con trông thấy thì đũng quần nó hãy còn ướt nhẹp...” Chị vội vàng đưa hai bàn tay bụm miệng lại. Nhưng chậm quá, mọi người vừa kêu la phản đối vừa sặc lên cười. Thấy thế, chị tự cho phép bỏ bàn tay che miệng ra, và tiếp tục kể. Hôm con Sáu Ty bị phục kích bắn ngã, đồng bào ai nấy đều bảo nhau như thế là phải, không tránh khỏi: nó mang nợ với đồng bào nhiều quá, nó phải trả. Nghĩa quân dưới quận nhắn về làng bảo: “Thân nhân con Sáu Ty, ai chôn cất thì hãy cột chân mà lôi, đừng nâng đầu.” Vừa lôi xác nó nhúc nhích một cái là quả lựu đạn cài sẵn dưới đầu phát nổ ngay. “Con nghe tin. Con vội vàng tay xách một ấm nước đầy tay mang theo chiếc chõng tre. Con chạy thẳng ra gò định khiêng nó lên chõng, rửa ráy sạch sẽ, mặc lại đồ đạc tử tế cho nó trước khi đặt nó vào áo quan. Thưa con đã kỳ cọ khắp người nó trước kia, bao giờ con cũng coi nó như còn nhỏ. Con thương nó. Nhưng trời ơi, lúc tới nơi lật manh chiếu ra trông thấy cái xác không đầu, con không còn hồn vía nào nữa. Con quăng cái ấm đổ nước tung tóe, nhảy ngược lại, con khiếp quá, không dám hé mắt nhìn nữa. Thưa có Trời Phật chứng giám... con thương nó lắm kia. Mình ăn ở lòng ngay dạ thẳng v.v...”
Vừa bắt đầu chống nạn đi lại được, chị Bốn Chìa Vôi đã hoạt động. Chị nấu giúp ấm nước cho người này, mua giùm lon sữa, trái chuối cho người khác v.v... Chị được các bệnh nhân khác cho tiền tiêu. Chúng tôi có cảm tưởng một mai lành bệnh hẳn, chị có thể xin một chân giúp việc nhẹ trong bệnh viện có lẽ cũng không khó. Như thế chị sống ở thành phố, xa lánh chỗ nguy hiểm. Bây giờ chị tàn tật rồi, không làm được việc nặng, về quê làm gì sinh sống nổi?
Trong lúc ấy, một vài người ở làng trốn ra bảo với chúng tôi: “Nghe nói đứa con trai của mụ Bốn ném lựu đạn vào nhà giết chị đấy. Chị nó lấy lính quốc gia là lấy kẻ định giết nó. Nó phá đám cưới. Còn con Sáu Ty? Thì chính là mụ Bốn dẫn đường chỉ lối cho nghĩa quân phục kích chứ còn ai vào đấy?”
Chị Bốn không phải không nghe phong thanh những lời như thế. Chị khinh thị: “Quân ấy chỉ được cái đểu giả. Thời buổi này nhà nào ở thôn quê không thế: con bên này cha bên kia, anh bên này em bên kia. Hễ cứ em bị bắn chết là tụi nó đồn anh hại, cha bị mìn là con hại. Nó chia rẽ. Nhưng nó qua mặt con này sao được? Rõ ràng tiếng nói ngoài rào tối hôm đó là tiếng thằng Bướm, con này lạ gì”. Chị cười gằn khó hiểu.
Thế rồi ít lâu, không gặp chị Bốn nữa. Hỏi lại thì ra chị đã rời tỉnh lỵ. Chị đã về làng.

Ở thành phố, nhà chúng tôi cũng được trang điểm một cách rất nhàm như hầu hết những nhà khác: Mặt tiền không còn được mấy tí đất, vài chậu hoa nép sát hè, dưới bóng một cây bông giấy đỏ. Thường, trong mười nhà trồng hoa phía trước, ở đô thị, đã có chín nhà trồng bông giấy. Giống cây mạnh lạ lùng, không cần chăm nom gì mà nhiều lá nhiều hoa. Càng khô nắng lại càng nhiều hoa.
Một buổi sáng, nhân theo dõi một nụ lan huệ tôi để ý đến một vệt trắng trên lá lan. Xem đi xem lại, tôi bỗng phập phồng phấn khởi: phân chim.
Tôi không còn bé nhỏ nữa, ồ không, tuổi nhỏ của tôi đã cách biệt xa tít, đã bị cuộc chiến tranh, nói đúng hơn là hai cuộc chiến tranh, che khuất từ lâu. Thật bất ngờ, tôi không tưởng tượng rằng hi vọng bắt được một con chim có thể gây nơi lòng mình một xúc động vui mừng như thế. Y như ngày nào còn bé thơ. Thế mới biết mối cảm tình giữa người và chim thực sâu xa vô hạn.
Ở thành phố, từ lâu chúng tôi không được gần gũi chim chóc. Tưởng đã quên chúng, nhưng kỳ thực đâu đó trong lòng vẫn tiềm tàng một khao khát nhớ nhung. Bỗng nhiên gặp một giọt phân chim, niềm vui bừng dậy. Thế ra đêm đêm vẫn có chim ngủ sát ngoài hiên nhà? Ở đâu? Trên một nhánh bông giấy nào đó chăng?
Buổi tối, tôi rình chờ, không thấy con chim nào về ngủ cả. Vài ba hôm sau, trên lá lan, lại có một hạt phân chim trăng trắng nữa. Tối đến, rón rén ra xem vẫn không thấy chim đâu. Thì ra mãi đến lớn, sống quá nửa đời người tôi vẫn không tìm được cơ hội tự mình bắt con chim tự do. Tôi chỉ có thể thưởng thức cái thú vuốt ve, ngắm nghía những con chim do chị Bốn Chìa Vôi cho. Tôi nghĩ đến chị Bốn.
Chị trở về làng làm gì? Chị đã mất một người chồng, một đứa con rể ở làng. Chị đã mất đi nửa ống chân và quá nửa ngôi nhà ở làng. Một đứa con gái dở dang và một đứa con trai thất lạc... Như vậy không đủ ê chề rồi sao? Chị còn trở về làng làm gì với thân hình thủng nhiều vết và với cặp nạng? Dĩ nhiên không phải vì mấy đám ruộng và mấy con bò của chúng tôi. Tôi lấy làm hổ thẹn và hối hận. Sao trước kia chúng tôi có thể bất bình với chị vì những thứ đó được nhỉ? Nó nhỏ mọn biết bao! Chúng tôi đã sợ hãi, đã bỏ chạy. Cái nơi mà chúng tôi lánh xa, chị Bốn nhất định lần về. Lần này, tôi tin thái độ của chị không do lòng tham lam. Để có thể thản nhiên trở về chỗ tử địa, chỗ sấm sét ấy, con người phải được hướng dẫn bởi một thứ tình cảm mãnh liệt. Không biết là thứ tình cảm gì, tốt hay xấu, nhưng nó phải thực mãnh liệt. Chỉ nghĩ đến mức độ mãnh liệt ấy đã cảm thấy mọi so đo tính toán đều nhỏ mọn, không xứng.
Chị Bốn Chìa Vôi về làng được ba tháng, có người nói chị bây giờ như con hổ thọt. Chị dữ tợn vô song. Thằng Bướm — em vợ của Ba Thiên — bị phục kích hai lần, đều do chị mách. Ba Thiên cho vợ về quận qui chánh. Thím Ba nhờ Hai Mỏ Gảy vận động với Tư Huệ Héo, tìm cách đưa chồng trở về. Nhưng chị Bốn Chìa Vôi thì cứ lồng lên: Nó mang nợ với đồng bào nhiều quá lắm. Nó phải trả. Hồi chánh thế nào được.
Chị Bốn đứng về phe nhất định đòi nợ. Họ rình rập, nghe ngóng, thề không để cho Ba Thiên lọt tới cơ quan hữu trách. Họ phải đón Ba Thiên giữa đường.
Lấy oán báo oán, oán oán chập chồng. Biết bao giờ gỡ xong. Nhưng họ say rồi, họ bị thu hút vào cơn lốc.
Một buổi sáng vô vị ở chỗ đô thị, nhìn giọt phân chim nhỏ trên lá tôi bồi hồi nghĩ đến chị Bốn Chìa Vôi. Cuộc đời của chị, ngày nay, bỗng nhuốm vẻ bi đát, khốc liệt, làm cho sự yêu ghét trách giận của những kẻ ở chỗ yên ổn như tôi đều không xứng đáng. Chị Bốn Chìa Vôi, người đàn bà thô tục, tuệch toạc ấy.

Cuối năm, chúng tôi càng chú ý nhiều hơn đến mấy chậu hoa trước hè. Do sự chăm sóc ấy, tôi có dịp làm gãy một nhánh lan.
Thứ lan huệ, hoa nó màu tím, cánh mỏng, trông rất mong manh. Nhất là hoa nở ở đầu chót một cọng tròn bằng que tăm mà dài ngót nửa thước tây, vì vậy càng có vẻ mong manh. Mỗi cơn gió thoảng làm chùm hoa gật gù gật gù, cánh hoa mấp máy rung rinh.
Tiếc nhánh hoa, tôi đem cắm nó vào một ly nước. Sáng hôm sau, vẫn còn tươi, tuy không nở thêm chiếc hoa nào. Đầu cành có hai hoa nở, một nụ lớn, hai nụ bé; và tình trạng vẫn nguyên như thế sau hăm bốn giờ.
Sáng ngày sau nữa, trông lên bàn, thấy nó vẫn còn đó, mong manh mà nguyên vẹn. Tôi ngạc nhiên. Nụ lớn bằng đầu ngón tay út, vẫn cứ no đầy, tuy không hé ra nổi. Suốt ngày hôm ấy, thỉnh thoảng tôi thăm chừng. Nó có vẻ cầm cự được đến chiều. Chiều, quả nhiên vẫn tươi.
Hôm sau, thức giấc, tôi ngước mắt tìm nó liền. Vẫn tươi. Sau bảy mươi hai giờ, chỉ được tiếp tế nước qua một nhánh nhỏ như que tăm, cả hoa cả nụ vẫn không hề hấn gì. Cánh hoa mỏng như tờ giấy, sức chịu đựng của nó bền bỉ lạ. Tôi càng tò mò.
Hôm sau nữa, cuống hoa bắt đầu nhăn rồi. Tuy vậy tất cả chưa sụm hẳn. Nó còn đương đầu nổi ít ra trọn ngày hôm ấy. Chín mươi sáu giờ? Mấy đóa hoa mong manh như thế, lìa khỏi thân cây, vẫn tiếp tục tươi tắn trong khoảng thời gian đủ cho quân đội Do Thái phát khởi và kết thúc một cuộc chiến tranh.
Chiến tranh có thể có những hình thức bạo liệt mà chớp nhoáng như vậy. Nghĩ đến cuộc chiến tranh ấy rồi nghĩ đến thứ chiến tranh trên đất nước mình! Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chìa Vôi chưa chồng cho tới ngày nay, đứa con trai của chị đến tuổi gia nhập “lực lượng”, vác súng “bia” lên trời đoành đoành. Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chìa Vôi rửa ráy kỳ cọ khắp người con Sáu Ty, cho đến ngày nay Sáu Ty trở thành cán bộ chấp hành chính sách một cách khắt khe, ngã gục, để không còn đầu cho chị Bốn rửa lần cuối.

Người ta vẫn trách nền văn hóa chúng ta thiếu những công trình đồ sộ: không có Vạn Lý Trường Thành, không có Đế Thiên Đế Thích, thậm chí cũng không có những kiến trúc bằng cỡ tháp Chàm. Hôm nay thì chúng ta có thể vênh mặt lên vặn hỏi: Thế cuộc chiến tranh phần tư thế kỷ của chúng tôi? Vĩ đại chớ?
Và chắc chắn không còn ai dám cãi. Đánh nhau vào hậu bán thế kỷ thứ hai mươi không phải là trò chơi. Hãy tính số bom rơi trên đất nước Việt rồi chia cho từng đầu người xem; hãy tính số phát đạn cỡ lớn cỡ nhỏ bắn ra trong một trận đánh tại Việt Nam xem; chúng ta có ngay những con số danh dự, khả dĩ so sánh với bất cứ thành tích của bất cứ cuộc chiến tranh quốc tế nào, từ Thái Bình dương qua Đại Tây dương.
Trong những trường hợp hùng biện long trọng, trên các diễn từ, tuyên ngôn v.v... ít khi các chính khách quên nhắc đến hơn hai mươi năm khói lửa, phần tư thế kỷ quằn quại v.v...; trong thơ phú văn chương, văn nhân nghệ sĩ cũng không ngớt nói đến phần tư thế kỷ quằn quại, hơn hai mươi năm khói lửa. Con số càng lớn, khả năng xúc động càng cao. “Phần tư thế kỷ... dân tộc đau thương...”, lắng kỹ mà nghe: trong câu văn, trong giọng nói của những kẻ đề cập đến cuộc chiến tranh vĩ đại in tuồng có ngầm phảng phất chút gì như sự kiêu hãnh! Không sao?
Đối với những người như chị Bốn Chìa Vôi, một phần tư thế kỷ trước, chỉ thấy ở chị mấy nét tinh ranh, tính chai lỳ, lối ăn nói tục tĩu. Đã hẳn không phải đó là những nết quí đáng mơ ước. Nhưng những gì nhận thấy ở chị một phần tư thế kỷ sau thực đáng ngại. Có phải đích là chị đã lập tâm hại con Sáu Ty? Tôi không dám tin hẳn lời đồn của nhiều người. Tuy vậy những khi chị Bốn Chìa Vôi thuật lại cái chết của Sáu Ty và kết thúc: “Con thương nó, con thương nó lắm kia”, trông nét mặt và nghe giọng nói của chị có cái gì rờn rợn. Chị có giết người hay không giết người, có “đòi nợ” hay không “đòi nợ”, những gì xảy ra ở chốn hỗn độn ấy đều vô bằng, khó minh xác; nhưng trong tâm hồn chị rành rành đã có một yếu tố mới. Nó làm cho lời ăn tiếng nói chị khác đi, hành vi phong thái của chị khác đi, khác trước một cách đáng sợ.
Mà chị biết làm sao được? Chị sống giữa hoàn cảnh như thế, trong hỏa ngục, trong giết chóc, xâu xé hàng ngày, chị phải tả xông hữu đột để tranh sống. Làm sao ngăn cản ảnh hưởng một hoàn cảnh ác liệt như thế khỏi thấm nhiễm vào tâm hồn chị? Ngày một ngày hai, chị biến cải. Cuộc chiến kéo dài lâu quá: Trong nguy biến chị phản ứng tàn nhẫn, rồi quen với những phản ứng ấy.
Mai sau, khói lửa với quằn quại chấm dứt, nhưng cái nét tàn nhẫn nọ rồi có sẽ lưu lại như một di tích trong tâm hồn chị và những người như chị, lưu lại như một thêm thắt vào cái vốn các đặc tính truyền thống của dân tộc chăng?
Chém giết, dù kịch liệt đến thế nào, trong một trăm, hai trăm giờ rồi ngừng, thì chuyện có thể trôi qua. Nhưng chém giết lọc lừa suốt phần tư thế kỷ, như thế liệu có thành một tập quán sinh hoạt gây tệ hại tâm lý lâu dài?
Tôi theo dõi con chim quí báu ở đô thị nép ngủ trước hiên nhà tôi. Buổi chiều, không hề trông thấy nó về. Tối, nửa đêm, tôi thình lình rón rén hé cửa bước ra, soi tìm. Vẫn không thấy. Một đêm mưa lạnh, tôi nghĩ nó phải tìm xuống đậu những cành thấp. Họa may dễ trông thấy hơn chăng. Tôi hé cửa, rón rén. Lại chẳng thấy gì.
Ngẫu nhiên, một buổi sáng, trên bàn viết tôi bắt gặp một vết phân trắng y hệt trên lá lan. Thế này thì là một chú thạch sùng rồi!
Trời, lẫn lộn chim chóc với bò sát. Sự ngộ nhận không thể tha thứ được. Cuối năm, tôi ghi nhận thêm một sự sai lầm nham nhở, bẽ bàng.

**Võ Phiến**

E ị!

**Mười giờ**

Gửi Võ Đình

Cây sweet pea — người Tàu gọi là đậu tuyết hay đậu xạ hương gì đó — màu sắc thật là sặc sỡ. Ở đây người ta chỉ trồng lấy màu, lấy hoa, lấy hương (xạ hương?). Người láng giềng gieo hạt hồi mùa đông, đầu xuân đã có hoa nở rộ trên hàng dậu ngăn cách hai khoảnh vườn. Tháng ba dương lịch, bà láng giềng thông báo cho ông về chuyện phá lũ dây đậu để gieo hạt anh túc. Cũng lại một hoa sặc sỡ nữa. Bà ta có cái thú làm nở ra những đóa hoa cánh mỏng dính có sắc màu lòe loẹt. Bà ta dự tính như thế, ông tán thành ngay. Mà hình như lũ bướm cũng tán thưởng lắm.
Ông lạc mất trang sách từ lúc nào không hay. Tay vẫn cầm hững hờ cuốn sách, nhưng mắt ông đã rời chữ. Xung quanh ông, khắp phòng, ánh sáng ùa vào nhiều quá, ùa vào tràn trề. Hai mặt phòng có nhiều cửa gương lớn, phòng ông vào giờ này là cả một niềm hân hoan.
Mấy hôm gần đây kể như hôm nào cũng vậy, rốt cuộc rồi cũng đến thế thôi: ông bỏ sách, loay hoay tìøm một mảnh giấy, một cái gì để cài vào làm dấu trang sách nhưng không tìm được, ông đành úp mặt cuốn sách xuống thảm. Rồi ông nằm ngẩn ngơ trong ngôi nhà sáng choang. Rồi ông ngồi dậy đốt một điếu thuốc, khói xanh tỏa chầm chậm qua những tia ánh sáng. Rồi ông mở cửa bước ra hiên. Ông trở vào pha cà-phê uống. Ông mở cửa ra vườn sau, nghếch mặt nhìn nghiêng nhìn ngửa, đến bên cây này cây nọ, lại nghếch mặt nhìn đàn sáo đậu trên dây điện, nhìn con quạ trên cây thông sau lưng căn nhà trên ngọn đồi bên kia đường, có khi nhìn lên trời xanh trống không. Rồi ông bước đến đứng một lúc dưới bóng cây long não. Rồi ông cảm thấy mình lơ ngơ, không có việc gì giữa ngôi vườn vắng vẻ, ông lại vào nhà, ông đốt một điếu thuốc nữa v.v... Ông nằm xuống, cầm lấy cuốn sách. Một lát, ông lại nhổm dậy, úp sách xuống mặt thảm. “Căn phòng này coi bộ sáng quá, sáng dữ đa!”. Ông nhìn qua cửa kính, theo dõi lũ chim hải âu từ đâu ngoài bãi mới kéo vào khu phố này, lượn thấp trên các mái nhà, sà cả xuống mặt đường. Ông đứng lên, mở cửa, bước ra hiên xem hải âu chúng nó làm gì! Xem ra chúng cũng chẳng làm gì đáng kể: không ăn không uống, không tìm sâu tìm hạt gì, chúng chỉ bay lên bay xuống, lượn đi lượn về rà rà khắp xóm vậy thôi. Có con đậu lên một chiếc tán đèn bên đường, một con hải âu xám trên chót đỉnh một cột đèn, đậu và phóng uế, xong lại bay đi, vậy thôi. Rồi ông nhìn sang hai con bướm chờn vờn trên hàng dậu sweet pea. Bướm nó bay, hay nhỉ, nó không bay thẳng từ nơi này đến nơi khác, như không cốt bay để đến; nó bay như nhảy như múa, như đùa như giỡn mà chơi. Một lát, tự cảm thấy thừa thãi trước hiên, ông quay vào nhà, sửa lại chiếc gối, ghé nằm xuống, cầm cuốn sách lên, xem đồng hồ: Thế mà đã mất khối thì giờ!
Gần như hôm nào cũng vậy. Đến một lúc nào đó, ông chợt để ý và tự hỏi: “Có gì vậy cà?” Hồi gần đây có gì xảy ra? biến cố gì vậy?” Kiểm điểm mãi, cũng thấy ra biến cố: Mười giờ.

Mười giờ là một biến cố. Đáng lẽ ông đã biết từ lâu, vậy mà không hiểu tại sao ông lại lú đi, chẳng chịu thấy. Mười giờ sáng; trời đất vào cái giờ ấy, nó lạ lắm. Bây giờ nhớ lại thì ông đã nhiều lần khốn khổ vào cái lúc mười giờ. Hồi nhỏ, ngày ngày ngồi trong lớp học, mỗi buổi mai vào khoảng mười giờ, thỉnh thoảng hoặc một con chim bay ngang qua cửa sổ kêu đánh “chéo” một tiếng nhỏ, hoặc mấy đứa chăn trâu đùa giỡn với nhau ngoài đồng để lọt vào tai ông mấy tiếng léo nhéo, hoặc tốp lính kéo đi rộp rộp ngoài đường v.v..., thế là ông trông ra cái nắng tưng bừng bên ngoài và lạc mất tiếng thầy giảng một lúc lâu, thần trí vẩn vơ mãi đâu đâu.
Ngày nhỏ lơ đãng trong lớp, lớn lên ông lơ đãng ngay tại nhà. Cứ mười giờ mai, vào giờ nắng ráo, ấm áp, là như thế. Cứ như có ai kêu ai réo ở ngoài trời. Cứ như có hội hè ầm ĩ linh đình, có trống thúc cờ reo giục giã khẩn cấp ở ngoài. Nằm không yên, ngồi đứng không yên.
Giá mà lúc ấy ta xô cửa, bước ra ngoài, bắt gặp quả tang “cái mười giờ”, nhìn tận mặt nó một lúc thì rồi cũng nguôi ngoai. Rồi thấy mình lơ ngơ thừa thãi. Rồi cũng đến trở vào nhà thôi. Nhưng nằm lì trong nhà, ngồi lì trước bàn viết, nắm mãi cuốn sách trên tay, thì khổ sở đa!
Mười giờ, ngoài trời có gì vậy? Thì trời xanh vậy thôi. Thì mây trắng tơ tướt ngang trời vậy thôi. Nhưng trời xanh thao thiết mênh mông vào lúc mười giờ, tưởng chừng nó có cái hấp lực hút bật dậy những thây ma. Những xác chết nhập tràng chồm lên dưới một tác động ma quái.
Ma quái chứ. Mở cửa ra, vẫn chỉ có trời xanh, có cây xanh, có ánh nắng nhấp nháy trên lá xanh, mọi sự y nhiên, như xế hôm qua, như trưa hôm trước, như sáng hôm kia, như một ngày năm ngoái, năm kia... Nhưng mà không! Mười giờ hôm nay, vào giờ phút này, tưởng chừng nó đập gõ khua ầm lên trước cửa mình vậy. Mỗi hôm nó mỗi quấy động, nó luôn luôn mới, luôn luôn bất ngờ, nó là biến cố hàng ngày. Hôm nào mười giờ cũng làm mình rạo rực, nao nức, như là một Mười Giờ đầu tiên buổi khai thiên lập địa. Mười Giờ nào cũng là một Mười Giờ hoang sơ. Khu phố có thể tha hồ vắng vẻ, cứ mười giờ là tưởng chừng có hội hè tưng bừng: Mười giờ ngoài cửa, nó là một im lặng ầm ĩ, huyên náo, chát chúa.
Hoa có thứ hoa giờ tí có thứ hoa giờ ngọ, hoa tự do chọn lựa giờ giấc. Thứ hoa chọn lúc khuya khoắt vắng vẻ như hoa quỳnh, nó tha thồ đơn độc, ẻo lả, kiều mỵ. Còn hoa mười giờ không thế. Nó là hoa bầy hoa lũ. Là thứ hoa đồng khởi. Nó dậy lên, đứng lên cùng lượt, rực lên chói chang. Nhất hô bá ứng: Mười giờ cất tiếng gọi, từng từng lớp lớp điệp điệp trùng trùng hoa nọ liền đứng lên giữa trời. Không có ai mang hoa mười giờ vào phòng, vào những căn phòng nhỏ hẹp, để cho những ông cụ già móm mém vừa nhắp từng hớp trà vừa “thưởng thức”. Hoa mười giờ phải nở giữa khoảng rộng, dười trời bao la.
Đã mười giờ lại mười giờ sáng một ngày xuân, thôi thì khỏi nói. Đám dạ lý hương bên hè phát triển mạnh quá, lấn tràn vào cửa, mùa đông vừa qua ông đã phát bớt đi quá nửa lùm. Những gốc dạ lý hương bị đốn tưởng đã chết khô, bẻ gãy rôm rốp. Thế mà sang xuân bỗng thấy mầm xanh phọt lên. Lại nhớ có lần trong đống củi xếp sau hè thỉnh thoảng lại có cành bắn mầm nứt lá non. Tiếng gọi mùa xuân, sức kêu gọi của sự sống, Trời! nó mạnh kinh khủng!
Nghĩ đến cái rạo rực trong lòng một cành củi, một gốc cây khô, ông lại nhân tiện nghĩ qua về cái rạo rực trong lòng mình: “Ờ! mà mình cũng “rạo rực” lắm, đâu đã yên? Khối thì giờ mất đi một cách vu vơ. Thế mà không để ý thì không biết đấy”. Ông nhìn xuống mấy ngón tay vàng khè khói thuốc, mấy ngón tay dẹp, mỏng, khô quắt dần. Ông nhìn thoáng qua, rồi quay mắt đi, chán ngán. Tuy nhiên cũng nhếch miệng cười bâng quơ.
Ngoài sân, con bướm chờn vờn bên dậu hoa sweet pea. Rồi nó rời dậu hoa, bay nhanh qua suốt chiều ngang của khoảnh sân trước, tưởng đi luôn sang vườn nhà bên cạnh, bỗng đâu lại thấy nó chập chờn ngay trước hiên. Cái bóng của con bướm múa rộn ràng trên tấm màn cửa. Vào lúc ấy, chợt vẳng lên tiếng một đứa trẻ. Tiếng gọi la eo éo gì đó, nghe không rõ ràng, cách vài con phố, cất lên mấy tiếng rồi bặt mất.
Ông bàng hoàng. Tiếng kêu ngắn quá không kịp phân biệt là tiếng nước nào. Mễ chăng? Mỹ chăng? Việt chăng? Tưởng chừng tiếng một đứa trẻ ngày xưa hắt vào căn nhà tranh của ông từ một ngôi gò nào trong làng. Tưởng chừng tiếng mấy đứa trẻ la giỡn ở một góc phố vẳng lọt vào lớp học hồi niên thiếu... Một cái gì rung lên, quẫy mạnh trong ông. Ông xao động cả người.

Ông nhớ bữa ăn sáng cuối cùng với một người đàn bà. Người đàn bà đã chung sống với ông hơn chín tháng, ở một ngôi nhà mát mẻ thanh tịnh bên Tân Qui Đông. Hồi tưởng lại những ngày đó thật êm đềm.
Hồi đó, hai người gặp nhau giữa một đám bạn. Ông có một cảm tình mơ hồ với Loan lúc vừa mới gặp, tuy vậy ông không bắt chuyện, cũng không có dự tính gì. Vào một lúc nào đó ông nói một câu vẩn vơ (bây giờ ông không còn nhớ đại khái ra sao nữa, hay nói cho đúng là ông quên bẵng đã từ lâu chứ không phải mới bây giờ). Loan nghe xong, không nói gì; nàng quay mặt về phía khác, nhìn mông ra xa, mỉm cười nhẹ nhàng, bâng quơ. Ông sực kiểm điểm và nhận thấy câu nói vừa rồi của mình quả nhiên là có hướng về nàng, một cách vô ý thức. Sự hưởng ứng của nàng xa xôi dè dặt, lại hơi hững hờ.
Vậy mà ít lâu sau hai người gần gũi, rồi ông rước nàng về chung sống.
Nghĩ lại, giá bấy giờ nàng niềm nỡ có lẽ ông đã lảng tránh. Độ ấy tự dưng ông tránh hết những thái độ nồng nhiệt, tích cực, hăm hở. Tự dưng ông mệt mỏi tận chỗ sâu xa nhất trong tâm hồn. Đang ở một căn phòng thuê tại đường Cô Bắc, đi lại các tòa báo khá tiện khá gần, ông quyết định rút hẳn về bên Tân Qui Đông. Ông từ chối bớt một số công việc tòa soạn, hạn chế bớt một số khoản chi tiêu, hạn chế giao du, để hưởng một thời gian yên tĩnh. Bên cạnh Loan. Và Loan là cả một sự yên tĩnh, êm đềm.
Hai người sống với nhau không lâu, nhưng “hợp nhau kinh khủng”, ông công nhận thế.
Hôm về ở với ông, nàng không có gì nhiều nhặn để mang theo. Y phục, nàng cũng không sắm bao nhiêu. Nhưng nàng có chở theo một chậu trúc đằng ngà. Kể ra không phải là thứ cây kiểng hiếm hay quí. Một cây trúc đằng ngà nhỏ hơn cổ tay bịï chặt ngang lưng chừng, cao chừng thước rưỡi tây, thế thôi. Đưa cây trúc xuống xe, nàng cười. Ông bảo đặt nó ngay trước hiên nhà, ngoài cửa sổ từ phòng khách trông ra. Nàng đồng ý dễ dãi.
Cây trúc thế mà khỏe. Cành lá nó tỏa rộng ra sum suê. Nhiều buổi trưa vắng lũ chim sẻ kéo đến ríu rít trong tàn lá ấy. Mỗi lần nghe tiếng khua động trong nhà, chúng bay tán loạn. Trưa mùa hè nhiều lúc không được trông đến, trúc khô nước, lá cuốn cả lại. Múc một lon nước đổ vào gốc cho nó, thử lắng tai, có thể nghe tiếng lá khô mở ra rào rào, khe khẽ. Chừng vài giờ lá lại cuốn queo, lại cần thêm lon nước nữa.
Tàn lá ấy làm khổ cây trúc. Có những đêm gió lớn, sáng ra thấy nó lăn kềnh, nằm chình ình trước hiên. Cái chậu đất nặng nề là thế vẫn chưa đủ để giữ thăng bằng. Rốt cuộc Loan phải hè hụi trói cây trúc vào song cửa bằng một sợi dây kẽm. Ông muốn giúp nàng một tay, nàng cười cười:
— Anh cứ để nó cho em. Em trị được mà.
Thực ra ông ngờ rằng không phải chỉ có thế. Không phải là nàng không muốn phiền đến ai khác chỉ vì nàng đủ sức “trị” nó, mà bởi vì nàng muốn tự tay mình chăm sóc cây trúc “của mình”. Cây tre cây trúc ít khi là cây kiểng của một người đàn bà. Có thể đây là một kỷ niệm riêng sao đó. Nàng có cây trúc trong trường hợp như thế nào? nàng “thừa hưởng” của ai? Có lúc ông thoáng nghĩ ngợi về điều ấy, nhưng rốt cuộc cả hai cùng lảng tránh, bỏ qua vấn đề. Sáng sáng hai người ngồi trước hiên điểm tâm, uống cà-phê, và nhiều lần ông khen cây trúc đẹp. Nàng thắc mắc:
— Không thấy nó nẩy được mụt măng nào.
— Ờ nhỉ. Trồng lâu chưa?
— Lâu.
— Ờ, thế thì lạ.
Vậy rồi thôi. Ông không hỏi thực sự nó ở với nàng từ bao giờ.
“Trị” cây trúc là công việc của nàng. Ngoài ra nàng còn một thành tích nữa, cũng đáng kể. Sau nhà có cây mít, không biết nàng tìm đâu ra cái chuông, đem về treo lên một cành mít, rồi lại buộc một khúc cây bên cạnh làm cái dùi. Thỉnh thoảng, trong gian nhà vắng lặng, hoặc ông đang nằm đọc sách, hoặc chợt ngừng bút giữa trang giấy, hoặc đang ngồi lơ mơ uống tách nước..., chợt nghe một tiếng “boong.., oong...oong...” từ sau vườn.
Tiếng chuông đánh thức sự tịch mịch vắng vẻ. Ông tán thưởng:
— Hay nhỉ. Không có tiếng chuông, mình không để ý đến sự im vắng của xung quanh.
Nàng không nói gì. Một lát, ông lại ngẫm nghĩ:
— Thì vẫn là im vắng, nhưng một im vắng vô ý thức. Lâu lâu một tiếng “boong” làm cho sự im vắng tự ý thức về mình. Thành ra một sự vắng lặng có ý thức.
Nàng vẫn không nói gì. Nàng nhìn mông ra ngoài, cười bâng quơ.
Người đàn bà ấy không có mấy nữ trang, mấy món phấn son trang điểm; nàng bỏ thì giờ vào những thứ vớ vẩn: cái chuông, chậu cây... Hai người sống với nhau như thế cho đến một hôm ông bắt gặp Loan với một vẻ khổ sở. Vài ngày sau, nàng bảo ông biết nàng vừa được tin nhà, nàng phải về quê, ở dưới Sóc Trăng. Hoàn cảnh nàng có gì rối rắm khó khăn lắm. Ông khựng lại, nhìn nàng chăm chú một lát, biết rằng sự thể không thể nào đổi khác được, ông thở dài.
Hôm cuối cùng, loay hoay thế nào mà họ thức trắng đêm. Buổi tối, ngồi trước hiên nhà mãi cũng buồn, ông lấy xe chở nàng đi ăn cháo cá, rồi hai người ra ngồi bờ sông hóng mát tới khuya. Về, ông lại pha cà-phê uống, rồi ngồi xem sách. Loan lên giường nằm hồi lâu không ngủ được, vẹt màn chui ra. Ông bỏ sách, ngồi với nàng, chuyện trò lẩm cẩm. Đêm hết lúc nào không hay. Lúc nhìn qua cửa sổ thấy chân trời ửng sáng, ông sực nhớ ra, kêu đói, bảo Loan chải tóc tai để đi ăn sáng. Nàng ái ngại:
— Anh thức suốt đêm, có mệt không? Nhà sẵn còn trứng. Hay để em chiên “ốp la” ăn với bánh mì. Được không?
Ông lắc đầu. Lúc này ông muốn ngồi ở tiệm, ăn một tô phở nóng, thơm tho.
Thì đi. Qua cầu Tân Thuận, gặp hơi nước mát, ông hít mạnh vào phổi, thích thú. Rồi ông cao hứng dừng xe lại bên kia cầu tìm một cái quán gần bờ sông, ngồi nhìn mặt nước sáng dưới ánh bình minh, nhìn người qua kẻ lại, thấy khoan khoái, tỉnh người dần. Hỏi chủ quán: không có phở, chỉ có bò kho, có trứng “ốp la”. Không muốn bỏ một chỗ ngồi thích ý, ông gọi trứng “ốp la” và quay lại bảo Loan:
— Nhất ẩm nhất trác, định trước cả. Số mình sáng nay ăn trứng thì chỉ được ăn trứng thôi... Huống hồ những chuyện lớn trong đời, chạy đâu khỏi số?
Nàng nhếch cười buồn bã.
Ăn xong, đốt điếu thuốc, ngồi trước tách trà thơm, ông lờ mờ nghĩ về những ngày sắp tới. Chắc chắn ông sẽ trả ngôi nhà ở Tân Qui mà trở về bên Sài Gòn. Ở một mình chỗ quạnh vắng, buồn chết. Vả lại, tiền dành dụm đã vơi, ông cần ở gần các tờ báo để làm việc nhiều thêm. Ông nghĩ đến cuộc dọn nhà trong tuần tới, nghĩ đến công việc lấy tin vào lúc mờ sáng ở các tòa soạn nhật báo, đến công việc viết lách liên tu bất tận suốt ngày... Ông thẫn thờ lẩm nhẩm: “Mệt kinh khủng!”
Nghe một tiếng cười khẽ, ông ngoảnh lại: Loan cười lớn hơn, nàng lấy tay che miệng cười ngặt nghẽo, rồi lấy tay che cả mắt. Lát sau, khi nàng bỏ tay xuống, nước mắt hãy còn trên má. Lưng bàn tay nàng cũng ướt.

Loan ra đi tuần trước thì tuần sau ông cũng dọn nhà đi luôn. Hai người để lại trong vườn cũ cái chuông trên cây mít. (Cây trúc tất nhiên là Loan đem theo. Nó lên xe sau cùng, khi nàng đã chất đồ xong và đã lên ngồi trên xích-lô máy nàng mới nhờ người phu xích-lô bê nó đặt lên sàn xe, và nàng bảo ông: “Để lại, anh không trị nó nổi đâu. Nó sẽ vòi vĩnh, làm phiền anh.” Ông biết đó chỉ là một cách nói. Đó không phải là lý do khiến nàng không rời nó.)
Ông thuê một căn phòng nhỏ ở tầng lầu hai một tòa nhà lớn gần chợ Thái Bình. Trong cái hiu hắt của một cảnh sống đơn chiếc, có những buổi xế chiều, sau một giấc ngủ trưa mê mệt, ông thức dậy, nằm thười trên giường, ngao ngán nhìn bức tường phòng trơ trụi không một cái tranh cái ảnh. Cửa sổ đóng kín, căn phòng im mát và râm râm tối. Nằm im hồi lâu, trí nghĩ vẩn vơ từ chuyện nọ sang chuyện kia; trong vắng vẻ tĩnh mịch chợt ông tưởng chừng nghe thấy một tiếng “boong...oong...oong!”
Ông bàng hoàng ngẩn ngơ. Ông không nghĩ đến Loan, nhưng từng giác quan của ông chúng vẫn nhớ nàng. Trong cùng thẳm cõi vô thức của ông cái hơi hướng của những ngày cùng Loan chung sống vẫn còn vương vất. Từ cái này đến cái nọ, từ chuyện này đến chuyện kia, chúng trở về. Cái cổ tay của nàng, bữa cháo khuya trước hiên nhà bên Tân Qui, và ơ kìa! cổ chân, còn cả cái cổ chân của nàng nữa, thật là kỳ cục! và mùi tóc nàng nữa, và cái nhìn mông rất bâng quơ v.v... Ở tuổi ông vẫn còn những vẩn vơ vậy sao?
Ông tự cười mình, lẩm nhẩm mấy câu lăng nhăng:
“Mình về mình nhớ ta chăng?
— Nhớ mình? Ta quyết đoan rằng là: Chưa!
Nhớ mình? đã nhớ đâu cơ
Chẳng qua chỉ có vẩn vơ nhớ... nhà
Vườn quê mỗi buổi chiều tà
Bâng quơ tai nhớ một và tiếng chuông
Cà-phê mỗi sáng tinh sương
Nhớ đôi cành trúc vấn vương bên thềm
Lưng trời nhớ một cánh chim”
Mãi sau đó khá lâu, một hôm ông có dịp sực nghĩ đến giọt nước mắt của Loan trong bữa điểm tâm cuối cùng. Trong một thoáng, tự dưng ông tưởng thấy rõ cả cái lý do, như thoắt “ngộ” sự thực tròn vẹn. Lý do là cái tiếng “kinh khủng”... Đó là một thói quen của ông. Ông thường nói: “Dại kinh khủng. Hay kinh khủng. Rắc rối kinh khủng”... Hôm đó ông vừa kêu “Mệt kinh khủng” thì Loan cười. Nàng cười một thói quen. Rồi lại nghĩ rằng từ đây nàng sẽ chẳng bao giờ còn nghe “kinh khủng” nữa, chẳng còn gần gũi với cái thói quen hàng ngày ấy của ông nữa, nàng khóc lúc nào không hay. Một thói quen ngộ nghĩnh, chẳng đâu vào đâu, nhưng nghĩ rằng nàng sẽ mất nó mãi mãi, cho nên cuối tiếng cười có những giọt nước mắt.

Một cuộc chung sống mấy tháng rồi tan rã đã lâu thỉnh thoảng còn hắt về một tiếng chuông mơ hồ như thế. Và ở Sóc Trăng chắc chắn một đôi khi ở chỗ người qua kẻ lại, ở một góc đường, một quán nước, đâu đó chợt thoáng nghe hai tiếng “kinh khủng” Loan cũng ngẩn người ra bồi hồi.
Hơi hướng một cuộc tình đã dai dẳng, ông nghĩ đến cái hơi hướng của cuộc đời. Của cả cuộc đời.
Mai kia, ông ra đi khỏi cõi đời này, chắc đâu cái hơi hướng của nó không đeo đuổi? Ba tấc đất đâu đã thực là đủ sâu? Trong nghĩa trang, những khu nghĩa trang với đồi cỏ xanh mướt, cây xanh mơn mởn, mười giờ lũ chim sẻ, chim quành quạch kêu tíu tít, kêu rối cả lên, và nắng thì chan hòa, những khu nghĩa trang đô thị nằm ngay cạnh các con lộ rộn ràng, sát kề cuộc sống náo nức, trong những khu nghĩa trang như thế làm sao yên được giấc nghìn thu! Khó đa. Cuộc đời còn inh ỏi hơn một tình nhân. Dĩ nhiên ông không muốn nhớ, nhưng không nhớ mà được sao? Một tiếng còi xe, một tiếng gọi la trong vắt của đứa bé ở một góc phố..., những cái ấy hắt lọt xuống lòng huyệt vào nửa buổi mai huy hoàng, nó làm kinh động giấc nghìn thu đến chừng nào. Không nhớ Cuộc Đời, không nhớ “mình” mà được sao? Mình réo gọi, mình hút ta lên từ đáy mộ mỗi buổi mai mười giờ chứ lị. Những inh ỏi của trần gian, chao ôi!
“Mình “về” mình nhớ ta chăng?
— Nhớ mình? Không nhớ được răng hả mình?
Ba tấc đất, biết bao tình
Mười giờ mình vỗ rập rình nắp săng
Mình xua gió thổi mây giăng
Mình tung ánh nắng vang vang khắp trời
Mình rung chuyển đất lay đồi...
Mai kia rồi nữa ta rời xa nhau
Nhớ mình không nhớ được sao?”

Ông lẩm nhẩm trong trí mấy câu sau cùng, rồi đứng lên, bước ra sau vườn, nhìn bâng quơ: đàn sáo đậu trên dây điện đã bay đâu mất cả. Ông nhìn mông lên trời xanh trống không một lát rồi quay vào nhà.
Mười giờ, ông bỗng dưng như thể một kẻ lểnh lảng: ở trong nhà thì nghe như có tiếng réo gọi đâu đó xa xa, tung cửa ra ngoài không thấy ai, không thấy gì cả. Trông bên nọ ngóng bên kia dáo dác một lúc, cảm thấy tưng hửng, bèn quay vào.
Quay vào, thì nghe réo gọi bên ngoài. Văng vẳng, mơ hồ, mà khẩn trương, hối hả. Thoạt tiên mình còn ngờ vực lấy mình, về sau càng lúc càng nhốn nháo cả ruột gan. Tiếng gọi thiết tha quá, cấp bách quá, không sao không đáp ứng được. Lại tung cửa chạy ra. Và nhìn xuôi trông ngược vẫn chẳng có gì. Chỉ có ngọn gió vừa lướt qua. Chỉ có cây gồi già đội một mảng mây trắng to tướng đứng trân trên ngọn đồi...
Như vậy là chẳng có gì? — Lẽ đâu thế? Tiếng réo gọi mơ hồ nhưng không thể chối cãi. Sự Sống đó. Tiếng réo gọi của Sự Sống đó mà. Từ nơi cùng thẳm hư vô, nó gọi ta. Cái lanh lảnh trong một tiếng trẻ con, cái rào rào trong gió lá; một cánh bướm chập chờn, một cành tre dưới nắng: Nó đấy. Nó cả đấy. Nó xa xôi tận cùng thẳm mà cũng gần gũi trong gang tấc. Sự Sống đó. Tiếng gọi của Sự Sống nhiệm màu. Tiếng gọi của Trời Đất đó. Của Vũ Trụ Càn Khôn mịt mờ ảo huyễn mà quyến rũ mê hoặc khôn lường đó.
Rồi mai kia:
“Nhớ mình không nhớ được sao?”

5 - 1987

**Võ Phiến**

E ị!

**Viết sách, nuôi cây**

Anh về viết sách nuôi cây

Bao nhiêu sách ấy cây này là anh

Chúng ta và người Tàu có lối chơi kiểng uốn nắn thành hình con rồng, con phụng, con hạc, con lân v.v... Nuôi cái cây mà cho giống được con phượng có cánh, con sư tử hí cầu, thì khéo thật. Nhưng theo ý riêng, tôi thích lối chơi kiểng của người Nhật: nghệ thuật bồn tài (bonsai) là nuôi cây thế nào cho nó giống ... cái cây.
Cây giống cây trông vẫn thích hơn là giống bất cứ thứ gì khác.
Hoặc có người bắt bẻ: Cây tất giống cây, có gì lạ?
Không! Không có cái tất nhiên ấy. Nuôi cây hàng trăm năm cho nó già mà không lớn, đâu phải dễ. Thế thường hễ già thì phải lớn, lớn thì phải cao; nếu thấy thế đè nó ra cắt cụt cho lùn xuống thì đâu còn giống cây nữa?
Cho nên phải lắm công phu. Phải đày cây ra nắng. Phải đặt cây lên giàn cao chỗ thoáng, để đón gió. Nắng to, gió mạnh cùng nhau hãm sức lớn của cây. Hàng năm phải lôi cây ra khỏi chậu sửa sang, rồi trồng cây trở lại vào chậu; trước khi trồng lại ta cắt bớt rễ cái, lại tìm chọn những chiếc rễ khỏe quá tỉa đi, rồi lại xén bớt những rễ con quá sum suê v.v... Rễ bị cụt thì ngọn cây cành cây phải chùn. Ta cắt chỗ giấu giếm được mà không động tới cái chỗ phơi bày ra, để cây khỏi chịu tàn phế, tổn thương hình dạng. Để cho nó lùn mà không cụt.
Vẫn về cái rễ: rễ mà phát triển rộng ra tùm lum thì cây lớn như thổi không cầm lại được. Cho nên trồng cây vào những chiếc chậu nhỏ, thường khi không rộng hơn gốc cây bao nhiêu. Chậu nhỏ đất ít mau khô, vì vậy cứ phải tưới hoài, có khi ngày đôi ba bận. Như lo cái ăn cái bú cho con mọn.
Cây đã choắt, lá càng phải choắt cho có một tỉ lệ cân xứng. Để tự nó, lá không tự choắt choeo. Đối với loại cây thay lá hàng năm, thường khi lớp lá đầu mùa bắt đầu phát triển phải cắt mỗi lá bớt đi ba phần tư. Lá bị cắt nhỏ, không thể làm đầy đủ nhiệm vụ đối với cây, liền bị cây đào thải; và một chiếc lá mới mọc ra thay thế lá cũ. Chiếc lá mọc sau yếu sức, sẽ nhỏ bé hơn...
Đó chẳng qua chỉ là chuyện kích thước, tầm cỡ của cây của lá. Lại còn bao nhiêu đòi hỏi nữa: Cây chưa đến tuổi mà lại muốn làm ra vẻ cụ cây, muốn có vỏ khô sù sì, nứt nẻ; cây công tử lớn lên trong sân trong vườn lại muốn một dạng cách phong trần, dãi dầu ở chỗ tuyết sương, như thể từng trải qua tai biến đến nỗi thân hình oằn oèo khắc khổ; cây trồng trên đống phân, nước tưới hàng ngày đầy đủ lại muốn có cái nét khổ hạnh trơ trụi của cây bám trên vách đá cheo leo quanh năm khô khấc v.v.. Mỗi cái muốn gây ra trăm cái tẳn mẳn tỉ mỉ, đẻ ra một mớ mẹo lớn mẹo con.
Nhưng chừng ấy chuyện chỉ làm cho cây giống cây. Cái đó là tối thiểu, là cần thiết; nhưng chưa đầy đủ để làm ra sức hấp dẫn của cây bồn tài.
Cây già trên rừng không hấp dẫn bằng cây già trong chậu. Cây bám sườn non ngoài thiên nhiên không hấp dẫn bằng cây cheo leo... trong chậu. Cây tùng cây thông đứng dọc đường san sát, không được ai ngắm nghía đắm đuối như một cây thông cằn trong chậu.
Đắm đuối không phải vì nghĩ đến cái công phu chăm sóc, nghĩ đến những trò mẹo nọ mẹo kia, đến cái khéo tay của kẻ nuôi cây. Thành thực kiểm điểm lòng mình, ta thấy rõ lúc ấy không phải ta đang phục tài của ai cả. Trong ta chỉ có một rung động say mê, chỉ có một xúc cảm mỹ thuật.
Cây mọc bờ sông vách núi, là thiên nhiên; cây trong chậu là một tác phẩm nghệ thuật. Trong tác phẩm nghệ thuật không chỉ có cái cây, mà là cái cây với một tâm hồn người. Cũng như trái táo trên dĩa là thiên nhiên; trái táo trong tranh tĩnh vật là trái táo với một cách nhìn. Cũng như bao nhiêu cỏ úa bên lề đường làng, bên quốc lộ số 1, liên tỉnh lộ số 7, tỉnh lộ số 10 v.v... chỉ là cỏ; còn cái "rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh" là cỏ cùng với một tâm trạng. Cũng như trận mưa đêm hôm qua, trận mưa chiều hôm kia v.v... chỉ là trận mưa, là hiện tượng thời tiết; còn trận mưa "trăm muôn giọt nhẹ nối lời vu vơ" là trận mưa cộng với một cách nghe mưa, với một tâm trạng, một tâm hồn; còn trận mưa "Ba sơn dạ vũ trướng thu trì" lại là trận mưa với một cách nghe khác, với một tâm hồn khác nữa!
Người ta không rung động, không đắm đuối vì trái xoài, vì trận mưa; người ta chỉ rung động đắm đuối trước một biểu hiện tâm hồn. Con người xúc cảm ít khi vì thiên nhiên, mà chỉ vì con người. Qua ngọn cỏ, lá cây, giọt mưa, trái táo v.v..., ta chỉ tìm ta. Và rung động vì ta.
Trong lối nuôi cái cây cho giống cây, cũng như trong cách vẽ trái táo cho giống táo, người chơi cây vẽ táo có gửi trong đó một quan niệm, cái quan niệm của mình. Cây là mình, táo là mình.
Vì vậy một chậu bồn tài mới mua về, dù trả tiền xong, vẫn chưa phải là của mình. Nó chỉ dần dần thành ra cây bồn tài của mình ít nhất là sau nửa năm. Rồi nhiều năm sau nữa nó mới thực sự là cây của mình, thực sự biểu hiện cái mỹ quan của mình, tâm hồn của mình. Lúc bấy giờ nếu có người nhìn cây mà đắm đuối, mình có thể yên trí họ đắm đuối về một phương diện đẹp đẽ của tâm hồn mình biểu hiện ra, chứ không phải về tâm hồn người chủ vườn bán cây.
Và cũng đến lúc bấy giờ mới có cây thất bại với cây thành công. Cùng là cây lùn, cùng tầm cỡ, có cây trông mà mê, ngắm mãi không rời mắt được; có cây trông vô vị, lảng nhách. Táo trên cây có táo to táo nhỏ, táo ngon táo dở, chứ không có táo mê người với táo lảng nhách. Chỉ trong tranh tĩnh vật mới có thứ táo như thế: táo có hồn và táo vô hồn. Chỉ trong tranh, trong chậu mới có táo thành công, cây thất bại, nhạt nhẽo, hỏng.

Và cũng chỉ trong văn thơ mới có những tình những cảnh vô vị, những sự việc vô vị, những hoàn cảnh vô vị. Nói thế bởi vì chúng ta không phải chỉ nói về cây kiểng, mà chính đang nói về thơ văn.
Viết truyện chẳng hạn đại khái cũng là dựng nên và nuôi những nhân vật thu nhỏ, những xã hội thu nhỏ. Những nhân vật lùn trong những xã hội lùn. Nuôi những người cho thực giống người trong những xã hội cho thực giống xã hội.
Những nghệ sĩ viết truyện phần nào giống như người nghệ sĩ bồn tài. Họ cũng thành công và thất bại cùng do những nguyên cớ gần giống như trong việc nuôi cây bồn tài.
Một con người ngoài đời là một con người; một người trong truyện là một cách nhìn người. Trong các cuốn truyện của Nguyễn Khải có nhiều ông bí thư đảng, trong các cuốn truyện của Nguyễn Ngọc Ngạn cũng không hiếm bí thư đảng: những bí thư nọ đều giống bí thư cả, vì hai tác giả cùng già kỹ thuật, cùng vững tay nghề. Nhưng các bí thư trong truyện Nguyễn Khải trông đứng đắn tốt lành; các ông bà bí thư trong truyện Nguyễn ngọc Ngạn xem chừng cứ quanh co lươn lẹo thế nào: đó là vì mỗi tác giả có một cách nhìn.
Không cứ phải là hai người ở hai trận tuyến chính trị đối lập mới có cái nhìn khác nhau. Bất cứ ai trên đời cũng có cách nhìn sự việc riêng của mình. Người đối lập thì cái nhìn đối lập; người không đối lập thì cái nhìn không đến nỗi trái ngược, nhưng vẫn có nét khác nhau. Cái nhìn biểu thị tâm hồn của mỗi nghệ sĩ; cái nhìn là linh hồn của mỗi nghệ phẩm.
Trong tranh táo cái nhìn ấy nó là màu đậm màu nhạt, màu nóng màu lạnh, nó là cách bố trí khối này tảng nọ đường này nét kia v.v... Trong truyện, cái nhìn ấy là cái đứng cái ngồi, lời ăn tiếng nói của từng nhân vật, là màu nắng sáng sắc mây chiều, là cách phối trí sự kiện này biến cố nọ v.v... Trong thơ, nó là chữ nặng chữ nhẹ, là câu ngắn câu dài, vần trong vần đục v.v.... Trong một chậu bồn tài, nó là cách thế uốn qua éo lại của cành cao cành thấp, là cái độ nghiêng độ đứng của thân cây v.v...
Cảnh thiên nhiên tha hồ đẹp, sự việc ngoài xã hội tha hồ ác liệt, nhưng vẫn vô hồn. Không có ngọn cỏ dại nào ngoài bờ ao, cây cổ thụ nào trên rừng già tự nó có một ý nghĩa; nhưng mỗi khóm rêu trong chậu bồn tài đều có ý nghĩa. Không có người nào ngã bệnh quay lơ ra chết tự nhiên một cách có ý nghĩa; nhưng Ivan Ilitch chết trong truyện của L. Tolstoi một cái chết đầy ý nghĩa. Một cái chết trình bày vô tư, không có giọng giễu cợt hay giọng xót thương gì ráo, một cái chết dù trình bày bằng giọng vô ngã, một cái chết trình bày giống hệt như cái chết, vẫn có một ý nghĩa. Trình bày thành công là thổi linh hồn vào nghệ phẩm. Mỗi nghệ phẩm thành công có một linh hồn.
Cây có thể có trăm cành, nhưng phong cách cây chỉ có một, cái nhìn của người nuôi cây chiếu xuống chỉ có một.
Mỗi nghệ phẩm chỉ biểu thị một phong cách, đầu đuôi nhất trí, không lổn nhổn bất nhất. Cái tranh một trái táo là một tác phẩm; cái tranh ba trái táo cũng chỉ là một tác phẩm. Cái truyện ngắn ba trang là một tác phẩm; bộ truyện hăm bảy cuốn của Jules Romains cũng là một tác phẩm, là một thôi; những bộ truyện năm nghìn trang của Marcel Proust, của Alexander Solzhenitsyn cũng chỉ là một tác phẩm, là một thôi. Một chậu bồn tài có hai cây cùng gốc (sokan) là một tác phẩm. Một chậu bồn tài có nhiều cây cùng gốc (netsuranari) cũng là một tác phẩm. Mà chậu bồn tài gồm cả một đám cây khác gốc nhau (yose-ue) lại cũng là một tác phẩm thôi.
Và mỗi nghệ phẩm (văn chương, hội họa, cây kiểng, âm nhạc...) biểu thị một cái nhìn, một quan niệm, của người nghệ sĩ sáng tạo.
Tam quốc chí diễn nghĩa là pho truyện trên dưới 120 hồi (có nhiều bản khác nhau, bản dài bản ngắn) trong đó có hàng trăm trận đánh, có vô vàn kế sách mưu mô. Nhưng người đọc Tam quốc không phải là đọc cái tập hợp những trận đánh chém nhau, người viết Tam quốc không chỉ chú ý sưu nhặt để kể lại các cuộc chém giết nhau.
Tám chín phần mười pho truyện là tưng bừng, náo nhiệt, là những vẫy vùng của anh hùng hào kiệt bốn phương. Vậy mà mở sách ra gặp ngay bài hát theo điệu "Tây giang nguyệt":
"Cổn cổn trường giang đông thệ thủy Lãng hoa đào tận anh hùng Thị phi thành bại: chuyển đầu không!..." (Sông dài cuồn cuộn về đông,Sóng vùi gió dập anh hùng còn đâuĐược thua phải quấy tranh nhauXôn xao mấy chốc ngoảnh đầu thành không!...)Mới mở sách, lúc bấy giờ anh chàng Lưu Bị hàng chiếu với chàng Trương Phi hàng thịt vừa gặp nhau thề thốt, viên đô úy Tào Tháo toan giở mòi xun xoe v.v... Tất cả mới khởi đầu, một khởi đầu đầy hứa hẹn, thế mà... Mấy câu ca "trường giang đông thệ thủy" nằm ở đầu sách mà nó chủ trì toàn bộ pho sách, nằm ở đầu mà chiếu một cái nhìn bàng bạc suốt một trăm hai mươi hồi. Cái nhìn của nó chiếu đến tận cái đêm Khổng Minh tuyệt mệnh sao rơi lạnh lẽo ở Ngũ Trượng Nguyên, đến cái cảnh ông tướng Cam Ninh dựa gốc cây ngồi chết một mình quạ bu khắp người, đến những lời khờ dại ngu ngơ của Hậu chúa giữa buổi tiệc trong thành Lạc Dương v.v...
Trên đất Trung hoa trong khoảng mấy chục năm từ lúc nhà Đông Hán suy vi cho tới khi Tấn Vũ Đế chiếm xong Đông Ngô, có giặc giã rối ren, có hàng trăm ông tướng chết, có vạn vạn quân sĩ bỏ thây; người đương thời có thể trông thấy tận mắt những cái đó, nhưng ai mà thấy cái "cổn cổn trường giang đông thệ thủy, lãng hoa đào tận anh hùng"?, nhưng có ai mà trông thấy cái hắt hiu của kiếp người vô thường, cái không hư của thế cuộc phế hưng? Mắt nào chứng kiến được cái ấy? Cái không khí bàng bạc khắp pho truyện 120 hồi, ngoài đời không thể trông thấy nó đâu cả. Cái đó không hề có ở ngoài đời. Cái đó là linh hồn của một tác phẩm nghệ thuật.
Và nghệ phẩm cần có một linh hồn. Nếu không nó vô vị, dù tinh vi tỉ mỉ đến đâu.
Vô vị như một cái cây thật?
Vâng, mặc dù nó chính là cây thật. Chỉ có thứ cây không thật mà do một nghệ sĩ chăm nuôi cho giống cây thật mới có được một linh hồn.
Cây giống cây hay ho như thế, thực tội nghiệp cho bao nhiêu là thứ truyện viết về những cái không giống ngoài đời: cảnh không giống cảnh, người không giống người ngoài đời...
Ấy! xin đừng tội nghiệp nó. Nó hay ho theo lối khác. Nếu vẫn thích ví von thì chơi kiểng có ba bảy kiểu chơi kiểng, lẽ nào truyện lại chỉ có một lối truyện?

**Võ Phiến**

E ị!

**Mùa xuân, con én**

“Mùa xuân con én đưa thoi”
Nguyễn Du

Người ta vẫn có một cách chăm sóc các giống vật bằng... từ ngữ. Được chăm chút thì con heo còn là con lợn, trong loài có heo nái, heo nọc, heo lứa v.v...; con bò sinh ra con bê, con nghé v.v... Xa cách cuộc sống con người, như công như nai..., đâu có được hưởng nhiều từ ngữ đến thế.
Có chú ý đến mới có nhiều phân biệt, có phân biệt mới cần đặt ra nhiều tiếng gọi. Nếu sự thực quả có vậy thì con én ở ta đáng thương quá chừng: người Việt Nam không quan tâm đến nó chút nào.
Con sâu cái kiến đều có tên, nhưng con én không có tên gọi. Mãi đến khi tiếp xúc với dân tộc Trung Hoa, ta mới mượn của họ chữ yến mà gọi bừa đi.
Bừa thực chứ: con hirondelle, con sterne, con salangane, v.v... của người Pháp, đối với ta đều là én tất. Về sau này, loài chim trắng có, vàng có, nâu có, loài serin, canari theo tiếng Pháp, đối với ta cũng là yến nữa! “Én”, “yến” tuốt hết, bất cần phân biệt.
Người Tàu, đối với con yến, họ có những lối gọi mô tả: huyền điểu, du ba điểu, ất điểu. “Con chim đen”, “con chim giỡn sóng”, “con chim bay lăng quăng”. Không yêu nó, không theo dõi hình dáng, màu sắc, điệu bay của nó với con mắt âu yếm thì không thể có những tên gọi như vậy.
Còn chúng ta, đáng “yêu” như cái tổ yến mà chúng ta cũng không thèm “chi” cho một từ ngữ. “Yến sào”, người Tàu gọi sao ta gọi vậy, thế thôi. Ta cứ gỡ bán đều đều, cứ xơi đều đều, mà không cần gọi tên.
Một cái tên gọi cũng không có, cho nên con én ở xứ ta chẳng được tìm hiểu bao nhiêu.
“Mùa xuân con én đưa thoi”. Nhà thơ nói vậy là nói về con én bên Tàu. Ở xứ lạnh, mùa rét én đi mùa ấm én về; chứ còn ta mùa nào mà chẳng có én quanh mình? Ở các bờ biển Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, người ta gỡ tổ yến đợt chót cho đến cuối tháng bảy âm lịch mới xong.
Én ăn gì, ta cũng không biết. Ta gọi một thứ én muỗi, một thứ én... cỏ! Có người bảo nó ăn rau câu ngoài bể, cho nên tổ nó giống như kết bằng rau câu. Có người bảo nó ăn bọt bể. Lại không biết có người nào đó thuyết phục ông cố Alexandre de Rhodes rằng con én Khánh Hòa nó tìm hút nhựa cây trầm hương, cho nên tổ của nó thơm tho! Vất vả thay con én Khánh Hòa!
Cái ăn đã thế, cái chết của én càng bí mật. Những người thợ lấy tổ yến, sống chín tháng mỗi năm ngoài đảo cô quạnh, từ năm này sang năm khác, đều ngơ ngác hỏi nhau: Én nó chết ở đâu nhỉ? Những con én già nó xuống nước trở về làm bọt nước chăng? Nó lên trời theo ông Thiên Vương Phù Đổng chăng? Không ai ăn thịt én, sao mà cũng chẳng ai thấy xác én? Họa hoằn mới có một con én chết vì tai nạn bên tổ, thì xác nó không rữa không thối mà khô đét lại như xác ướp các ông vua Ai-cập: cái gì lạ vậy?
Thế rồi lại còn giấc ngủ của loài én. Có ai trông thấy một con én nhác nhớn ngủ vào giờ nào chăng? Những người làm nghề giữ tổ yến, bóc tổ yến, sống với yến nhiều năm vẫn bảo rằng yến làm tổ ríu ra ríu rít suốt đêm, còn ban ngày nó bay vụt ra ngoài khơi biền biệt.
Chim đêm là nó, chim ngày cũng là nó. Nó sống vội sống vã. “Bỉnh chúc dạ du”, nhà thơ có ý thức nhất về cái ngắn ngủi của kiếp sống cũng không vội vã hơn con én.
Cái ăn cái bay của lòai én đã làm tôi khoái nó muốn chết hồi thơ ấu.
Trên ruộng lúa tháng ba vừa cắt xong, không biết én nó tìm đớp con muỗi con mòng hay con sâu con bọ gì mà nó bay thật thấp, nó ngoặc những đường tới lui thật bất ngờ. Trông én bay chừng vài ba chục con như thế, nó rộn ràng, vui không chịu được: đứa trẻ tiếc mình không cánh, nôn nao cả ruột gan. Én nó bay ngang tầm tay, hay thấp dưới đầu gối, từ xa nó lao tới như muốn đâm ngay vào bụng mình, đột nhiên nó lách qua một bên. Lúc nào đứa trẻ cũng tưởng có thể chộp lấy một con én dễ như chơi, nên múa tay khoa chân lung tung, nhưng dĩ nhiên không bao giờ xảy ra cái chuyện hoang đường trẻ bắt én bằng tay không giữa đồng! Không có đâu.
Dù không bắt được cũng không giận được. Đứa trẻ bị én nó trêu chọc vẫn có cảm tình với loài chim trời duy nhất biết đùa giỡn, nghịch ngợm, “chịu chơi”.
Bay hình chữ ất là bay một cách đáng yêu như thế.
Đến như giờ giấc sinh hoạt của én, về sau này lớn lên, đi đây đi đó, tôi không ngớt ngạc nhiên.
Sau một ngày đường vất vả, đến một thành phố lạ, bạn vất hành lý ở lữ xá, dạo xem mấy đường phố qua loa, ăn tối, rồi đánh một giấc li bì. Nếu tại lữ điếm, dưới mái ngói mà có một đàn én, thì cái lúc thức giấc của bạn vào buổi sáng hôm sau sẽ là tuyệt vời.
Đêm lữ thứ mà gặp nhà trọ nuôi bồ câu, thì mờ sáng khách sẽ rầu thúi ruột về cái tiếng rì rầm, đùng đục, cái lối âu yếm rầu rĩ, làm hỏng cả buổi bình minh. Trái lại, tiếng én kêu là cả một sự tưng bừng. “Chrirr... chrirr...” Én kêu như thể ta chụp mạnh tay xuống một con chút chít, đệm không khí vồng lên, dội lên, rung rung. Như thứ lò-xo âm thanh khua rung không gian.
Năm giờ, năm rưỡi. Một lúc nào đó, trời hãy còn tối, nhưng én nó đã bắt được tin vui, đã chộp được dấu hiệu bình minh. Thế là “chrirr.. chrirr...” Ban đầu thưa thớt một con én, vài con én kêu. Rồi mỗi lúc sự hưởng ứng mỗi rộng rãi, khắp trời.
Bạn xô một cánh cửa sổ, nhìn ra: Vẫn còn tối. Trên bầu trời hãy còn tinh tú nhấp nháy, không thể phân biệt tăm dạng một bóng chim nào, tất nhiên càng không thể trông thấy một dáng én tí tẹo. Nhìn xuống phố xá hãy còn vắng tanh. Bất quá ở một bãi đất trống, ở một góc đường, thơ thẩn mấy con chó con mèo... Thế mà én đã rộn ràng.
Thế rồi, một lát sau, sinh hoạt thành phố mới bắt đầu bằng tiếng rao hàng của mấy đứa trẻ: “Mì nóng đây! Mì ngọt, mì lạt!”, bằng bóng người chệt già lom khom đạp chiếc xe, miệng hít mạnh một khói thuốc cho ấm, chở đi không biết món hàng cồng kềnh gì sau poọc-ba-ga... Rồi tiếng xe gắn máy, tiếng cửa lùa mở từ đầu phố này đến cuối phố nọ... Thành phố đã tỉnh dậy, dưới đất.
Trên trời, én như được khuyến khích, như đắc thắng, càng ríu rít hơn. Bây giờ trên nền trời xanh bạc đã trông thấy những cánh én lao tới lao lui, rộn cả lên. Chrirr... Chrirr... nó cuống quít, nôn nao, rộn rực một niềm vui không chịu được, niềm vui rung lên trong tiếng kêu.
Nhào lộn ngoài trời một lát, lại có một con én bay vụt vào dưới mái ngói, đến sát bên cạnh tổ, nó chao qua chao lại, chập chờn cặp cánh nhọn như vẫy chào cái tổ rồi bay vụt đi. Nó không vào tổ, nó không đậu, không nghỉ, nhưng nó trở về, ghé chào, rồi ra đi. Không hiểu tại sao vậy.
Chỉ biết, đối với du khách, những tiếng kêu mừng như thế trong buổi bình minh, dáng én lao xao bên cửa sổ lúc mờ sáng, những cái ấy làm cho tách cà-phê uống đầu tiên, tô hủ tíu ăn trong bữa lót dạ đầu tiên ở thành phố lạ được thêm thú vị. Không sao? Trước niềm vui của đàn én, người khách vô tình nhất cũng không ngăn được một cảm tưởng lạc quan, yêu đời. Giữa đô thị, được đánh thức bằng tiếng chim như thế, trong không khí lành lạnh của tinh sương, khoác vội chiếc áo, xỏ chân vào dép, bước đi trong tiếng đôn đốc, giục giã của đàn én sớm, tìm gấp một quán cà-phê, mở con mắt không thành kiến ngơ ngác nhìn vào cái bắt đầu của một quang cảnh sinh hoạt mới lạ, như thể mở ra một cuốn sách mới mua về, mới đọc thử mấy trang... Như vậy chẳng cũng sướng sao?

Riêng phần tôi, tôi không quên được mấy chú én tiễn biệt lần đến chơi Hà Tiên cách đây hai năm.
Hôm rời Hà Tiên về, chúng tôi dậy thật sớm. Trời bên ngoài hãy còn tối, chúng tôi bật đèn trong phòng lên. Phòng ngủ trông ra bờ sông, bên kia sông là ngọn núi Tô Châu.
Chúng tôi còn đang xếp mấy món đồ vào va-li thì bỗng đâu một chú én lao vào mùng, đậu trên mép giường, nhìn ngơ ngác. Một chú rồi một chú khác, một chú nữa... Én vốn lanh lẹn; tôi không hiểu tính nết, tập quán của én ở đây nó ra làm sao mà khiến tôi bắt được rất dễ dàng mấy chú én trong phòng.
Lấy cặp ra, mở phẹc-mờ-tuya, bỏ én vào làm chút kỷ niệm.
Tám giờ sáng, bước xuống một chiếc giang tốc đỉnh, ngồi một lát tôi chợt nghe bên mình có tiếng lẹt sẹt kín đáo, rụt rè. Nhìn lại: thì là tiếng phát ra từ cái cặp da. À! Tôi nhớ ra hai chú én bị nhốt. Hẳn là hai chú muốn nhắc nhở điều gì. Tôi kéo phẹc-mờ-tuya hé ra một chút; trong ngăn cặp tối một cặp mắt long lanh, một cái đầu thò lên, dò hỏi. Không thấy tôi phản đối, chú én vụt lao ra. Một chú rồi hai chú.
Phải chứ, đến với nhau một chút cho vui vậy thôi. Khách đã lên đường, đây là lúc én trở về với núi Tô Châu chứ.

Tôi cũng không quên cái đêm ở Phan Thiết. Buổi chiều lỡ một chuyến bay, phải ở lại một đêm bất đắc dĩ với tất cả sự bồn chồn lo lắng về bao nhiêu công việc dở dang ở Sài Gòn.
Tôi trở về một phòng ngủ cũ kỹ bên bờ sông. Mới chạng vạng tối, én đã ré lên, rít lên quanh nhà. Tiếng kêu rối rít, điệu bay rối rít làm bấn loạn ruột gan.
Đêm đến, mười giờ, trời bắt đầu mưa. Kẻ lỡ tàu thao thức nghĩ đến căn bệnh của người thân trong gia đình đang còn nằm bệnh viện, nghĩ đến một tòa soạn đang chờ bài, đến một cuộc hẹn lỡ làng, một ngày kỵ giỗ gần kề, vài lời nói thất thố đang ám ảnh mãi, gây cảm tưởng bất an khó chịu v.v... Bên ngoài, én vẫn ríu rít trong tiếng mưa đêm.
Vào khoảng một giờ sáng, mưa như ngớt tạnh, người đã mệt lả trong những nghĩ ngợi triền miên. Khoảng ba bốn giờ, mưa lại đổ nhẹ trên mái ngói. Và bên sông, trong mưa vẫn xen vào tiếng én.
Trời! Én nó thức làm gì mà đêm hôm khuya khoắt, và gió mưa dầm dề nó vẫn không ngừng kêu, mà tiếng chim luôn luôn lẽo đẽo quanh quẩn bên mối ưu tư của khách vậy? Mà nó thành ra một thứ bạn tâm tình cố thiết không rời nhau suốt năm canh dằng dặc của những khách lữ thứ bồn chồn thấp thỏm vậy? Việc kiếm sống của nó khó khăn đến thế sao? Một tinh thần nại khổ như vậy đáng được tưởng thưởng, ít ra bằng cái chất nhựa trầm hương thơm tho hiếm hoi của ông giáo sĩ Đắc Lộ mới được.
12 - 1973

**Võ Phiến**

E ị!

**Cái còn lại**

Năm đó chàng độ hăm lăm hăm sáu tuổi. Không chừng đến ba mươi cũng nên. Chàng không nhớ rõ: vào khoảng từ hăm sáu tới ba mươi. Một đêm đầu tháng chạp mẹ chàng trở bệnh. Hai giờ sáng, chàng lấy tờ báo chiều hôm trước ra tìm bác sĩ trực.
— Đường Võ Di Nguy, số chừng ấy, khoảng nào nhỉ? Số lẻ, phía bên nào nhỉ?
Cả nhà không ai nghĩ ra. Một danh từ, một con số, không có gì đặc sắc cả, không ai để ý đến, không ai có một ý niệm gì hết.
Khi chiếc tắc-xi ngừng, chàng nhận thấy phòng mạch này cũng có vẻ quen quen, chàng đã đi ngang qua nhiều lần.
Thủy đỡ mẹ xuống xe. Chàng bấm chuông gọi. Đây là lần đầu chàng đến phòng mạch ban đêm. Trước nhà, dưới ô-văng, có một ngọn đèn đặt trong hộp kính mờ, bên ngoài vẽ dấu chữ thập đỏ. Ánh sáng lãnh đạm, buồn hiu. Năm ba con vật li ti có cánh bay lởn vởn. Một con thằn lằn rình trên vách, gần đấy. Làm sao biết có người thức nghe tiếng gọi của chàng vừa rồi?
Chàng ngần ngại, rồi bấm chuông lần nữa. Một ngọn đèn khác, cũng bóng đục, nhỏ bằng quả bóng bàn, bật sáng ngay phía trên cửa sổ. Bên trong đã trả lời.
Lát sau người y tá mở cửa, mời vào. Lại chờ đến năm phút nữa là ít. Phía trong phòng việc của bác sĩ, người y tá đi lại, mở đèn, khua động. Bên ngoài, chàng nhìn vơ vẩn từ tấm lịch đến mấy bức tranh cũ trên vách. Vách bẩn, đã quá lâu không quét vôi lại. Căn phòng có vẻ không được săn sóc.
Viên bác sĩ lặng lẽ làm việc, hỏi rất ít, nói rất ít, dáng điệu mang nặng giấc ngủ. Ông chích cho mẹ chàng một mũi kim, pha trộn bằng hai thứ thuốc. Ông ta nói với cô y tá vắn tắt, thấp giọng một cách biếng nhác, thiếu cố gắng. Nhiều lần ông phác một dấu hiệu nhỏ thay cho lời nói. Họ hiểu với nhau. Không phải viên bác sĩ làm việc không cẩn thận. Lúc ngồi viết toa thuốc cho mẹ chàng, ông ta có lần ngừng lại để nghĩ ngợi, đắn đo. Ngón tay trỏ của bàn tay trái, một ngón tay to lớn đè lên cánh mũi, ấn xuống, buông ra, rồi ấn xuống. Mẹ chàng bận bịu với các khuy áo trong áo ngoài phải cài lại. Thủy và chàng theo dõi ngón tay băn khoăn của bác sĩ trong giây phút trở thành nghiêm trọng. Cô y tá nhìn nét mặt chàng, chia xẻ sự lo lắng.
Có lẽ vì sự lo lắng ấy, vì một ngón tay đã ấn trên một cánh mũi đồ sộ của viên bác sĩ, cũng có lẽ vì là một cuộc khám bệnh hai giờ sáng, vì là một con bệnh hiếm hoi, cho nên mẹ chàng được cô y tá đưa ra tận lề đường. Khi chiếc tắc-xi rồ máy, gài số, sắp chạy, chàng nghe cô ta đập gọi ngoài hông xe. Chàng vội mở cửa ra, để được chỉ cho thấy một chéo áo dài của mẹ chàng bị kẹt vào cửa xe, ló ra bên ngoài. Chàng nói cảm ơn, cô y tá quay vào không kịp nghe.
Sáng hôm sau chàng lại trở lại phòng mạch. Cô y tá ngồi một mình ở phòng khách, lom khom dũa móng tay. Vóc người rắn chắc, tròn trịa, đẹp. Nước da không được sáng, hai cánh tay phơi trần ngoài tay áo blouse có nhiều lông, không phải thứ lông tơ yếu ớt mà là những sợi lông đen khá dài. Nhìn vào mặt, chàng nhận thấy lông mày của người con gái cũng mạnh mẽ, rậm rạp. Hình như trong dòng dõi cô ta có pha một chút máu Ấn-độ? Có lẽ vì vậy nên cô ta có cái mũi tuyệt khéo, sống mũi cao hơn mũi phần nhiều người Việt Nam.
Cô ta vội hỏi: “Cụ không bớt đau sao ông?” — “Bớt. Có khá. Nhưng có một thứ thuốc trong toa tìm mua không được. Tôi tới xin bác sĩ đổi cho thứ khác.” — “Ông chờ tí. Bác sĩ chưa đến.” — “Trực một đêm, mỏi mệt. Cô đến sớm nhỉ.” Người con gái mỉm cười, cúi xuống móng tay. Một bà giúp việc, độ trên bốn mươi, mặc tạp-dề xanh, từ phía sau đi ra trước nhà, băng ngang qua phòng khách. Một lát rồi lại trở vào, băng qua phòng khách, đi luôn vô một phòng nào ở sau.
“Cụ được sáu mươi chưa...?” Chàng đáp: “Có lẽ chưa tới đâu cô, tôi không nhớ rõ.” — “Trông cụ có vẻ yếu đuối... Cô đi theo đỡ cụ đêm hôm đó là...” — “Cô đoán coi là gì với tôi?” Người con gái nhếch cười nhưng không nói gì, vẫn cúi xuống móng tay, chờ đợi. Chàng hỏi: “Cô trông nó giống tôi không?” — “Nếu không giống tôi đã không hỏi.” — “Đàn bà con gái ý tứ thật. Bọn tôi, cứ... thắc mắc là hỏi liền!” Hai người cười với nhau; chàng cười xòa, còn người con gái thì hưởng ứng lặng lẽ.
Cô ta hỏi tiếp: “Em kề?” — “Kể như kề. Nó có con chị, mất từ nhỏ. Chắc nó cũng một tuổi với cô.” — “Cô ấy năm nay bao nhiêu?” — “Mười chín.” Một chiếc xe chở gạch vừa chạy ngang qua trước nhà, cô y tá không nghe được tiếng chàng nói. Cô ta ngẩng đầu, hơi nghiêng mặt về phía chàng, nhướn mắt lên, nhướn riêng con mắt phía chàng, làm cho vòng mi bên ấy vươn cao lên, cong vòng. Cử chỉ thay thế một câu hỏi tỏ ý bảo chàng lặp lại câu nói vừa rồi. Cô ta tự cho phép một sự thân mật bất ngờ. Con gái khi phải đi bước trước, họ cũng đi một cách tài tình, kín đáo.
Một lát sau, khi viên bác sĩ đến, thì chàng đã kể cho cô gái biết chàng đang theo học ở đâu, tuần trước chàng tập nhu đạo bị trẹo xương như thế nào, và cô ta đã kịp nói cho chàng biết cô sắp thôi làm việc ở phòng mạch này, cô không phải là y tá, không biết thuốc men gì cả v.v...
Chàng hỏi bác sĩ xong, trở ra, phòng mạch vẫn chưa có thêm người khách nào. Cô y tá đứng vịn tay lên cửa nhìn theo chàng. Gọi được xe, chàng giơ tay chào, cô ta yên lặng cười, không làm dấu gì để đáp lại, nhưng tiếp tục cái nhìn săn sóc cho đến khi xe chạy.
Về nhà, chàng bắt đầu tẩn mẩn để ý đến vài vấn đề: phòng mạch này không phải là nhà ở, chỉ là một căn phố nhỏ thuê để tiếp khách, viên bác sĩ đến đó để khám bệnh rồi về, vậy những đêm trực chỉ có một ông với một cô y tá, họ ở lại như thế nào? cô ta là gì đối với viên bác sĩ? một cô em họ, một cháu gái? một người giúp việc? điều này có liên quan gì tới quyết định thôi việc của cô ta? Và chàng với cô ta sao gần nhau dễ dàng, giản dị quá, việc hai người sẽ thân nhau không có gì tự nhiên hơn, như không sao tránh được.
Nhưng không phải mỗi lúc người ta mỗi có dịp đi tới phòng mạch bác sĩ.
Một hay hai tháng sau, mua đôi giày ở một tiệm gần đấy, chàng sực nhớ, ghé vào xem thì quả phòng mạch đã có cô y tá khác.
Từ đấy căn phố nhỏ có chữ thập đỏ trên hộp kính mờ ấy trở lại lặn vào đám đông vô danh của nhà cửa đô thị. Chàng đi qua đi lại không chú ý đến nó, không nhớ gì về nó nữa. Nó lại trở về gia nhập vào những cái nhàm chán của cuộc sống thường nhật. Không ai có thể lưu ý đến từng ngôi nhà bên đường đô thành. Đường Võ Di Nguy, số lẻ, phía nào nhỉ? Cả nhà chàng lại không ai nhớ ra.
Có lần, độ chừng một năm sau đó, ở ngã bảy Chợ Lớn, đường bị kẹt vì một đám ma lớn kéo đi chậm chạp, chàng dừng xe ở đường này trông thấy ở đường kia một người con gái mặc chiếc áo vàng, tay xách chiếc giỏ mây, đi bên cạnh một người con gái khác, vừa đi vừa nói cười, cả hai tiến sâu vào một ngõ hẻm. Trông như họ đi chợ vừa về. Chiếc giỏ có vẻ nặng, cô gái hơi nghiêng người nhưng bước đi vẫn nhanh. Chàng nhận ngay ra cô y tá năm trước, và đột nhiên nhận rõ mối cảm tình của mình đối với cô ta. Chàng nghĩ đến một chi tiết chưa bao giờ nhớ tới, từ hồi ấy đến giờ: lúc viên bác sĩ vào phòng mạch, cô ngừng câu chuyện đang nói với chàng, đứng lên, chợt bắt gặp mắt chàng đang nhìn vào cánh tay cô, cô ta nhoẻn cười lấy bàn tay kia xoa mấy vòng lên cánh tay bị nhìn. Nhiều sợi lông rối lại, rồi bung ra. Cô ta ngượng vì những sợi lông ấy, hay hãnh diện vì chúng? Chàng nghĩ: cô không nên ngượng nghịu, hãy cứ để yên thế, chúng nó kích thích.
Những cuộc gặp gỡ như thế không soi sáng, không giải thích gì thêm cho nhau. Chúng chồng xếp lên nhau, không liên hệ.
Bây giờ là ba mươi năm sau. Cuộc sống thường nhật càng đầy dẫy những cái vô danh mù mịt, lu lít, nối nhau kế tiếp lướt qua đời chàng, không một khua động. Một buổi sáng, bỗng nhiên chàng nhớ đến cô y tá đêm nọ ở phòng mạch một bác sĩ trực.
Bây giờ mẹ chàng đã qua đời trên mười lăm năm, tóc trên đầu chàng mười phần bạc đến bảy tám, và rụng mỗi ngày một nhiều, phơi lộ những khoảng da đầu láng bóng;
Bây giờ, sau khi chàng có một người vợ thứ nhất, người ấy chết vì một mụt độc sau lưng, đứa con lớn đăng lính, lấy vợ, ở lại ngoài Bắc, không tin tức, không buồn liên lạc với chàng, đứa con gái kế lấy chồng làm thợ sửa máy thu thanh, sau khi chàng có người vợ thứ hai, người này gian díu với một thằng bạn khiến chàng nhúng tay vào một vụ sát nhân, sau khi mãn tù về, ngán ngẩm chuyện vợ con, xế chiều chàng tình cờ gặp người đàn bà luống tuổi hiện đang ăn ở với chàng;
Bây giờ, khi hầu hết những hy vọng, dự định về cuộc đời của chàng đã tan vỡ hết, trong một trăm điều dự tính có chín mươi chín điều sụp đổ, chàng sinh sống bằng nghề chăm nom vườn hồng ba mươi tám giống hoa của một người chủ Huê kiều, thỉnh thoảng có dịp hưởng chút hãnh diện nhỏ nhặt khi được thi thố một vài hiểu biết chuyên môn. Một buổi sáng trời kéo dài một trận mưa lôi thôi sùi sụt, ngồi buồn với tờ nhật trình cũ ngày hôm trước, bỗng nhiên chàng sực nghĩ tới những gì loáng thoáng xảy ra giữa chàng với cô y tá nọ, chàng, ngót sáu mươi tuổi đầu, và cô con gái mười chín.
Giữa khoảng cách từ sự việc loáng thoáng xảy ra đó đến ngày nay chàng đã ba lần vào dưỡng trí viện (lần sau cùng ở mãi hai năm rưỡi, tưởng không khỏi điên), chàng đã đền tội bốn năm ngoài Côn Lôn, sáng sáng cùng đoàn tù nhân khổ sai nối đuôi nhau trên con đường trải nhựa độc nhất trên đảo, lặp lại muôn lần như một cuộc hành trình duy nhất suốt năm này qua năm nọ từ lao xá đến rừng, để chiều đến lại nối đuôi thả bộ mười cây số trở về chỗ nằm của mình, chàng đã tự tử hụt một lần, suýt chết vì bệnh lao phổi một lần v.v..., và ngày nay, một buổi sáng trời mưa, trong không gian kéo dài một điệu hát nhão nhòe nhão nhoẹt từ một máy thu thanh nào phát ra, chàng bỗng nhớ đến sự việc nhỏ nhặt, loáng thoáng ấy.
Ngày nay sáu mươi tuổi già, đầu tóc mười phần bạc đến bảy tám, ngồi một mình với tờ nhật trình cũ và tách cà-phê ba đồng nhấm nghe chua chua, chàng chợt thấy lại sự việc cũ; giống như một hôm, trưa nắng, một người đứng trên miệng giếng cúi nhìn xuống lòng giếng quang tĩnh chợt trông thấy cả đáy cát trắng, thấy một mẩu dây dừa, một chiếc gàu rách đứt dây nằm đó từ năm nào, thấy chiếc gương con bỏ túi của chị Hai bị tuột rơi hồi chị còn giúp việc trong nhà (bây giờ chị đã có chồng có con, đi làm ăn phương xa), và lẫn lộn giữa những thứ ấy là một món đồ chơi bằng nhựa (một chiếc máy bay? một chiếc xe hơi?) chính ta đánh rơi năm xưa. Hóa ra những cái ấy vẫn còn, còn cả, được giữ ở một nơi nào đó, giữ hầu như y nguyên mà vô dụng. Để một buổi trưa quang tĩnh, ta tha hồ nheo mắt nhìn, ngắm nghía.
Chàng ngồi với tách cà-phê chua và nguội; bên kia đường, trong một gian nhà cửa đóng, từ bên trong lọt ra qua các khe lá sách ánh đèn vàng cạch của một bóng điện độ bốn chục nến thắp suốt ngày. Cái ánh đèn bất động và ngoan cố ấy... À, đó cũng là ánh đèn chàng bắt gặp buổi sáng năm xưa, trong lúc ngồi nói chuyện với cô gái (vốn không phải là y tá) ở phòng mạch, mắt thỉnh thoảng nhìn sang căn nhà sát bên cạnh. Có lẽ đó là ngọn đèn chong trong kho chứa hàng của một tiệm Tàu.
Trời, một ngọn đèn vàng cạch tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đâu đó nơi chàng suốt ba mươi năm.
12 - 1966

**Võ Phiến**

E ị!

**Xem sách**

Chàng nhổm dậy, hạ lưng ghế xuống thêm một bực nữa. Rồi xoay người lại, nằm thử. Bấy giờ thì thật là hoàn toàn thoải mái. Chiếc ghế vải này vừa vặn lắm.
Ở hè nhà, phía ngoài đường lớn, có tiếng rắc rắc đều đều của chiếc tông-đơ hớt tóc đang hoạt động. Người thợ đặt một bàn làm việc nhỏ ngoài hè. Còn phía bên này thì có con hẻm lát gạch tử tế, hẻm vượt quá nhà chàng là tịt: một ngôi nhà chận bít nó lại. Ngay trước nhà ấy có chum nước, lâu lâu nghe có tiếng người ra chum múc nước rửa ráy. Tất cả những tiếng động ấy, những hoạt động ấy, đều ở bên ngoài. Tất cả chỉ củng cố thêm cảm tưởng an toàn của chàng. Chàng hoàn toàn được an toàn lúc này, không còn nghi ngờ gì nữa.
Bên ngoài trời lại vừa đổ mưa nặng hột nữa. Càng tốt. Như thế càng tăng thêm cảm tưởng an toàn. Không nghe tiếng mưa rơi, nhưng khi mưa đã đủ nhiều thì nước từ máng xối đổ xuống lách tách. Chàng đánh diêm châm thuốc. Hút cho ấm, ngả người trên ghế vải, trong một gian phòng đóng cửa thật kín, gian phòng của chàng, bên cạnh kệ sách, chiếc giường, và những áo xống của chàng mắc trên vách...
Trong tấm gương ở mặt tủ, chàng chợt thấy phản chiếu đầu chàng, ngậm píp. Trong gian phòng lờ mờ cái đầu thiếu chi tiết trông quả là giống bức họa của Liêu Hà vừa trông thấy ngoài hè phố. Họa sĩ Liêu Hà là bạn chàng từ ba mươi năm. Hắn ta đã theo dõi khuôn mặt và đầu chàng từ lâu. Trong ba mươi năm, tùy theo các phong trào nghệ thuật kế tiếp nhau — ấn tượng, siêu thực, lập thể, vô hình dung, trừu tượng v.v... — hắn đã vẽ nhiều đầu và mặt chàng, khi theo lối này khi theo lối khác.
Còn chàng, đâu phải vừa. Thoạt tiên, khi mới có thơ đăng báo lai rai, chàng lừa cơ hội đưa ra tấm hình đẹp trai nhất của mình. Cái hình trong đó chàng ăn mặc chỉnh tề nhất và mỉm cười. Về sau, chàng thích được chụp hình với mấy cuốn sách trên bàn. Trên ba mươi tuổi, hồi đó chàng đã vững chỗ ngồi trên thi đàn, tâm hồn đã chín chắn hơn, chàng ăn mặc tự nhiên có chút cẩu thả: thường thường chỉ có sơ-mi, không cà-vạt; gương mặt có nét suy nghĩ thường xuyên. Đến lúc chàng bắt đầu mang kính trắng và hút píp thì Liêu Hà kiểu thức hóa cái đầu chàng một cách tài tình bằng ít nét đơn sơ. Trông qua, nhận ngay ra chàng. Điều quý báu hơn nữa là còn nhận được kẻ có khuôn mặt ấy phải là một nghệ sĩ đang có nhiều băn khoăn trước cuộc đời. Hai con mắt với cặp kính tròn xoe thao láo nhìn vào một nỗi hoang mang đáng hãi. Đó là chàng, mà đó cũng là một nghệ sĩ nói chung của thời đại, là một biểu hiệu đẹp đẽ dùng chung cho cả giới. Chắc chắn vì thế mà hình vẽ của Liêu Hà được phổ biến rộng rãi nhanh chóng, lắm khi được dùng như một hình trang trí ở mục thi ca các tạp chí. Dần dần, đối với đa số độc giả nó không còn là khuôn mặt chàng, khuôn mặt của một ai nữa; đó là khuôn mặt của nghệ sĩ. Chẳng bao lâu, đó sẽ là khuôn mặt của nghệ thuật.
Ban chiều, lúc dừng chân bên một hàng sách lộ thiên ở đường Lê Lợi, chàng trông thấy cái đầu kiểu thức hóa của mình trên bìa một tờ báo. Đây có vẻ một tờ nội san, ruột in ronéo, nhưng bìa in màu tử tế. Trời mưa lắc rắc, chủ hàng phủ lên sách một tấm ny-lông. Qua tấm ny-lông cũ lấm tấm nước, chàng đứng nhìn khuôn mặt mờ nhòe của mình một lúc.
Không ai biết, người chủ hàng sách, những người qua lại, những người mua sách loanh quanh bên cạnh chàng, không ai biết, không ai nhận ra liên hệ giữa chàng và cái hình vẽ trên bìa báo nọ, tuy hình vẫn giống chàng. Rất giống, nhưng giữa một bức chân dung đẹp với một thi sĩ trên năm mươi tuổi già, dựng chiếc xe gắn máy bên lề đường, dạo xem sách lộ thiên, mưa rơi trên mái tóc bạc... Một bên đi vào thế giới những trừu tượng không suy suyển của nghệ thuật, một bên đang chịu những khốn đốn của một thể xác nặng nề đến thời hủy hoại.
Nhìn khuôn mặt mờ nhòe của chính mình qua tấm ny-lông che mưa, chàng đã nghĩ đến điều ấy. Chàng cũng nghĩ đến tất cả những lòng vòng dài dằng dặc của con đường gian nan đi tới vinh quang, những lo lắng, mưu mẹo, những xung đột, va chạm, những thất bại dọc đường. Dĩ nhiên không quyền lực nào có thể bắt được chàng đi lại con đường đó, không ai đi lại con đường đời mình hai lần, tuy vậy nghĩ đến chàng vẫn ngại. Dĩ vãng như một công trình cố gắng quá lớn lao, chàng không đủ sức chịu nổi một ý nghĩ về nó nữa.
May thay, chàng đã nằm trong phòng, gian phòng của chàng. Chàng hút thuốc. Và khói thuốc bay lên trong phòng chàng, thong thả, điềm tĩnh, yên ổn hơn bất cứ bay ở đâu. Chàng đã ở bên cạnh những cuốn sách xếp trên kệ, vứt trên bàn: đó là những thứ hết sức hiền lành. Bốn mươi năm gần gụi đã cho chàng biết chắc chúng không thể làm được điều gì bất ngờ. Bên cạnh chúng, chàng tha hồ yên tâm.

Chàng chỉ yên tâm được bên lũ sách của mình. Không thể yên ngay cả ở những tiệm nước ba tàu, nơi mọi người vẫn tự do đến tiêu phí thì giờ thừa thãi, tự do ngồi dựa vách lơ mơ hàng giờ, khạc nhổ v.v...
Chàng vào một tiệm như thế. Bàn bên cạnh gọi hai ly cà-phê sữa. Chàng vẫy bồi bàn lại: một chú nhỏ béo bự, con mắt bên trái mang một cái bướu sưng vù bằng quả cam. Mắt bên ấy bị híp mất, có lẽ từ nhỏ. Hắn đến, nghiêng người xuống (chàng có tính gọi món ăn món uống giữa chỗ đông người bao giờ cũng kín đáo, nhỏ tiếng). Chàng dặn: một tách sữa nước sôi, cho vào chút cà-phê, ngần này. Chàng dùng hai ngón tay ra dấu cho hắn thấy rõ: chỉ một xíu. Dứt lời rồi, chàng lại thêm: “Một tí ti, cho sữa khỏi tanh thôi. Tôi không chịu được cà-phê nhiều: nhức đầu.” Chàng vỗ nhẹ vào trán, nơi chàng thấy nhức đầu, rồi cười với chú bồi bàn...
Nghe xong, hắn ngửng mặt lên, la lớn:
— Hai cà-phê sữa! Một sữa cà-phê!
Chàng nhìn lên: nét mặt hắn ta tỉnh khô. Hắn đã quay sang phía khác. Tất cả sự căn dặn tỉ mỉ của chàng bị đơn giản hóa một cách thô lỗ. Chàng cảm thấy bị phản bội. Sự cố gắng dài dòng thân mật của chàng bị hất gạt ra bất ngờ, hóa thành lố bịch, lẩm cẩm. Không khí sinh hoạt trong tiệm đột nhiên lạnh lùng, tàn nhẫn. Chàng thấy sự trống trải quanh mình, và không muốn ngồi lâu.
Trí chàng mãi không rời khỏi sự việc nhỏ nhặt vừa xảy ra. “Phải, chàng đã chờn vờn tới gây thân thiện. Chàng cần gì phải cắt nghĩa như thế về chuyện nhức đầu nhức óc. Đó chỉ là do sự tử tế của chàng. Quá đáng đối với một chú bồi bàn. Thế mà hắn ta...”
Cái lưng đầy mỡ của hắn, suông đuột từ trên xuống dưới, không eo. Con mắt, thoạt người ta chỉ chú ý tới chỗ tàn tật lớn ở phía trái choán đầy khuôn mặt, không ai ngờ đến cái láu lỉnh nơi con mắt còn lại... May thay, cuối cùng chàng lại trở về nằm trong gian phòng, của mình, không một phiền hà. Tất cả mọi rầy rà đều được trút bỏ ngoài cửa phòng, như người ta chùi đế giày trên tấm thảm để gạt lại những bùn đất trước khi bước vào nhà. Ở đây chắc chắn không có một ai khác ngoài chàng. Một sự cô đơn ấm áp.
Giã từ cái dạ con của mẹ để ra ngoài đời, con người vẫn luôn luôn mơ hồ nhớ về chỗ quê hương nguyên thủy của mình, nơi mình đã trải qua một thời cô đơn trong ấp ủ ấm áp. Một nghệ sĩ già, thỉnh thoảng ngắm nghía mấy chùm tóc bạc óng ánh như cước của mình, cần được ngắm nghía trong khung cảnh an toàn như thế. Một nghệ sĩ già không vợ, không con, không còn cha mẹ, không còn một liên hệ nào với làng quê của mình nữa. Một nghệ sĩ già, sau ba mươi năm vất vả với những cảm nghĩ của chính mình, những đòi hỏi của kỹ thuật thể hiện, những khen chê của đời... Gian phòng, hãy tối lại một chút cho gần với cái âm u trong lòng mẹ thuở nào.

Hai lần bút chiến, trong đó có một lần bị thất lý, thua đậm. Một người tình ăn ở với nhau hơn ba năm bỗng bỏ chàng đi theo người khác. Hồi đó chàng mới ba mươi ngoài tuổi và không ngờ đến một trường hợp như thế. Sau khi cãi cọ xô xát, một mình quay về một xóm lao động bên Phú Lâm, chàng không buồn vào nhà, dừng lại xem mấy người đánh boule, bên một cây bàng to lớn, dưới đèn điện. Hàng ngày, trưa và chiều hai buổi đi về, chàng vẫn thấy mấy người đàn ông chơi cái trò ném những quả cầu sắt bằng nắm tay ở khoảng đất trống ấy, nhưng lúc này chàng mới có dịp thơ thẩn theo dõi trò chơi của họ. Chàng đã xem họ đến một giờ sáng, rồi đâm chán, bỏ về nhà. Trằn trọc mãi không ngủ được, lại ra xem. Hai giờ, ba giờ, đến năm giờ sáng vẫn còn có kẻ chơi. Mỗi lúc mỗi ngạc nhiên, chàng không tưởng tượng nổi một trò như vậy có thể hấp dẫn người ta đến thế. Người chơi có vẻ chăm chỉ, không mừng rỡ, la lối, tranh cãi ồn ào; nhưng lặng lẽ theo đuổi suốt đêm. Và sáng ra — đèn điện ngoài đường tái màu, rồi tắt — chàng lững thững vào nhà, người mỏi mệt bã ra, sự đau đớn trong lòng cũng mỏi mệt tê mê. Suốt ngày chàng nằm, thể xác và tâm hồn thấm thía, hiu hiu, trong một rã rời an ủi. Thế rồi chàng qua khỏi cơn khủng hoảng. Từ đó chàng nhìn những người lao động, giản dị và bền bĩ, trong trò đánh boule bằng cái nhìn khác. Gặp những nhóm người tụ nhau dưới bóng cây ở những khoảng đất trống, đó đây trong đô thành, ném bịch bịch những hòn sắt, một xúc động buồn bã dịu dàng dấy lên trong lòng mà chàng không nhớ ra mối liên hệ mơ hồ nào giữa chàng với quang cảnh ấy...
Hai lần bút chiến. Một lần người yêu đã sống với nhau gần như vợ chồng bỗng bỏ đi. Và lần khác đánh nhau với bạn bè trong tiệm ăn, một miếng chai vỡ cắt đứt gân đầu gối tưởng chừng đến mang tật suốt đời (thực ra bây giờ chàng hãy còn nhận ra cái sẹo rõ ràng, dù sờ bên ngoài lớp vải quần py-gia-ma). Nhưng tệ hơn cả là hôm đó chàng có vẻ bẩn thỉu quá: báo chí thuật lại om lên, mô tả chàng bị trút cả tô phở lên đầu, thịt và bánh phở dính đầy tóc tai, lọt vào tận bên trong áo, mặt mũi bỏng vêu lên, mình mẩy ướt bầy nhầy...
Một lần người yêu bỏ đi. Một lần đánh nhau với bạn, rồi lại những hôm ngồi ở tiệm nước bên rạp V.H. chờ mãi, chờ mãi, cô bạn gái không đến, bàn chân nóng nảy của chàng thỉnh thoảng đá phải cái ống nhổ bằng nhôm dưới bàn, khua ồn một tiếng đáng ghét.
Những hôm chờ bạn gái không đến. Rồi một lần, sau tập thơ thứ ba, bẵng đi năm năm chàng không in được tác phẩm nào nữa. Và văn giới đồn đãi, độc giả nghi ngờ, và chàng đâm hoang mang.
Nhưng rồi thi phẩm thứ tư lại ra đời sau đó, rồi cuốn thứ năm, thứ sáu,v.v... để cho chàng thành hẳn một thi sĩ địa vị vững vàng như ngày nay.
Những cô bạn gái lỗi hẹn, những bài thơ ra đời khó khăn, những lần kẹt xe ở bắc chờ đợi suốt ngày, những bận đau ốm, có khi nằm ở đồn điền một người quen cả tháng, buồn chết người v.v...
Để tiến cho tới cái tuổi già năm mươi, trời! phải trải qua quá nhiều sự việc, nhiêu khê, nhọc nhằn... Quá nhiều.
May là rốt cuộc chàng lại nằm được trong gian phòng, của chàng.
Ở đây, có thể hoàn toàn yên tâm.

Vâng, chỉ có sau cánh cửa phòng mình chàng mới yên tâm thực sự.
Bước ra một bước, ai biết được sự bất trắc gì đang chờ mình?
Cách đây nửa giờ, một cậu bé vừa làm khổ chàng. Chiếc xe gắn máy không chịu nổ. Nó đã bị bỏ ngoài mưa lâu quá, bu-gi lạnh chăng, hay bu-gi bẩn, đóng khói chăng? Bất quá vậy là cùng, chàng nghĩ thế. Mở ra, cạo cạo mấy cái là xong. Nhưng chàng không có khóa mở bu-gi, chàng đánh mất từ lâu. Ghé vào một tiệm sửa xe, chàng nghĩ nên nói ra sự nhận xét của mình để giúp người ta chữa cho nhanh. Nhưng cậu bé nhiều tự ái quá, coi như chàng muốn xen vào chuyên môn của nó. Mặt nó lạnh như tiền, nó làm như không nghe thấy tiếng chàng nói. Nó ngoe ngoảy tháo con ốc này, giật sợi dây kia, lung tung. Thằng bé đáng là đứa con thứ năm thứ bảy của chàng, nếu chàng có con. Thế mà trước thái độ của nó... Ít ra chàng nên ngồi im, mặc xác nó cho yên chuyện. Chàng sợ cái không khí lạnh buốt vì căng thẳng quanh sự lẻ loi của chàng lắm sao? Chàng tiếp tục mấy câu thân thiện làm gì cho nó cắt ngang một cách mất dạy?
Đã vậy mà trước khi ra đi chàng còn tìm một câu pha trò cho nó cười được một cái mới yên lòng. Có phải vì mưa đổ rỉ rả hoài suốt cả buổi chiều, một mình ngồi mà không chờ đợi một ai cả ở vỉa hè, cảnh ấy gây ra sự lo âu vu vơ? khiến chàng nài nỉ thân thiện?
May cho chàng, bây giờ thì mặc kệ, mưa cứ tha hồ rả rích trên đường sá đô thành, chiều xuống cứ tha hồ buồn ở các đầu đường, xó chợ, vỉa hè... Chàng đã yên vị trong gian phòng, của chàng.
Một thi sĩ năm mươi tuổi già có dư, mặc dù có một bà cô hay ngủ tỉnh trong buổi ấu thơ xa tít tắp, mặc dù có tô phở hắt vào người trong cuộc xô xát với bạn bè, mặc dầu năm lần mười lần trục trặc trong chuyện yêu đương, mặc dù bao nhiêu ngổn ngang phiền lụy... rốt cuộc vẫn có thể về phục vị, cố thủ trong một gian phòng với lũ sách, và tìm thấy an ninh hoàn toàn. Thật là huyền diệu. Đây là tường đồng vách sắt, là thành quách, là thâm cung của chàng.

Nằm trên ghế vải, chàng vói tay lấy cuốn Tơ tình của Dư Hoài Nhân. Cuốn sách này chàng vừa ý lắm. Hôm nào, chiều chiều, chàng cũng thích xem cuốn này.
Một gian phòng thật là của mình, với những cuốn sách thật quen thuộc: không có gì an ủi hơn.
Chàng bắt đầu lật. Trang 164. Có thể ngừng ở đây được. Vâng, được lắm. Trang này thật là hấp dẫn. Ở góc bên trái phía dưới trang sách, một chữ O nhoẻn cười, vui ra phết. Nó chú ý đến chàng hay chàng chú ý đến nó trước tiên? Dù sao cũng thích: hôm nào cũng gặp lại nó. Cái chữ O này láu lỉnh lắm nhá.
Giữa trang, một chữ N ngúc nga ngúc ngắc. Nó làm như vẫy gọi chàng thật gấp. Phải đến ngay với nó chớ. Nó lại làm như dãy đành đạch. Im nào! Nó vẫn còn như là run rẩy. Chàng biết: vờ thế chứ run gì!
Lũ chữ đến hay. Chàng biết chúng nó hết mà. Biết kỹ mà. Chúng giở trò gì ra, chàng đều biết tất. Chàng yêu chúng, như một bà góa không con yêu lũ mèo quanh quẩn trong nhà.
Ngừng lại với chúng một lát rồi chàng lật đến trang 286. Đây mới là chỗ nghỉ ngơi lâu. Mọi hôm chàng vẫn thảnh thơi ở đây hàng giờ. Chàng ngắm một bức hình, một phụ bản, của họa sĩ Liêu Hà. Chàng nhẩn nha ở đây. Trong tranh có một khoảng rừng, có chim, một đàn chim bay đi bay lại. Chàng theo dõi chim bay. Chàng để ý có con bay đi mất, chờ mãi không thấy trở lại. Chàng chịu khó chờ rất lâu, nhưng vô ích. Điều ấy khiến chàng lo lắng.
Trong tranh có đám người khá đông, cãi cọ, níu kéo nhau. Cứ một người rán sức lướt tới được một chút lại có người túm kéo giật lùi. (Nếu không, chẳng mấy chốc cả bọn sẽ biến mất hết về góc bên phải, phía trên.) Thi sĩ nhận ra một hình dáng quen quen. Chàng đưa hình lại gần mắt hơn tí nữa, nhìn kỹ! Người nọ bỗng ngoảnh mặt lại thình lình. Chết cha! Chàng vội ngó tránh đi, nhưng e không kịp. Linh mục X..., ông ta làm gì ở đây? Rõ ràng người ấy là linh mục X..., đeo kính trắng, cái soutane của ông bị kéo rách mất một vạt. Hình như mồm ông ta mấp máy nói gì ơi ới, ông ta kêu nói gì vậy? với chàng chăng?
Rút kinh nghiệm, thi sĩ không dám đưa hình sát gần nữa. Tuy vậy rồi một lát sau chàng vẫn nhận ra một người quen nữa trong đám đông. Một cô giáo. Cô mặc áo tàu, hở cả cánh tay. Cô giáo cũng bị đẩy tới đẩy lui, cũng múa may náo nhiệt như những người khác. Và đến một lúc, chàng tự bắt gặp mình có ý rình chờ lúc cô giáo giơ cao cánh tay lên, để xem nách cô ta, xem thử...
Chàng toan xấu hổ, nhưng kịp nhớ ra là mình đang tuyệt đối an toàn trong phòng mình. Chàng có thể tự do. Chưa bao giờ chàng thấy mình vừa ý hơn.

10 - 1966

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: tienve.org
Được bạn: Mọt Sách đưa lên
vào ngày: 26 tháng 8 năm 2004